

Số 97

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Trò chuyện
với con cái*

Tr. 7

Niềm vui tinh tấn

Tr. 17

Chuyện
700 năm trước

Tr. 31



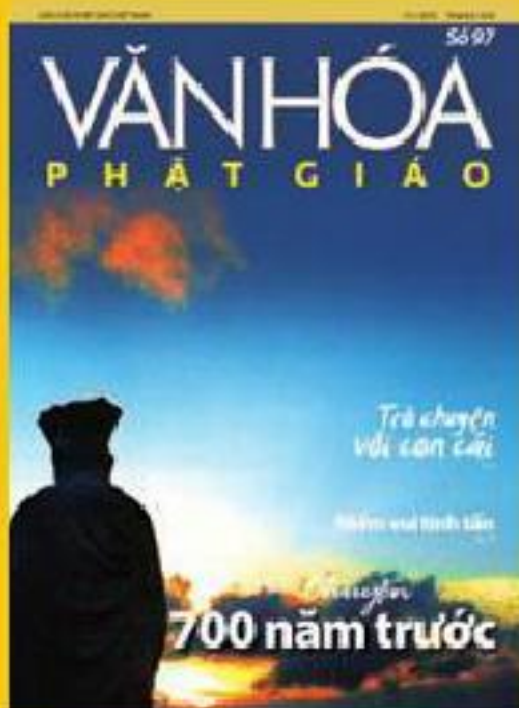
TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

Mái ấm gia đình Việt



Địa chỉ: Số 9, đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Văn phòng đại diện: 215-217 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM
Tel: (+84 650) 3790 955 - (+84 8) 3910 6910 * Fax: (+84 8) 3910 6913
Email: sales@hoasengroup.vn www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Vài suy nghĩ về đạo đức kinh tế (Thái Kim Lan)	3
Sương mai	6
Trò chuyện với con cái (Cao Huy Hóa)	7
Lời nói yêu (Nguyễn Hữu Đức)	10
Có một nơi để nương về (Võ Văn Lân)	12
Thân tu tập và tâm tu tập (Nguyễn Tường)	15
Niềm vui tinh tấn (Thanissaro Bhikkhu)	17
Bóng đại thụ (Đức Thông)	21
Tường thuật hội thảo "Khai mở bí mật thịnh vượng tài chính bằng trí tuệ Phật giáo" (Đỗ Hoàng Tùng)	23
Nước Mỹ nhìn từ bên ngoài xa lộ (Trần Đăng Khoa)	26
Vấn đề tái sinh (Granville Dharmawardena)	28
Chuyện bảy trăm năm trước (Trúc Đông)	31
Phật giáo và nỗi niềm dân tộc (N-Phú Xuân)	34
Kẻ thù nguy hiểm nhất (Nguyễn Cẩn)	36
Ngó về quê mẹ... (Lê Huỳnh Lâm)	38
Kỳ quan thế giới (Nguyễn Mạnh Hùng)	40
Khoa học và Phật giáo (Keerthi Wijayatunga)	42
Tự tin để biến đổi thế giới (Châu Văn Thuận dịch)	45
Bài học khôn của thằng Bờm (Hà Thúc Hoan)	47
15 ngày	49
Trên xe khách (Nguyễn Trọng Hoạt)	50
Phú bạn vong niên (Nguyễn Phúc Vinh Ba)	51
Thơ	52
Bước qua hai thế giới (Truyện ngắn của Nhựt Nguyễn)	54
Hồn lau (Lê Từ Hiến)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Nui ống xào (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Đường về Tây Trúc. Ảnh: Nhựt Nguyễn.

Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Chúng ta đang bước đến ngưỡng cửa năm mới Canh Dần. Mặc dù đất nước ta đang chịu đựng sự biến đổi khí hậu nặng nề, mô thức thời tiết đặc trưng của ngày Tết vùng Nam Bộ với gió lạnh chỉ vừa đủ se da buổi sớm nhanh chóng nhường chỗ cho những tảng nắng làm gai da thịt suốt ngày vẫn nhắc nhở chúng ta về một mùa Xuân đang dần đến.

Là thời điểm đâm chồi nảy lộc của muôn loài cây cỏ, mùa Xuân luôn đem lại cho chúng ta những niềm tin mới vào những thành tựu mới. Hơn nữa, trong lúc chúng ta đang chuẩn bị nhắc nhở với nhau về những thành tựu của đất nước suốt một ngàn năm lịch sử kể từ khi Thăng Long được chọn làm thủ đô của cả nước, chúng ta khẳng định niềm tin Hà Nội và đất nước Việt Nam đủ năng lực kế thừa và làm tỏa sáng những thành tựu ấy để từng bước đem lại ấm no cho dân tộc.

Trên niềm tin ấy, Văn Hóa Phật Giáo số 97 xin làm một bước chuyển để giới thiệu với quý độc giả những cố gắng không mệt mỏi của toàn thể nhân viên biên tập, trị sự và phát hành về các cải tiến cả về nội dung lẫn hình thức để mỗi ngày VHPG đều có thể đóng góp thêm vào những thành tựu về mặt văn hóa cho xã hội. Khẳng định niềm tin giáo pháp của Đức Phật chứa sẵn những giải pháp cho tình trạng tri tri của mọi xã hội, VHPG tiếp tục chuyên chở những ý kiến tâm huyết của những người có lòng với văn hóa dân tộc nêu lên những hiện tượng và những gợi ý giải quyết trên tinh thần Phật giáo.

Tiếp theo số báo này, VHPG sẽ phát hành số mùa Xuân Canh Dần, là một số báo ghép hai kỳ 98 và 99 với 96 trang in 4 màu. Như đã thưa trước, số mùa Xuân Canh Dần cũng là dịp để VHPG kỷ niệm năm năm ngày phát hành số báo đầu tiên. Ngoài việc cố gắng làm cho mỗi số báo VHPG "là một viên gạch vững chắc" như một độc giả vừa gửi thư đến nhắc nhở tòa soạn, chúng tôi nguyện luôn luôn giữ đúng chủ trương của tạp chí để đền đáp sự ủng hộ của chư vị độc giả suốt năm năm qua. Với tâm nguyện đó, chúng tôi cố gắng làm cho tờ báo Xuân đặc biệt phong phú về nội dung và trang nhã về hình thức, xứng đáng là một món quà có ý nghĩa. Rất mong quý độc giả đón đọc.

Chuẩn bị bước vào năm thứ sáu phục vụ bạn đọc, mặc dù vô vàn khó khăn về cơ sở vật chất, về tài chánh và về nhân lực, VHPG luôn luôn cố gắng để giữ cho tờ tạp chí của chúng ta ngày càng có giá trị hơn.

Xin chân thành chúc quý độc giả thân tâm thường lạc, vạn sự cát tường.

Văn Hóa Phật Giáo



Vài suy nghĩ về ĐẠO ĐỨC KINH TẾ

THÁI KIM LAN

1. Sự cần thiết xây dựng một triết lý đạo đức kinh tế đang là vấn đề thời sự: trong thập niên vừa qua, giới học thuật tại Âu châu rộ lên những cuộc thảo luận về những vấn đề đạo đức kinh tế và các đại học bắt đầu có môn “đạo đức học kinh tế” như là một ngành mới của môn đạo đức học cổ điển. Việc nghiên cứu để tìm ra nền tảng và phương pháp luận cho “đạo đức học kinh tế” đến từ những nhu cầu và vấn đề tha hóa đạo đức do sự phát triển nhanh chóng của kỹ nghệ thực dụng và kinh tế trên toàn cầu gây ra. Ngày nay cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới lớn nhất kể từ 1930 buộc những cường quốc và quốc gia đang phát triển không thể không đặt vấn

đề phục hồi lại tính năng động và hiệu quả kinh tế mà không chú ý đến câu hỏi về đạo đức kinh tế, trong đó những vấn đề môi trường, môi sinh thế giới, nhiệt độ trái đất, chiến tranh, khủng bố, đàn áp, nguy cơ thiếu nước uống, thiếu điện, tai họa thiên nhiên, nghèo đói, bất công xã hội cần được xem xét kỹ. Nói cách khác, vấn đề “con người đạo đức” và “hạnh phúc cá nhân”, “tổng hạnh phúc quốc gia” phải được định nghĩa lại chính xác hơn bao giờ trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Trước khủng hoảng kinh tế trầm trọng này, Phật giáo cống hiến gì ngoài lời khuyên nụ cười và hơi thở? Hôm nay chúng ta hiểu câu nói *Phật đến thế gian vì lợi ích của chúng sanh*, vì an lạc của chúng sanh như thế nào trong viễn tượng



xây dựng một nền đạo đức học kinh tế cho con người thế kỷ 21?

2. Tại Việt Nam, từ khi nền kinh tế thị trường mở cửa, vị trí và vai trò của doanh nhân đã dần dần được khôi phục, nếu không nói là đang chiếm được sự chú ý nhiều nhất đất nước đến nỗi trở nên một trong những đối tượng được giao trọng trách “cứu nguy đất nước”. Nhưng kèm theo sự phát huy nhanh chóng vai trò xã hội, thì trên lãnh vực “thị trường tự do” các hiện tượng tự do đầu cơ, hoạt động kinh tế trên nhiều lãnh vực như bất động sản, tích lũy sản xuất... có vẻ được buông thả hoặc chỉ dành riêng cho tập đoàn có thế lực. Doanh nhân, với những thành công bất ngờ đáng kể, chưa kịp nhận diện sâu xa về bản lai diện mục của mình thì

lại đang đứng trước những vấn đề hầu như sinh tử của thế giới đang vạ lây đến Việt Nam: khủng hoảng tài chánh và tiền tệ, khủng hoảng kinh tế toàn cầu, phân hóa giàu nghèo, tệ trạng xã hội, hủ hóa kinh tế, bế tắc môi sinh, tai nạn môi trường. Câu hỏi mà doanh nhân thường đặt ra cho Phật giáo - thoát tiền nhìn từ bên ngoài - phương thức nào có thể đưa đến thành công không những trong tình trạng kinh tế khủng hoảng mà ngay cả trong đời thường nếu noi theo đạo Phật? Đạo đức Phật giáo với hạnh bố thí, diệt dục có làm cản trở phát triển kinh doanh? Doanh nhân Phật tử có thành công hơn doanh nhân thường? Những hành động tính toán có vi phạm đạo đức Phật giáo hay không? Nhìn toàn bộ giáo

lý của Đức Phật, những điều Phật dạy liên quan đến những yếu tố kinh tế, kinh doanh, phân phối tài sản, năng suất sản xuất tuy không nhiều so với nội dung rèn luyện tâm linh, đạo đức, truy tìm chân lý, nhưng lại rất thiết thực và khoa học:

“Này gia chủ, có năm lý do này để gây dựng tài sản. Thế nào là năm? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thân góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thân được một cách hợp pháp; vị ấy: 1) Tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Làm cho vợ con, người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 2) Làm cho bạn bè thân hữu an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 3) Các tai họa từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ kẻ thù hay từ các người thừa tự không xứng đáng được chặn đứng, và nó giữ tài sản được an toàn cho nó; 4) Làm năm hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho tổ tiên đã chết, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư Thiên, và 5) Đối với các Sa môn, Bà la môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú nhẫn nhục nhu hòa, nhiếp phục tự mình, an tịnh tự mình, làm lắng dịu tự mình, đối với những Sa môn, Bà la môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường tối thượng, đưa đến cảnh giới chư Thiên, được quả dị thực, đưa đến cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản.”[5]

Kinh *Bộ Tạng Chi* (Aṅguttara Nikāya), II, Thích Minh Châu dịch, Hồ Chí Minh, 1988, tr. 49-51.

3. Mặt khác những lời dạy đoạn diệt ái dục thường được hiểu sai lệch theo khía cạnh tiêu cực, có khuynh hướng khai trừ, phân biệt, một bên tục lụy bon chen, một bên thanh cao giải thoát. Ngay cả ở Âu châu, sự phân biệt giữa chiếm đoạt thế giới (vật chất) và giải thoát linh hồn chế ngự tư tưởng nhị nguyên. Kinh tế và con người chia làm hai ngã, một bên là chợ đời, một bên là con người giải thoát. Từ đó doanh nhân làm kinh tế là vướng tục lụy, tội lỗi, nhúng chìm với tiền bạc là liên kết với khổ não. Nói theo đạo Phật là đứng ở đâu: tục lụy hay thanh cao? Trên bình diện đạo đức kinh tế, câu trả lời thích đáng theo tinh thần Phật giáo nằm ở sự quân bằng cân cân hạnh phúc từ sự hiểu đúng tương quan duyên khởi, tương quan tương tác giữa tục lụy và thanh cao, từ chánh kiến vô ngã vô thường.

4. Chính sự vô thường của cuộc sống chứng minh lời dạy của Đức Phật không xa rời chân lý. Chẳng có nền kinh tế nào là bất biến. Nếu nhìn được sự đổi thay bằng con mắt trí tuệ, thì con người nắm được yếu quyết tìm ra giải đáp qua sự tỉnh táo phân tích nguyên nhân của khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế thế giới ngày nay đòi hỏi những biện pháp kích cầu mới để khởi động và phát huy nội lực kinh tế của mỗi vùng. Biện pháp rất cần thiết là kiểm tra tiềm năng, trong đó kiểm soát phê phán nhu cầu của người tiêu dùng, định hướng sản xuất cho người kinh doanh sản xuất là hai vế không thể thiếu cho kế sách “tổng hạnh phúc quốc gia”. Phương pháp phân tích tìm ra nguyên nhân khổ não để “diệt dục”, “thiểu dục” trở nên cần thiết hơn bao giờ nếu chúng ta thật sự muốn có một nền kinh tế bền vững và ích lợi lâu dài cho cộng đồng. Phản tỉnh có tính phê phán về quá trình

sản xuất và tiêu thụ không phải chỉ được thực hiện sau khi khủng hoảng xảy ra mà thật sự phải được tiến hành ngay trong chính quá trình đầu tư kế hoạch.

5. Nếu một doanh nghiệp sản xuất những thứ mà con người không cần đến (vượt quá nhu cầu con người) thì trên nguyên tắc có hai cách để thay đổi điều ấy: về phía người sản xuất, hoặc là thay đổi sản phẩm hay thay đổi người tiêu thụ có nghĩa thay đổi nhu cầu tiêu dùng. Về phía người tiêu dùng, nếu người ấy không có được tất cả những sản phẩm muốn có thì hoặc bằng mọi giá người ấy tìm cách sở hữu cho được chúng hoặc tìm đủ được lý lẽ để nhận ra mình thực sự không cần đến và thôi không tiêu thụ những thứ ấy nữa. Trong cả hai quá trình, cả người kinh doanh – và người tiêu dùng đều thực hiện một cuộc phản tỉnh có phê phán về hành động của mình. Trong hoàn cảnh kinh tế tư bản hiện đại, cuộc chơi chung hay mua bán giữa người kinh doanh và tiêu dùng được đơn giản hóa ở điểm: người sản xuất kích thích nhu cầu của người tiêu dùng đơn giản hơn là tìm ra những thứ sản xuất chỉ vừa đủ cần thiết cho cuộc sống, và người tiêu dùng cũng chọn cách đơn giản là có được hiện vật thay vì phê phán phản tỉnh lại nhu cầu của mình. Trong trường hợp như thế, thuyết giảng đạo đức để ngăn chặn lại sự quá đà khó có hiệu quả, trừ phi có một cuộc thay đổi cách mạng tư duy kinh tế.

6. Đạo Phật thực sự không đến sau để thuyết giảng. Đức Phật để ra một cuộc thay đổi tư duy để nâng phẩm chất cuộc sống thay vì khổ đau trở nên hạnh lạc. Cuộc thay đổi này khởi đi từ sự phản tỉnh về nguồn gốc của khổ, trong đó có nghèo đói, tham lam, dục vọng và về NGÃ chấp – cả người bán lẫn người mua đều là NGÃ trong liên hệ điều kiện tính với nhau. Đạo Phật đòi chúng ta có một cái nhìn hội nhập toàn diện về tương quan điều kiện của mọi sự vật. Chúng ta cũng nên nhìn đạo Phật trong tính toàn diện của chính lời dạy Đức Phật. Như thế, “diệt dục” hay trong trường hợp này phê phán nhu cầu của người bán và người mua không có nghĩa dẹp hết mua bán mà mua bán trên một bình diện cao hơn, không có sự người bóc lột người, sự mua bán này đem đến lợi ích hay hạnh phúc cá nhân nằm trong “tổng hạnh phúc quốc gia”, có nghĩa, hạnh phúc cá nhân được định nghĩa trong cái bọc chung “hạnh phúc” của quốc gia hay rộng hơn của cả toàn cầu. Diệt dục hay rà soát lại nhu cầu tiêu dùng, cung cầu, đến từ ý thức tự giác của mỗi người là điều kiện cho một thể tính kinh tế mới, khai phá tiềm năng phát triển về phẩm chất. Trong tương quan nhất thể, diệt dục và giác ngộ, giải thoát khổ đau là điều kiện tính của nhau. Tính năng động của diệt dục, diệt tranh chấp, hận thù có nghĩa tích cực ở điểm, chính trong quá trình phân tích để nhận ra nguyên nhân, tâm từ bi được nảy sinh, củng cố và phát huy, từ đó sức mạnh nội lực của tình thương làm cơ sở cho giải thoát, giác ngộ.

7. Nói “diệt” là nói tiêu cực, nhưng sức mạnh biện chứng của diệt chính là “nâng lên”. Nâng lên để khai phá trên một bình diện phẩm chất cao hơn. Diệt là để đem đến niềm vui chứ không phải là rơi vào trong vô vọng. Có ai nghĩ được

kinh *Kim cương* hôm nay được lý giải như nền tảng nguyên lý xây dựng một nền kinh doanh đem lợi nhuận thật sự mà tác giả nhà sư Geshe M. Roach trong tác phẩm *Diamond cutter (Năng đoạn kim cương, Trần Tuấn Mẫn dịch)* đã phân tích? Trong tinh thần ấy, tất cả kinh điển của đạo Phật đều có thể được vận dụng để xây dựng một triết lý đạo đức kinh tế. Công cuộc nâng cao phẩm chất đời sống, theo Đức Phật, đòi hỏi chúng ta vận dụng triệt để trí tuệ để quán sát sự vật đúng như bản chất chân thật của chúng. Điều đó có nghĩa khai phá tiềm năng nằm chính trong năng động của sự biến đổi, trở thành. Trong tương quan giữa người bán và người mua, giữa doanh nhân và người tiêu dùng, trong quá trình sản xuất và tiêu thụ, triết lý kinh tế theo phương pháp phân tích chuỗi tương quan nhân quả của đạo Phật nằm trong sự phản tỉnh về "nhu cầu", kiểm soát nhu cầu của sản xuất và tiêu thụ. Phản tỉnh có tính phê phán về nhu cầu của người tiêu dùng đã được lắp vào trong phản tỉnh phê phán của người sản xuất. Đồng thời phản tỉnh phê phán sản xuất của người sản xuất cũng nằm trong phản tỉnh phê phán nhu cầu của người tiêu dùng. Chính quá trình đánh giá giá trị sản phẩm này của cả hai bên ấn định chừng mực phát triển của nền kinh tế.

8. Phát triển kinh tế như thế tùy thuộc vào khả năng sáng tạo của mỗi người biết vận dụng giáo lý của Phật để triển khai giải đáp những khó khăn trong quá trình xây dựng doanh nghiệp.

Một dịp, Đức Phật nhận được câu hỏi sau: (*Thanh tịnh đạo luận*, Buddhagosa)

"Bên trong rối rắm và bên ngoài rối rắm -
Thế giới này rối rắm trong một mớ rối,
Ai là người thành công gỡ được mớ rối này?"

Đức Phật giải thích tất cả những rối rắm này đều có tâm như người đi trước báo hiệu:

"Khi người trí, gây dựng tốt trong đức hạnh,
Phát triển ý thức và hiểu biết,
Khi một tỷ kheo hăng hái và khôn ngoan.
Người như vậy thành công trong việc gỡ rối này.

Trí tuệ cùng với từ bi chính là hai yếu tố tích cực đóng góp vào sự thành công.

Trên bình diện kinh doanh, thành công có nghĩa trước hết là hoàn tất các giai đoạn sản xuất, tổ chức kinh doanh, bộ máy điều hành. Hoàn tất công việc là hoàn hảo hóa đến mức tối đa. Trong quá trình này không thể vắng bóng viễn tượng của người tiêu dùng. Hoàn hảo hóa một sản phẩm có nghĩa chia sẻ niềm vui đến với người mua. Chính trong quá trình này, hạnh phúc của người kinh doanh là niềm hỷ lạc cung ứng một sản phẩm tốt đẹp trên thị trường hay trong công xưởng. Niềm vui này không phải là niềm vui có được vật chất, sở hữu của cải, nó là một loại viễn ảnh (vision) hướng dẫn người kinh doanh hoàn tất công việc trước khi công việc đem đến kết quả. Niềm vui này nối kết với trí tuệ chính là hạnh từ bi trong công việc.

Như mẹ hiền thương yêu con một
Muốn hy sinh bảo vệ cho con

Với muôn loài ân cần không khác
Lòng ái từ như bể như non

Sau đó sự thành công trong kinh doanh đem lại niềm vui mãn nguyện. Và nếu nó được chia sẻ bằng hạnh bố thí cho cộng đồng, thì dự án tổng hạnh phúc cho toàn thể quốc gia được bảo đảm:

"Này gia chủ, có năm lý do này để gây dựng tài sản. Thế nào là năm? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thân góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thân được một cách hợp pháp; vị ấy: 1) Tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Làm cho vợ con, người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 2) Làm cho bạn bè thân hữu an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 3) Các tai họa từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ kẻ thù hay từ các người thừa tự không xứng đáng được chặn đứng, và nó giữ tài sản được an toàn cho nó; 4) Làm năm hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho tổ tiên đã chết, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư Thiên, và 5) Đối với các Sa môn, Bà la môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú nhẫn nhục nhu hòa, nhiếp phục tự mình, an tịnh tự mình, làm lắng dịu tự mình, đối với những Sa môn, Bà la môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường tối thượng, đưa đến cảnh giới chư Thiên, được quả dị thực, đưa đến cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản".

Kinh *Bộ Tạng Chí* (Aṅguttara Nikāya), II, Thích Minh Châu dịch, Hồ Chí Minh, 1988, tr. 49-51.

"Tài sản cần chia làm bốn phần: Một phần để ăn uống và làm các bốn phận, hai phần để đầu tư mở rộng doanh nghiệp, và phần tư còn lại để dành lúc khó khăn".

"Này Bà la môn, tài sản thu hoạch chơn chánh như vậy có bốn con đường dẫn đến suy giảm. Đó là tiêu dùng vào đường truy lạc, say xỉn, cờ bạc và giao du bạn ác. Ví như một hồ nước lớn với bốn ống dẫn vào và bốn ống dẫn ra được mở van, và trời không mưa, hồ nước lớn ấy chỉ có mong đợi là giảm, không tăng..."

"Này Bà la môn, tài sản thu hoạch chơn chánh như vậy có bốn con đường dẫn đến phát đạt. Đó là không tiêu dùng vào đường truy lạc, không say xỉn, không cờ bạc và giao du với bạn thiện. Ví như một hồ nước lớn với bốn ống dẫn vào và bốn ống dẫn ra. Nếu những ống dẫn vào được mở ra và những ống dẫn ra được đóng lại, và trời mưa, thì sự mong đợi chỉ có thể gia tăng, không giảm..."

"Này Bà la môn, bốn điều kiện này đưa đến hạnh phúc và lợi ích cho một thanh niên trẻ trong hiện tại".

Bà la môn *Ujjaya* viếng thăm và hỏi Đức Phật về cách sống thế nào để được hạnh phúc. Ngài đã trả lời bằng sự giải thích những điều kiện có thể đưa đến hạnh phúc cho đời này và đời sau: sự nỗ lực (*uṭṭhāna-sampadā*), sự thận trọng (*rakkhāna-sampadā*), bạn tốt (*kalyāṇa-mitta*), nếp sống cân bằng (*sammā-ājīva*).

Đạo đức kinh tế Phật giáo như thế không phải là lời khuyên bên ngoài mà chính là hòn đá tảng xây dựng bên trong cơ nghiệp đóng góp vào an sinh của xã hội nhân quần. ■

***Không trên trời giữa biển
Không lánh vào động núi
Không chỗ nào trên đời
Lấp được quả ác nghiệp
Kinh Pháp Cú (kệ 127)***



Trò chuyện với con cái

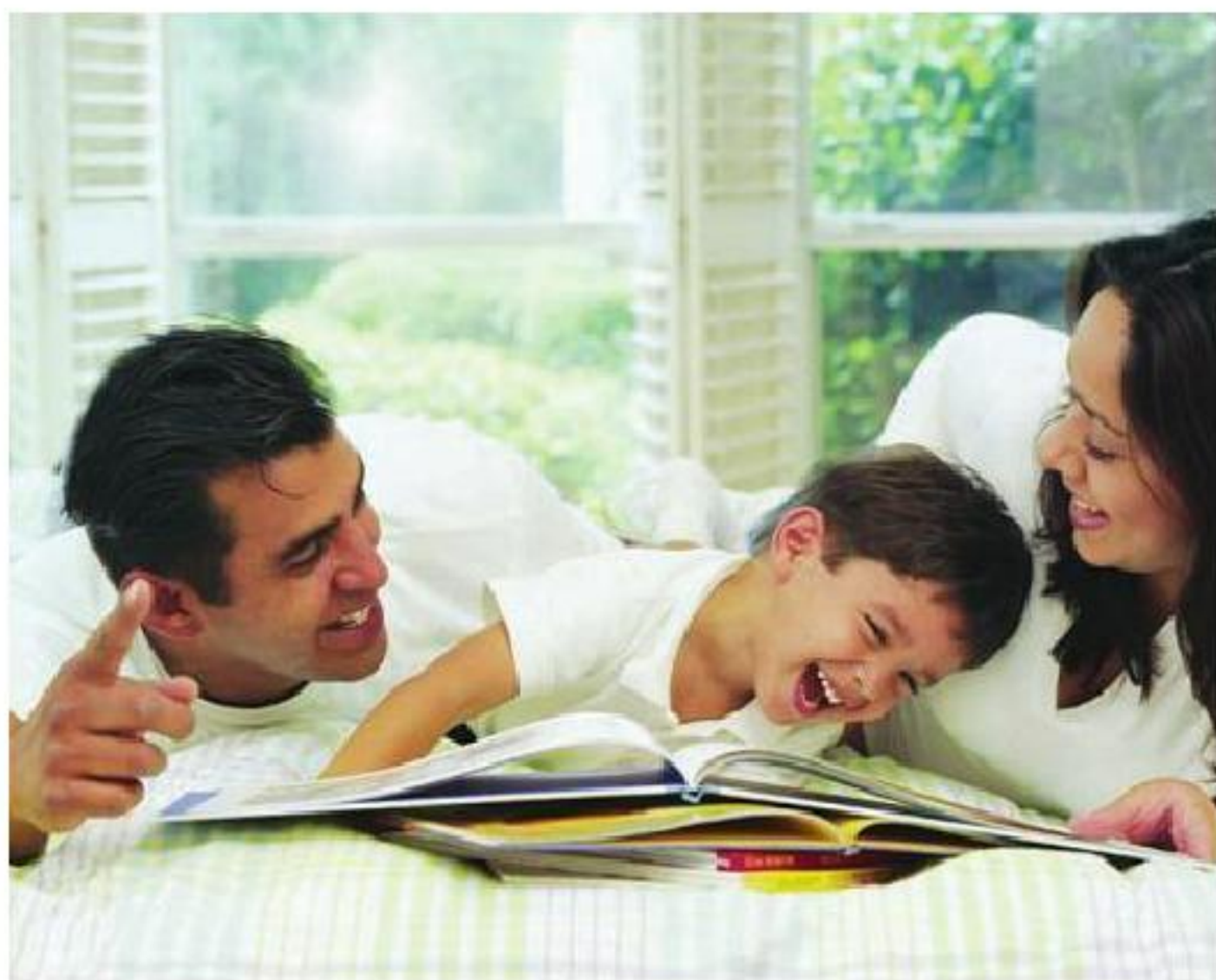
CAO HUY HÒA

Con người từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành, lớn lên rất nhanh và được đánh dấu bởi các mốc thời gian, cũng như cây qua từng giai đoạn: nảy mầm, ra lá, vươn cao, trổ nhánh,... Cũng như cây cần môi trường tốt để phát triển, con người cần đủ tố chất và môi trường để hoàn thiện nhân cách, nhất là trong giai đoạn trải qua các mốc thời gian và các biến cố trong những mốc thời gian đó.

Bậc cha mẹ có con bước qua các mốc thời gian, như vượt cấp từ tiểu học lên trung học, từ trung học cơ sở lên

trung học phổ thông,... không khỏi vừa mừng vừa lo: mừng vì con mình biết nhiều, chóng lớn, "trở mã"; lo vì con có những biểu hiện khác thường, vì ngại con mình thoát ra ngoài vòng cương tỏa của gia đình. Nhà trường và thầy cô giáo đón nhận sức xuân vươn lên phơi phới của học sinh, nhưng ngược lại không khỏi đau đầu vì những hiện tượng cá biệt, khó dạy.

Xã hội càng tiến lên trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì thời gian mà các thành viên trong gia đình dành cho nhau ngày càng ít đi: cha mẹ vất vả công việc ở



cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, nhiều khi phải làm thêm cho đủ trang trải nhu cầu gia đình, con cái thì ngoài học chính khóa, còn học ngoại khóa, rồi học thêm, luyện thi, học Anh Văn, hưởng ứng phong trào, sinh hoạt tập thể, rồi party, sinh nhật, Valentine's day, chat, game,... choán hết thời gian; với những trẻ em nghèo thì ngoài giờ học còn phải bươn chải kiếm sống, đỡ đần cho cha mẹ. Mỗi người trong gia đình lần hồi có thể giới riêng, người này không hiểu người kia, tình thương và niềm vui không mấy khi tỏ lộ. Tất nhiên, có không ít mái ấm gia đình có cha mẹ vui vẻ thành đạt trên đường đời, con cái học hành tử tế, bữa ăn rộn rã tiếng cười, nhưng không phải là ít những ngôi nhà vắng lặng, hoặc gay gắt, căng thẳng, hoặc nghiêm trọng hơn vì cha mẹ ly thân, ly dị. Trong hoàn cảnh không may như thế, trẻ dễ dãi tìm đến bạn bè bên ngoài, bắt chước theo trào lưu, thị hiếu mà không biết chọn lựa, và con đường rời xa sách vở, mất hứng thú học tập tất yếu xảy ra.

Xã hội tiêu thụ ngày nay cũng mang tính toàn cầu, được định hướng từ những nước phát triển cao, nhất là ở Âu Mỹ, đặc biệt là sản phẩm nghe nhìn, thời trang, giải trí... kể cả ma túy và rượu, kể cả tình dục sớm. Ở Âu Mỹ, luật lệ rất nghiêm khắc đối với những tệ nạn ma túy và rượu, và sau này có cả thuốc lá, nhưng những thứ này vẫn tiếp tục phá hoại cuộc sống người nghiện, trong đó có không ít thanh thiếu niên.

Làm sao cho tuổi hồng, tuổi xanh vươn lên tươi tốt dưới ánh mặt trời, tránh khỏi bóng ma của tệ nạn xã hội, khỏi rượu và ma túy? Xã hội và nhà trường phải hướng mọi nỗ lực tổng hợp để giải quyết vấn đề này, nhưng hơn ai hết cha mẹ có trách nhiệm cao nhất đối với con mình, đứa con chưa vãn hết bé bỏng vì còn trong gia đình, và chính cha mẹ cần phải chiêm nghiệm xây dựng mái ấm như thế nào, đối xử với con bằng trách nhiệm và tình thương ra sao. Hiện nay, các kiến thức về giáo dục gia đình, các kiến thức về tâm, sinh lý lứa tuổi vị thành niên, các thông tin về tệ nạn xã hội đã phổ biến rất nhiều, trên sách cũng như trên mạng; tuy nhiên, những vị cha mẹ có hoàn cảnh khó khăn do con cái có vấn đề về lối sống, về tệ nạn xã hội, thì thường thường tự giải quyết, mà thiếu tư vấn.

Trang web **Time To Talk** (www.timetotalk.org) của mạng Yahoo! Groups là một diễn đàn cho những bậc cha mẹ như thế. Trang web có mục đích hướng dẫn và đề nghị lời khuyên cho các bậc cha mẹ nói chuyện với con như thế nào để giúp con sống lành mạnh và xa rời ma túy, đồng thời mở diễn đàn để những người làm cha mẹ đưa ra tình huống về khó khăn của tuổi teen và cùng nhau góp ý giải quyết. Để giúp cho cha mẹ thấy được vấn đề, trang web đã có bài chủ đạo: **Transitions and Teens, A guide for parents** (Sự chuyển tiếp và tuổi teen, một hướng dẫn cho cha mẹ). Người viết bài này xin giới thiệu bài chủ đạo nói trên.

Trước hết, cha mẹ cần phải nhận ra sự chuyển tiếp và khó khăn của con trẻ khi bước qua giai đoạn chuyển tiếp. Một số trường hợp cụ thể:

1/ Con bạn chuyển lên bậc học mới (từ tiểu học lên trung học cơ sở, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông). Những trẻ này giống như con cá lớn trong ao nhỏ bỗng trở thành con cá nhỏ trong ao lớn. Những đứa lớn hơn và lăm lè có thể làm cho người khác khó chịu. Một số nam sinh cảm thấy gai gai khi bạn nữ đồng tuổi nay có vẻ lớn hơn và kết thân với nam sinh lớn tuổi, học lớp cao hơn.

2/ Gia đình bạn chuyển đến định cư tại một thành phố khác. Con bạn có thể bị quấy rầy khi gặp những người mới và kết bạn trong môi trường không thân thiện. Nhóm học sinh trường mới muốn kết thân với con bạn, nhưng nó còn cảm thấy khó chịu hay thiếu tự tin.

3/ Con bạn đang trải qua tuổi dậy thì. Sự biến đổi rất rõ nét về thể chất, về hormon khiến nó có khi thể hiện thái độ khác thường. Đặc biệt, bé gái có thể cảm thấy bất tiện hay bối rối về chuyển biến cơ thể. Dậy thì là chuyện bình thường, nhưng phần đông trẻ cảm thấy là khác thường, và rất sợ liệu có gì sai trái không.

4/ Con bạn sớm biết mùi yêu đương. Bạn có thể nhún vai, xem đó là trò lãng nhăng trẻ con, nhưng con bạn cảm thấy điều đó có gì khác thường mà ý nghĩa quan trọng ghê lắm. Học sinh trung học, trong trường hợp này, tự phán xét chúng qua cách người lớn nhìn về chúng như thế nào; vì thế khi quan hệ này kết thúc, đứa trẻ có cảm giác bị hắt hủi thẳng thừng. Khi mọi sự xấu đi, chuyện tình cảm tại trường có thể kéo theo chuyện không hay bên ngoài và lời đồn tai hại.

5/ Gia đình bạn chịu một biến cố lớn, tức thời, ví dụ cái chết, ly dị hay tái hôn. Khi toàn bộ gia đình thay đổi, con trẻ chịu sức ép điều chỉnh nhiều nhất. Nơi ăn chốn ở mới, những quy tắc sinh hoạt, những đối xử mới với mọi người. Con trẻ phải chịu một thời gian dài đau khổ khi cha hoặc mẹ mất đi, hoặc cha mẹ ly dị.

Trong quá trình chuyển tiếp, lý do gì khiến trẻ dùng ma túy?

- Chống lại cô đơn, lo âu, suy nhược, thiếu tự tin.
- Gia đình quở trách, nhà trường khiển mụn.
- Giải tỏa bức dọc trong hoàn cảnh xa lạ.
- Tỏ vẻ lãnh đạm hay muốn thay đổi hình ảnh hoặc tiếng tăm.

- Thích nghi với một nhóm bạn ưa ý, và nhóm này có dùng ma túy.

Vậy thì bạn làm thế nào để giúp trẻ?

Bạn có thể chú ý đến cảm xúc, lo lắng và nhu cầu của con bạn. **Hãy để hết tâm trí vào cuộc sống của con bạn trong thời kỳ chuyển tiếp khó khăn là điều quan trọng nhất. Làm được như thế chính là bạn giữ cho trẻ khỏi sa vào ma túy và rượu.** Thực tế, chỉ có 18% trẻ trong trường hợp này chơi những trò nguy hiểm cao như tình dục không an toàn và ma túy.

- **Có nên đối thoại với con?** Cần quá, nếu con gái bạn cho rằng nó không thể kể nó cảm xúc như thế nào, nhưng nó thích nói chuyện tại một nơi nào khác cho thoải mái và khuấy khỏa. Ngay cả nếu bạn sợ những gì bạn sẽ nghe, hãy lưu ý con bạn rằng nó có thể nói với bạn (hay một người lớn khác) về bất cứ gì mà không bị phán xét.

- **Có nên để dành thời gian ràng buộc gần bên nhau?** Nếu gia đình bạn vừa trải qua một sự chuyển tiếp chấn động, ví dụ như di chuyển chỗ ở hay ly dị, con bạn cảm thấy bị thờ ơ. Bạn hãy chứng tỏ tình thương bằng cách đưa con đi mua hàng, chơi bowling hay đi ăn kem. Sự quan tâm đặc biệt này nhắc nhở nó rằng, bạn vẫn chú ý những gì diễn ra trong đời con bạn.

- **Có nên bàn với con về nguy hại của ma túy và rượu?** Cho dầu con bạn đã nghe chuyện này một triệu lần, thì chẳng có gì tổn thương khi nói cho con hậu quả của ma túy và rượu. Hãy thử động viên con bạn nói một cách thành thật về kinh nghiệm của nó với những chất khác nhau bằng cách hỏi: *"Này, con có nghe đứa nào ở trường hút thứ gì không?", "Con có ý kiến gì về mấy đứa trẻ dùng viên thuốc lạ lạ?"*.

- **Có kiểm tra và truyền đạt nữa hay không?** Hỏi con những câu có vẻ xoi mói có thể làm con bạn bức mình, nhưng có thể giữ nó an toàn. Nếu bạn nhận được câu trả lời không như mong đợi hoặc vô nghĩa, thì coi chừng mọi sự đã xuống dốc. Bạn hoàn toàn đúng khi hỏi con về những bạn thường chơi với nó, chúng có kế hoạch làm gì, dự định đi chơi đâu. Bạn có quyền kiểm soát con gái về những cuộc điện thoại qua đêm. Số trẻ không được giám sát dùng thuốc nhiều hơn 4 lần so với số trẻ được giám sát. Nếu con bạn có cách cư xử quấy rầy, hoặc có các triệu chứng như giảm hay tăng cân, chán ăn, ngủ bất thường, bạn nên nhờ bác sĩ giúp đỡ.

Vài lời tâm tình với con

Khi bạn bị stress, con bạn cũng bị stress. Theo khảo sát hiện nay, stress là nguyên nhân hàng đầu khiến trẻ sa vào ma túy. Vì vậy, nếu hiện tại bạn mất việc hay có sự cố gì làm thay đổi lối sống của gia đình bạn, bạn thử nói những lời sau đây với con bạn:

"Cha (mẹ) biết đây là chuyện buồn khi chúng ta không có đủ tiền cần dùng. Nhưng đây là hoàn cảnh tạm thời, gia đình chúng ta có thể vượt qua. Ngay cả nếu chúng ta không thể mua những thứ trong thời gian gần đây nhất, cha mẹ luôn luôn cho con và các anh chị con nhiều thứ cần thiết. Và

nói thật ngay thẳng, tiền không phải là thứ quan trọng nhất trên đời. Chúng ta rất may mắn vì có đủ sức khỏe và nhiều thứ khác nữa!"

"Cha (mẹ) không muốn cho con biết nhiều chi tiết hơn con muốn biết về tình hình tài chính của gia đình, nhưng hãy nhớ rằng cha (mẹ) luôn vui lòng trả lời bất cứ câu hỏi nào của con. Con không cần ước đoán hay lo lắng về hoàn cảnh hiện nay. Cha vui sướng nói với con về tiền, và cha cũng đứng đây để nghe con quan tâm chia sẻ."

Những chuyện trên đây là chuyện của cha mẹ con cái bên Mỹ, nhưng đại thể các vấn đề nêu trên của xã hội Mỹ vẫn không xa lạ với Việt Nam. Chỉ có điều cần phân tích, nếu lý do khiến tuổi teen đụng đến ma túy và rượu ở Mỹ như đã nói ở phần trên, thì ở Việt Nam, ngoài việc vẫn tồn tại những lý do trên, đặc biệt là cảm giác cô đơn khi gia đình ghè lạnh (mất người thân, cha mẹ bỏ nhau,...), hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lý do quan trọng hơn thường là cha mẹ làm tiền nhiều của mà không duy trì truyền thống gia đình tốt đẹp, thiếu chăm sóc con cái về tinh thần và nếp sống, thiếu quan tâm việc học của con, chỉ biết chi tiền cho con để con phung phí, từ đó con cái lơ là học tập, học càng ngày càng mất căn bản, hậu quả là không thiết tha học, dẫn đến bê tha ở những môi trường không lành mạnh. Hiện tượng này càng phổ biến ở các thành phố, và nổi lên mặt tiêu cực của một xã hội tiêu thụ tác động đến trẻ vị thành niên: thời trang lố lằng, tụ tập ăn chơi, rượu, thuốc lắc, nhạc kích động, đua xe ngoài đường phố, quan hệ tình dục sớm,...

Trò chuyện cùng con với tình thương và trách nhiệm, với hiểu biết về tâm lý lứa tuổi, biết lắng nghe con mà không vội phê phán, không gay gắt nổi nóng, tự mình phản tỉnh để con cảm nhận tình thương của cha mẹ và trở lại gần gũi với gia đình; đó là giải pháp tối thiểu của bậc làm cha mẹ. Điều có tính cách căn cơ trong thời đại toàn cầu hóa với nhiều cám dỗ vật chất là gia đình phải thực sự là mái ấm tràn đầy tình thương, cha mẹ ân cần chăm sóc con, không phó mặc con cho nhà trường, sống có tình nghĩa với mọi người, dạy con biết quý đồng tiền do lao động chính đáng,... những điều đó làm cho con đề kháng với những bệnh tiêu cực của xã hội. Theo kinh *Sigala – Dasutta*, *Trường Bộ kinh* (hệ Nikàya) và kinh *Thiền Sanh* (hệ A Hàm), Đức Phật dạy bậc cha mẹ 5 điều, ngoài 2 điều để cập đến con lớn (dựng vợ gả chồng cho con nơi xứng đáng; chia gia tài cho con, đúng thời, không thiên vị) thì 3 điều thích hợp nhất với con còn nhỏ:

1. Ngăn ngừa không cho con làm việc tội lỗi.
2. Dạy con làm việc lành.
3. Cho con học nghề, có được nghề nghiệp ổn định.

Hạnh phúc thay cho những gia đình theo Phật, vì mỗi người trong gia đình đều có vị thấy chung: đó là Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni. Mọi người trong gia đình, trước hết là cha mẹ, thực hành Tứ vô lượng tâm trong đời sống hàng ngày, trong việc giải quyết những vấp vấp, sa ngã của trẻ, trong trò chuyện giữa cha mẹ và con cái, hầu đem lại sự hòa hợp và an vui trong gia đình. ■



Lời nói yêu

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Từ rất lâu, có câu thơ thuộc nằm lòng của bao thế hệ dân tộc ta đề cao cách nói năng như thế nào để quan hệ giữa người và người là thân ái, là tốt đẹp: ***"Lời nói không mất tiền mua/ lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"***.

Rõ ràng là lời nói khéo có thể nâng người ta lên, thấy cuộc đời là hạnh phúc, trong khi đó lời nói vụng về, ác ý có thể đìm người ta xuống, thấy đời là bế khổ. Có thể nào đánh giá cụ thể lợi ích về một lời nói không mất tiền mua nhưng nói ra lại làm cho người nghe cảm thấy tràn đầy hạnh phúc? Mặc dù biết rằng tiền bạc có khi không mua được sức khỏe và hạnh phúc nhưng trong thời đại hiện nay nó lại là công cụ thuận tiện giúp người ta so sánh, đánh giá

điều gì đó. Trong quyển sách *Nơi không có bác sĩ* (Where there is no doctor, được dịch và xuất bản ở nước ta với tựa đề *Chăm sóc sức khỏe*), tác giả, bác sĩ David Werner, đã kể "có lần tôi thấy một bệnh nhân nhức đầu dữ dội, một phụ nữ đưa anh ta một miếng khoai mài và bảo rằng đó là thuốc giảm đau rất mạnh rất tốt. Anh ta tin lời đã ăn và kết quả là khỏi đau một cách nhanh chóng". Ta có thể hình dung lời lẽ của người phụ nữ phải tràn đầy sự yêu thương người bệnh và thể hiện niềm tin quyết liệt để người bệnh được thuyết phục đó là "thuốc thật" dù đó chỉ là một miếng khoai mài (trong chuyên môn y dược gọi đây là giả dược hay "thuốc vờ", placebo). Nếu người bệnh được cho dùng một viên thuốc giảm đau thật là paracetamol thì người đó

cũng hết nhức đầu giống như đã nghe lời nói khéo giúp cho hết bệnh (ở đây ta thấy lời lẽ của bác sĩ dành cho bệnh nhân trong quá trình khám bệnh là quan trọng gây ảnh hưởng biết dường nào!). Nếu tính toán theo tiền bạc thì lời nói khéo vừa kể chỉ bằng giá tiền viên paracetamol nếu đắt nhất cũng chỉ khoảng 1.000 đồng VN. Người đã từng bị cơn đau dày vò và cơn đau chột chấm dứt sẽ thấu cảm cái gọi là sảng khoái, hạnh phúc (vì thế đừng lấy làm lạ các thuốc giảm đau cực tốt đều là thuốc gây nghiện và dễ bị lạm dụng để trở thành ma túy), họ không chấp nhận lời nói khéo có giá rẻ vừa kể.

Ài trong chúng ta đã từng yêu chắc hẳn đã có lúc từng thốt ra câu tỏ tình với đủ loại âm sắc, cung bậc của tình yêu: “Anh yêu em”, hay “Em yêu anh” và nghe những lời tỏ tình ấy, người được yêu sẽ nhận mình là người hạnh phúc nhất, người cứ như bay bổng lên chín tầng mây. Câu tỏ tình ấy thực sự đáng giá bao nhiêu? Theo tin của báo *The Telegraph* (Anh) mới đây, một nghiên cứu khoa học chỉ ra rằng mỗi câu tỏ tình “anh yêu em/em yêu anh” đáng giá 263.096 USD theo giá thị trường hiện nay. Đó là cuộc thăm dò thực hiện trên số lượng lớn người trên toàn nước Mỹ về điều gì làm họ cảm thấy hạnh phúc và so sánh mức độ vui sướng, hạnh phúc đó với việc trúng số chẳng hạn hay các điều kiện có thể quy ra tiền mặt. Và câu tỏ tình chỉ ba từ đơn giản nhưng lại làm diệu kỳ làm say đắm lòng người kể trên đã được tính kỹ để tương đương với niềm hân hoan tuyệt vời khi trúng số với số tiền tính đến số lẻ chi lý là 263.096 USD. Nghiên cứu khoa học đó cũng chứng tỏ khi ta có sức khỏe tốt và các mối quan hệ hài hòa tốt đẹp với những người xung quanh tương đương với việc ta sở hữu một gia tài khổng lồ. Ở đây xin bỏ qua khía cạnh “thực dụng” mà có nhiều người bêu môi chê trách: “ôi, cái gì cũng tính ra tiền!” mà cuộc nghiên cứu đã dựa vào, chỉ xin đề cao mặt “tích cực” hàm chứa trong kết quả nghiên cứu. Đó là các tác giả của cuộc nghiên cứu đã đề cao, làm nổi bật quan điểm hiện đại về sức khỏe. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã đưa ra định nghĩa về sức khỏe được xem là chuẩn mực của toàn thế giới như sau: “Sức khỏe không chỉ là tình trạng không bệnh tật, mà còn là trạng thái hoàn toàn sảng khoái về thể chất, tâm hồn và xã hội”. Câu tỏ tình đơn giản nhưng diệu kỳ (đương nhiên xuất phát từ người đang yêu thật lòng) chắc hẳn sẽ làm cho người ta sảng khoái hoàn toàn về mặt thể chất và tâm hồn. Riêng sảng khoái về thể chất để đưa đến sảng khoái tâm hồn hiện nay đã xác định được các hormon, các chất sinh học dẫn truyền thần kinh đóng vai trò hình thành và duy trì trạng thái tuyệt vời này. Khi người ta hạnh phúc vì yêu và nghe mình được yêu, cơ thể sẽ tiết ra và điều hòa những chất sinh học như serotonin, dopamin, đặc biệt là các endorphin (còn gọi là ma túy nội sinh vì nhờ có các chất này mà ta thấy lâng lâng khoái cảm giống như người nghiện “phê” khi sử dụng ma túy). Trong tương lai, người ta sẽ lượng giá được trạng thái sảng khoái về mặt thể chất (đương nhiên cũng liên quan đến sảng khoái về mặt tâm

hồn và xã hội) nhờ vào việc đo lường nồng độ trong máu các hormon hay các chất dẫn truyền thần kinh tạo “hạnh phúc”. Người ta cũng lượng giá được sự đau khổ, vì khi bị đau khổ hay bị stress người ta tìm cách đo nồng độ các chất sinh học như adrenalin, glucocorticoid (tăng tiết khi bị stress gây tăng huyết áp, dễ bị các bệnh nhiễm trùng v.v.) đưa đến bệnh tật.

Rõ ràng là lời nói khéo có thể giúp người ta bảo vệ, duy trì sức khỏe và tạo được hạnh phúc. Và tính tích cực của lời nói khéo có thể lượng giá đáng hoàng. Ở ta đang xảy ra tình trạng thấy thuốc quá kiem lời nói với bệnh nhân hay nói năng không được nhẹ nhàng, thậm chí quát tháo làm bệnh nhân hãi hùng và bệnh cứ nặng thêm. Nếu có cuộc nghiên cứu chỉ ra rằng thấy thuốc có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình, giải thích rõ ràng cặn kẽ, thấy thuốc không chỉ giúp cho bệnh nhân mau hết bệnh mà còn thưởng cho bệnh nhân đến mấy trăm ngàn hay mấy triệu đô la (xin nhắc lại chỉ mỗi câu nói: “anh yêu em/em yêu anh” đã đáng giá 263.096 USD) thì thấy thuốc nào không mở lòng nói khéo với bệnh nhân.

Với thuốc thì “thuốc đắng mới dã tật” còn lời nói thì “Lời nói không mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, tại sao ta không nói với nhau những lời để cho mình và cho người hạnh phúc? Đây là câu hỏi đã đặt ra cho tôi, không phải từ lúc ra đời làm việc tiếp xúc với nhiều người mà ngay từ thời tôi còn rất trẻ, mới bước chân vào trường trung học.

Không rõ có duyên lành nào đã đến với tôi khi tôi được học trung học tại trường Bồ Đề Sài Gòn nằm cận kề chợ Cầu Muối ngập đầy hỷ nộ ái ố (trường này bây giờ là trường Đồng Khởi quận 1, TP.HCM). Tôi đã sớm tiếp xúc, chan hòa với một số tu sĩ Phật giáo là bạn đồng môn, và tư tưởng “từ bi hỷ xả, tứ đại giai không” đã sớm hòa nhập vào tâm trí còn nhiều rỗng rang, vô lự của tôi. Tôi có dịp học hỏi để biết những lời Đức Phật dạy giúp con người vượt qua mọi đau khổ, đạt được tự do giải thoát trong chính cuộc đời này. Đức Phật không chỉ nói đến những điều thanh thoát vươn tới Chân Thiện Mỹ mà còn bàn đến việc hết sức “đời” là hóa giải những bất hòa làm xấu đi những mối quan hệ giữa mọi người sống chung trên trái đất này. Với cái nhìn xuyên suốt, Đức Phật đã cho những người sống chung, tiếp xúc với nhau hằng ngày những bài học quý báu nhằm ngăn ngừa và hóa giải những mâu thuẫn xảy ra giữa họ. Một trong những bài học quý báu đó là hãy nói với nhau “ái ngữ”. Trong *Pháp cú* (Dhammapada), Đức Phật khuyên nên kiểm soát lời nói, tránh những lời nói tức giận. Theo Ngài, người nói nên có thái độ dứt khoát trong việc sử dụng ngôn ngữ: “*Tôi nguyện nói lời ôn nhu, không nói lời lỗ mắng, thô bạo*”. Tránh sử dụng lời nói lỗ mắng cũng là một trong năm giới của Phật tử tại gia. Lời nói ôn nhu, lời nói khéo, lời nói yêu, nói chung là “ái ngữ” có thể góp phần làm cho con người hạnh phúc, thế sao chúng ta lại kiem lời “ái ngữ”? ■

Có một nơi để nương về

VÔ VĂN LÂN

Hai vợ chồng trẻ, chồng công tác trong ngành kiểm toán, vợ là giáo viên. Ở những địa vị đó, họ có thể có cuộc sống sung túc nếu biết vận dụng. Thế nhưng, nếp sống khá đặc biệt của họ diễn ra một cách bình dị trong một gian nhà cấp bốn ở vùng ven thành phố. Ngoài thời gian tận tụy với công tác, anh chị tự làm lấy phần lớn vật dụng trong nhà, tận dụng lúc rảnh rỗi để làm việc nhà và giúp đỡ bà con bạn bè. Cần kiệm trong việc chi tiêu, hai vợ chồng chăm lo rèn luyện học tập và nuôi dạy con cái. Một người bạn doanh nhân muốn giúp họ đã gợi ý: "Hi hục làm gì cho khổ, chỉ cần anh gạt đầu, mọi cái tôi sẽ lo". Anh chỉ cười: "Dù có thiếu thốn chút ít, chúng tôi vẫn có thời gian chăm sóc gia đình, nghỉ ngơi, giải trí nên luôn ăn ngon, ngủ yên và sức khỏe tốt". Khi được nhắc bảo nhiều lần, anh chân thành bày tỏ: "Lúc sinh thời ba tôi thường dạy rằng bất kỳ việc gì mình làm, dù kín đáo đến mức có thể thiên hạ không biết, pháp luật chẳng hay, thì luôn luôn điều ấy vẫn được Trời Phật thấu tỏ. Vả lại, ông bà xưa cũng bảo 'nhân nào quả nấy, gieo gió ắt gặt bão'. Sống thế này chúng tôi thấy nhẹ nhàng, yên ổn".

Quả thật, từ cổ đến kim, từ Đông sang Tây, mọi nỗ lực của con người nói chung đều nhằm mục tiêu có được cuộc sống sung sướng hạnh phúc. Thế nhưng ngày nay con người cứ mãi lo lắng, bận rộn, khổ đau: Ông giám đốc này bị huyết áp cao, tiểu đường, bà trưởng phòng nọ phát hiện có bệnh ung thư, một người quen đột quỵ do tai biến, ông chủ tịch kia chết vì tai nạn giao thông, anh em gia đình ấy tranh chấp nhà cửa kéo nhau ra tòa, đôi vợ chồng đó đám cưới chưa lâu đã ly dị, lại nữa, có khi cả một ngôi làng bị lũ lụt xóa sổ... Hạnh phúc chẳng thấy đâu mà chỉ thấy toàn phải đối phó với những lo toan, vất vả, khổ đau. Trước nếp sống giản dị của hai vợ chồng trẻ ấy, nhiều người không khỏi thắc mắc. Một ngày kia, bác sĩ V. đưa một bà y sĩ người Pháp, hoạt động cho một tổ chức từ

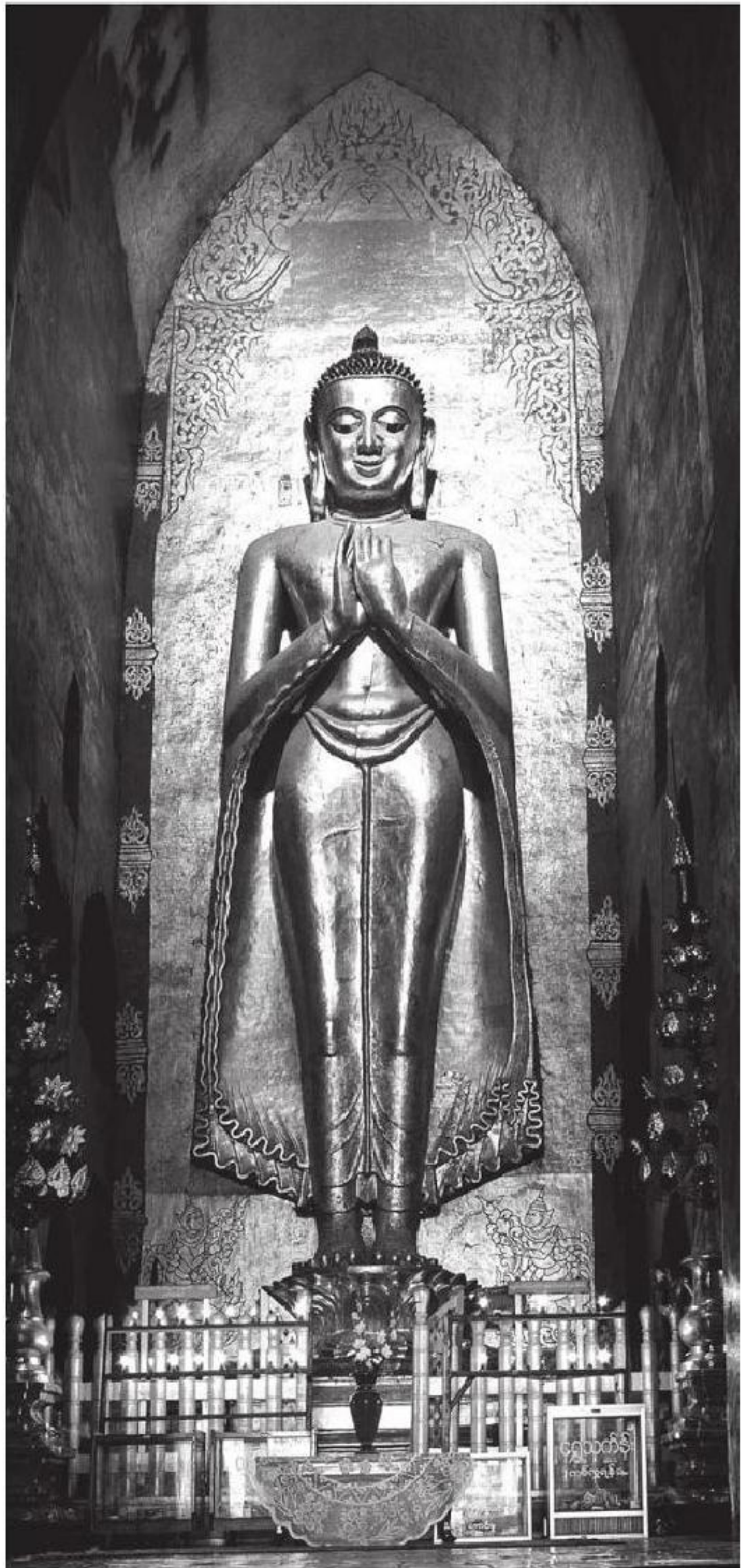
thiện, đến thăm họ. Hai vợ chồng ấy nói chuyện với bà y sĩ người Pháp những gì không biết mà sau đó bà y sĩ đã tìm đến một ngôi chùa để xin quy y Tam Bảo. Sau lễ truyền giới, bà vô cùng xúc động khi được mang một pháp danh và được bốn sư truyền giới nhắc nhở người đệ tử thực hiện tốt lời Phật dạy: 'Điều ác phải tránh. Điều thiện nên làm. Giữ tâm trong sạch. Lời chư Phật dạy'. Khi được hỏi về cảm tưởng thì bà cho biết, truyền thống tôn giáo của bà không giúp bà giải tỏa được bế tắc trước những băn khoăn của đời sống bản thân và gia đình; cho tới khi đến đây, được tiếp xúc với nhiều người, nhất là qua đôi bạn trẻ ấy, nếp sống giản dị nhưng tỏ ra kỳ diệu đầy thành tựu an lạc của họ đã thúc đẩy bà tìm đến đạo Phật, con đường mà bà cho là có khả năng làm mọi người biết sống gần gũi và thương yêu. Khi được hỏi thêm rằng bà quan tâm nhất đến điều gì ở đạo Phật thì bà đã không do dự trả lời rằng đó là Bát chánh đạo, tám con đường chân chính của đạo Phật có khả năng dẫn dắt con người đạt đến sự thật, nhờ đó con người được an vui, hạnh phúc.

Bà y sĩ người Pháp ấy cũng lý giải một cách khái quát, rằng ngày nay tuy kinh tế phát triển khiến đại bộ phận người dân ở các nước tiên tiến có một đời sống sung túc là điều không ai chối cãi; nhưng một vấn đề nổi cộm vẫn đối diện từng con người một là tình trạng bất an, lo lắng, sợ hãi trước những mất mát, dịch bệnh, thiên tai, chết chóc... Hơn lúc nào hết, con người trong cuộc sống đầy đủ ấy vẫn thấy hoang mang, đau khổ, tuyệt vọng trước hiện trạng tiêu cực trên toàn thế giới với các diễn biến ngày càng tinh vi, phức tạp. Nào là bạo lực trong gia đình, nơi nhà trường, ngoài xã hội; nào là tệ nạn xì ke ma túy, băng đảng trộm cướp, khủng bố giết người. Lại còn thiên tai bão lũ, động đất, sóng thần ngày càng hung hãn gây tang tóc khổ đau đến mức báo động. Tất cả những hiện tượng ấy buộc con người phải xét lại tư duy cũ để nhận thức về tính mong manh, hư ảo của mạng sống, về sự vô

thường của của cải vật chất, về tình trạng có đó rồi không đó của địa vị, chức quyền. Nguyên nhân của tình trạng này thì nhiều, chủ yếu bắt nguồn từ yếu tố tiềm ẩn khiến cho con người, nhất là người phương Tây, cảm thấy thiếu vắng chỗ tựa, thiếu vắng *một nơi để nương tựa*.

Quả đúng như những điều lý giải của bà y sĩ người Pháp ấy, ngày nay nhiều người đặt cược đời mình vào của cải vật chất, vào địa vị quyền hành. Sở hữu nhiều của cải, tài sản được xem là mục tiêu tối thượng, là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho hạnh phúc. Thật ra, xét trong xã hội nước ta, bên cạnh tầng lớp trung lưu nhỏ nhoi ở thành phố có cuộc sống vật chất dư thừa, đại bộ phận người lao động thành phố cũng như tuyệt đại đa số người dân vùng nông thôn vẫn phải từng ngày từng giờ vật lộn với cuộc sống thiếu thốn, đối mặt với thiên tai bão lũ,... giành lấy từng chén cơm manh áo. Đa số người dân khốn khó ấy khổ đã đành, nhưng ngay cả người giàu có, tiền đầy ngân hàng, chức cao, quyền lớn... liệu mấy ai an vui hạnh phúc? Hay ngược lại cũng đang phải đối mặt với lo lắng, sợ hãi? Chẳng gì khó để hiểu được tâm trạng của giới thượng lưu khi xã hội luôn có những biến đổi mãnh liệt như suy thoái kinh tế toàn cầu, các tập đoàn nhà băng lớn phá sản, thị trường chứng khoán trời sập, giá cả bất động sản lên xuống thất thường khiến giá trị của tài sản, tiền bạc mà họ đang có luôn luôn ở trong tình trạng bấp bênh, khiến có người mới tỉ phú hôm trước hôm sau đã trắng tay. Và lại, thế gian 'lòng tham vô đáy', càng thu vén, tích lũy càng thấy thiếu trước sức ép của vòng xoáy tiêu dùng, hưởng thụ vật chất khiến con người lại tất bật hơn, hối hả hơn. Thế nên gian nan không từ, hiểm nguy không bỏ miễn đạt mục tiêu tích lũy càng nhiều càng tốt. Khát vọng quyền lực và tài sản đã đẩy con người vào mưu mô, thủ đoạn, dối gạt lương tâm mà hậu quả là hận thù, thanh toán, khủng bố, bức tử... Thật ra việc mưu cầu tiền bạc, tạo dựng tài sản của cải, truy tìm địa vị quyền lực... mà không hội đủ tài đức luôn có cái giá phải trả là gian nan 'trầy vì tróc vảy'. Do đó con người ngày nay thừa tiền bạc, tiền nghi nhưng thiếu thì giờ mà lại dư nồn nóng vội vã. Họ ăn những thức ăn chế sẵn ngay tại nơi làm việc. Ngay trong lúc ngủ nghỉ thì đầu óc họ vẫn lớn vồn bao toan tính dự trù, đến nỗi họ quên gia đình vợ con đã đành, họ còn quên cả sức khỏe lẫn sinh mạng. Cho đến ngày một tai nạn giao thông hay một rủi ro bất ngờ, một cơn bệnh hiểm nghèo đột ngột (có gì bất ngờ, đột ngột?) phải bỏ mạng hay nằm một chỗ. Họ tuyệt vọng, quy cho số phận.

Tham vọng ấy, có khi khả năng một đời người không đáp ứng thì người ta lại kỳ vọng vào con cái. 'Hy sinh đời bố để củng cố đời con'. Không ít người đã lấy câu ngạn ngữ ấy làm phương châm sống. Để đạt mục tiêu, không hiếm các bậc cha mẹ sẵn sàng tạo áp lực để con cái dấn thân vào đường lợi danh với bất cứ giá nào; vô tình đẩy con cái vào vòng tiêu cực, sống lối sống bon chen, đua đòi. Và hậu quả 'gậy ông đập lưng ông', khi có chức quyền địa vị do cha mẹ xoay xở để tích lũy được tiền của, con cái



đâm ra xem nhẹ tình cảm gia đình, đánh mất đạo lý làm người. Bấy giờ, các vị quan nhờ xoay xở mà được ấy sẵn sàng đưa cha mẹ vào trung tâm nuôi dưỡng người già và cho là đã hoàn thành nghĩa vụ, đâu hiểu rằng thiếu sự gần gũi, thăm hỏi chăm sóc của con cái thì dù được cấp dưỡng đầy đủ đến mấy, người làm cha làm mẹ vẫn đau khổ tột cùng. Người phương Tây cũng đã từng thăm thía về thực trạng ấy. Họ quay sang tìm lối thoát ở Đông phương. Trong khi một số nước Á Đông, cái nôi của truyền thống văn hóa lâu đời, lại cố chạy theo vết xe đổ phương Tây!

Không thể nương tựa vào con cái, người ta lại tìm đến tình bằng hữu, đồng nghiệp. Trong một xã hội mà vật chất trở thành nền tảng của mọi giá trị, mối quan hệ căn cứ trên tương quan 'có đi có lại mới toại lòng nhau' thì bằng hữu, bạn bè có thể nào là nơi nương tựa? Thiếu sự hiểu biết, tôn trọng và tương kính thì bạn bè, đồng nghiệp chỉ là phương tiện trao đổi. Những vụ lương gạt, bế biau, bế hụi xảy ra nhan nhản những năm qua đủ chứng tỏ!

Trong bối cảnh xã hội mà sức mạnh đồng tiền chi phối mọi giá trị, hạnh phúc vốn sẵn trong tầm tay mấy ai chịu nắm bắt. Con người mãi 'thả mỗi bắt bóng', chỉ đuổi bắt cái bóng, hạnh phúc có thể nào trở thành hiện thực? Ngược lại, tiến của đến từ địa vị, quyền hành để trở thành động cơ đưa con người lao vào ăn chơi hưởng thụ, như một sự bù trừ cho những lo lắng, giúp khóa lấp nỗi buồn phiền, tạo một chỗ trú ẩn trước căng thẳng. Nhưng lạc thú vật chất không thể đem lại hạnh phúc thật sự, có chăng lạc thú ấy chỉ là niềm vui mong manh, là sự thỏa mãn tạm bợ, là một cách tự đánh lừa để nguôi khuây. Rốt cục chỉ còn dư vị đắng cay, nhàm chán đưa đến tật bệnh nguy hiểm, sự nghiệp đổ vỡ, tan nát gia đình, đánh mất niềm tin, dẫn đến tuyệt vọng tự tử, gây rối loạn xã hội.

Có người cho là khôn ngoan khi chọn những thú vui như trồng cây, chăm kiểng, nuôi chim, câu cá... tiêu khiển cho 'qua ngày đoạn tháng', hoặc thanh nhàn hơn như tham gia các hoạt động nghệ thuật vẽ tranh, soạn nhạc, làm thơ, viết văn... nhưng thiếu nội hàm mang một ý nghĩa nhân văn, phải chăng đó đã là giải pháp nếu không là kinh doanh? Nếu thế, khi xảy ra dao động giá cả thị trường, thời tiết, mùa vụ... làm sao tránh khỏi bấp bịu, dính mắc trước buồn vui, được mất, nhất thời sinh tâm lo lắng, buồn phiền... để khi đó bệnh tật, khổ đau là tất yếu khó tránh. Thật vậy, thiếu nội dung tích cực, những thú vui gọi là tao nhã cũng chỉ là phương cách tạm hoãn chứ chưa thể là giải pháp khả dĩ giúp con người đủ khả năng đối mặt trước các vấn đề sống còn: sự nghiệp, tình yêu, lý tưởng, và nhất là các sự khổ của sinh già bệnh chết. Cũng thế, trong một xã hội bị chi phối bởi cơ chế thị trường, mọi giá trị bị đảo lộn, sinh hoạt văn học nghệ thuật không thể ra ngoài quy luật. Thị trường chữ nghĩa và nghệ thuật đã rộ lên nhiều loại hình sáng tác văn, thơ, phim ảnh... nhưng chỉ đủ cung ứng những tác phẩm không đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ của công chúng và thiếu khả năng tồn tại, giới làm chỉ có thể thỏa mãn thị hiếu nhất thời của một bộ phận.

Điều gì đã khiến đôi vợ chồng người bạn trẻ nói trên tự tin, trụ vững trước cám dỗ của tiền tài, không chạy theo cuộc sống đua đòi, ăn chơi, tiêu dùng, thể hiện nếp sống thành thoi, vũng chãi, trong điều kiện của người có chức có quyền mà không làm điều bất chánh? Chính là Bát chánh đạo với cái nhìn đúng đắn (chánh kiến), sự suy xét đúng đắn (chánh tư duy), lời nói phù hợp (chánh ngữ), có phương cách làm ăn chân chính (chánh mạng), cần nhắc tác động hậu quả hành vi mình gây ra cho mình cho người (chánh nghiệp), nỗ lực không mệt mỏi (chánh tinh tấn), ghi nhớ, quán xét điều thiện lành (chánh niệm), tập trung tư tưởng vào vấn đề chính đáng và đúng lẽ thật (chánh định)... đã được tu tập thuần thực. Đôi vợ chồng người bạn trẻ nói trên đã hiểu rõ đây chính là điều kiện tối quan trọng để nắm bắt thực tại, có khả năng hóa giải nỗi khổ đau của con người, tiếp cận vẻ đẹp và sự vi diệu của cuộc sống. Thực hành thuần thực Bát chánh đạo thì hành vi của mỗi người mang ý nghĩa tự lợi lợi tha. Nếu không, mọi hành động dù trau chuốt bóng bẩy đến mấy cũng chỉ mang tính công thức sáo mòn dẫn đến tác hại nguy hiểm, thí dụ như trường hợp sách báo, phim ảnh đồi trụy, kích thích bạo động... vẫn là một trong những nguyên nhân lôi kéo vô số con người bị tha hóa, sa vào ăn chơi, rượu chè, cờ bạc trác táng, bạo động giết người. Những gì bà y sĩ người Pháp đã nêu không thể không làm chúng ta suy nghĩ và liên tưởng đến hiện trạng văn hằng ngày hằng giờ xảy ra quanh ta.

Trong thời đại ngày nay, tiện nghi vật chất được trang bị đến tận chân răng, kê tóc cho con người, nhưng cuộc sống vẫn còn trăm mối ngổn ngang, mạng sống con người khác nào chỉ mảnh treo chuông, đời người trong tích tắc, sớm còn tối mất, mọi thứ tiền tài, danh vọng, chức quyền có đó mất đó. Có lúc được dạy là trung tâm vạn hữu, con người tưởng mình làm chủ vũ trụ, bỗng nhiên giật mình, hóa ra trước vũ trụ bao la đầy bí ẩn, con người thực sự nhỏ bé yếu đuối, bấy giờ con người đâm ra hoang mang tự hỏi, liệu mình có thể làm chủ được chính mình hay vẫn phải cần một chỗ tựa? Con đường tâm linh theo lời Phật dạy là quay về hải đảo tự thân. Không ai khác ngoài chính con người phải định hướng và chịu trách nhiệm về tư duy cũng như hành động của mình. Nhưng để có thể quay về với hải đảo tự thân, con người phải biết thực hành Bát chánh đạo. Đó chính là quy chuẩn đạo đức cho xã hội, là phương tiện vén mở bức màn bí mật cho những vấn đề vũ trụ nhân sinh mà khoa học chưa lý giải được, là sự gợi mở hướng tiếp cận thực tại giúp giải mã những gì con người không thấy được bằng mắt, nghe được bằng tai, đồng thời giúp con người cảm nhận ý nghĩa vi diệu của cuộc sống, để biết rằng chuyện cổ tích, trang huyền thoại, tình yêu, lòng vị tha... là có thực. Đó chính là nơi nương về cho bà y sĩ người Pháp, cho đôi vợ chồng người bạn trẻ, cho tôi, và cho mọi người chẳng những hôm nay và mãi mãi mai sau. Đó chính là con đường tâm linh Phật giáo! ■



THÂN TU TẬP & TÂM TU TẬP

NGUYỄN TUÔNG

Đạo Phật là con đường Trung đạo, xa rời các cực đoan, cả về mặt nhận thức lẫn thực hành. Nhận thức Trung đạo là nhận thức về tính chất duyên sinh của các pháp, tránh các phán quyết hay tư tưởng cực đoan cho rằng con người và thế giới là hữu, vô, thường, đoạn, tự nhiên sanh hay hiện hữu một cách ngẫu nhiên. Thực hành Trung đạo tức là sống theo Bát Thánh đạo hay thực hành Giới-Định-Tuệ, tránh xa chủ trương khắc kỷ khổ hạnh và lối sống buông thả theo các dục.

Trong giáo lý đạo Phật, sống theo Bát Thánh đạo hay thực hành Giới-Định-Tuệ cũng có nghĩa là sống với thân tu tập và tâm tu tập. Nói khác đi, đó là nếp sống từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; phát triển thân làm lành,

miệng nói lành, ý nghĩ lành; đó cũng là nếp sống nuôi dưỡng chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; lối sống hoàn toàn buông bỏ mọi khắc kỷ khổ hạnh hay mọi buông thả theo các dục. Chính nếp sống này, nghĩa là thân tu tập và tâm tu tập, khiến cho con người tìm thấy hân hoan an lạc, khỏe khoắn thư thái về thân tâm, do chế độ sinh hoạt quân bình hài hòa về thân thể vật lý và năng lực tâm lý. Như vậy, một người sống từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, hay sống theo Bát Thánh đạo, tức là người ấy đang thực hiện thân tu tập và tâm tu tập, cũng đồng nghĩa là người ấy đang theo đuổi một lối sống lành mạnh, điều hòa về thân tâm, khiến cho

sức khỏe vật lý và sức khỏe tâm lý được phát triển hài hòa và ổn định. Đây chính là nếp sống Trung đạo được nói đến trong Phật giáo.

Theo lời dạy của Đức Phật thì người có thân tu tập và tâm tu tập chính là người sống hạnh phúc an lạc giữa cuộc đời, vì biết điều hòa các hoạt động của thân tâm, không để thân tâm trở nên tiêu tụy mệt mỏi vì lối sống khắc kỷ, cũng không để thân tâm biến thành nặng nề mê mẩn do lối sống buông thả. Đặc biệt, người có thân tu tập và tâm tu tập chính là người làm chủ được các cảm xúc của mình, sống an nhiên tự tại giữa đôi đường được mất, hơn thua, tốt xấu của dòng đời, do có trí tuệ thấy rõ các cảm giác thành bại, vui buồn đến và đi do nhân duyên, vô thường, không thực, nên không thích thú mê say trong các cảm giác lạc thọ, cũng không phản ứng bức phiền trong các cảm giác khổ thọ. Nói cách khác, người sống theo lời Phật dạy sẽ không có khổ đau, tâm không dao động, không còn bị các cảm giác thành bại hay vui buồn của cuộc đời làm cho đau khổ. Các đoạn kinh sau đây, do Đức Phật thuyết giảng cho du sĩ Saccaka¹, nói cho chúng ta biết thế nào là thân không tu tập và tâm không tu tập, và thế nào là thân tu tập và tâm tu tập:

“Này Aggivessana, như thế nào là thân không tu tập, tâm không tu tập; như thế nào là thân tu tập, tâm tu tập? Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Niganthaputta Saccaka trả lời Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- Này Aggivessana, thế nào là thân không tu tập và thế nào là tâm không tu tập?

- Ở đây, này Aggivessana, kẻ vô văn phạm phu khởi lên lạc thọ. Người này được cảm giác lạc thọ, liền tham đắm lạc thọ và rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ. Người ấy, do cảm giác khổ thọ, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho người kia, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập. Khổ thọ ấy khởi lên chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập.

- Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương diện đều có lạc thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập; khổ thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập. Như vậy, này Aggivessana, người ấy là người có thân không tu tập và tâm không tu tập.

- Và này Aggivessana, thế nào là thân tu tập và tâm tu tập?

- Ở đây, này Aggivessana, lạc thọ khởi lên cho vị Thánh đệ tử nghe nhiều. Vị này được cảm giác lạc thọ, nhưng không tham đắm lạc thọ, không rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ nhưng không sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập.

- Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương diện đều có lạc thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập, như vậy này Aggivessana, người ấy là người có thân tu tập, có tâm tu tập.”

Nhìn chung, lời Phật dạy nói cho chúng ta biết rằng thân không tu tập và tâm không tu tập chính là lối sống cực đoan, hoặc là tuân theo chủ trương khổ hạnh ép xác khiến thân tâm mệt mỏi tiêu tụy, không hướng đến an tịnh, thăng trí, giác ngộ, Niết bàn; hoặc là sống buông thả theo các ham muốn dục lạc cũng khiến cho thân tâm trở nên u ám nặng nề, không đưa đến thanh cao, thánh thiện, sáng suốt, an lạc. Chỉ có thân tu tập và tâm tu tập theo con đường Trung đạo-Bát Thánh đạo hay nếp sống thực hành Giới-Định-Tuệ, từ bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thực hành thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện mới thực sự đem lại hạnh phúc, an lạc, trí tuệ và giải thoát khổ đau cho con người. ■

Chú thích:

1. Đại kinh Saccaka, Trung Bộ



Niềm vui tinh tấn

THANISSARO BHIKKHU

Trên con đường tu tập, niềm vui không phải chờ đợi đến những bước chân sau cùng. Chúng ta có thể sống với niềm vui ngay bây giờ.

Đức Phật thường so sánh sự khéo léo trong việc tu tập với sự khéo léo của nghệ sĩ, thợ mộc, nhạc sĩ, người bắn cung, người đầu bếp. Ngài dạy người tu hãy giữ tâm trung dung, không quá căng cũng không quá chùng, giống như người nhạc sĩ khi lên dây đàn. Người tu cũng cần nhìn thấy những nhu cầu của tâm – vui vẻ, ổn định, phần chần – giống như người đầu bếp trong hoàng cung nhìn thấy được sở thích để làm vui lòng nhà vua.

Những so sánh này cho chúng ta thấy một điểm quan trọng: Tu là một nghệ thuật cần sự khéo léo, và khi có được sự khéo léo này, người tu sẽ có được niềm vui, giống như một người thủ đắc được những sự khéo léo khác trong đời sống. Đức Phật dạy La-hầu-la: *"Khi người thấy mình hành động, nói năng, suy nghĩ một cách khéo léo, đưa đến niềm vui mà không phương hại đến bản thân và người khác, hãy vui với việc làm đó và tiếp tục rèn luyện"*.

Nói rằng sự tu tập đem đến niềm vui không có nghĩa là sự tu tập luôn luôn dễ dàng và thoải mái. Mọi hành giả đều biết rằng tu tập đòi hỏi một kỷ luật nghiêm khắc, phải đương đầu với những khó khăn về thể xác cũng như những rối rắm trong tâm cần tháo gỡ. Nhưng nếu có thể tiếp cận với những khó khăn đó bằng lòng nhiệt thành, giống như lòng nhiệt thành của người nghệ sĩ đối với công việc, kỷ luật sẽ trở thành niềm vui. Những vấn đề sẽ được giải quyết bằng sự khéo léo, và tâm sẽ được tiếp tế sinh lực cho cả những phần đấu lớn hơn.

Thái độ vui vẻ là thuốc giải cho sự bi quan thường được mang vào sự tu tập. Người tu thường có khuynh hướng rơi vào một trong hai thái cực. Có người cho rằng tu tập là những sự thực hành tẻ nhạt và buồn chán, không có chỗ cho tưởng tượng và tìm hiểu. Họ cho rằng chỉ cần bền bỉ chịu đựng, và đến cuối con đường dài, tâm sẽ đi vào trạng thái giác ngộ. Lại có người cho rằng cố gắng sẽ làm cản trở việc đạt đến sự an vui, do đó tu tập không cần một nỗ

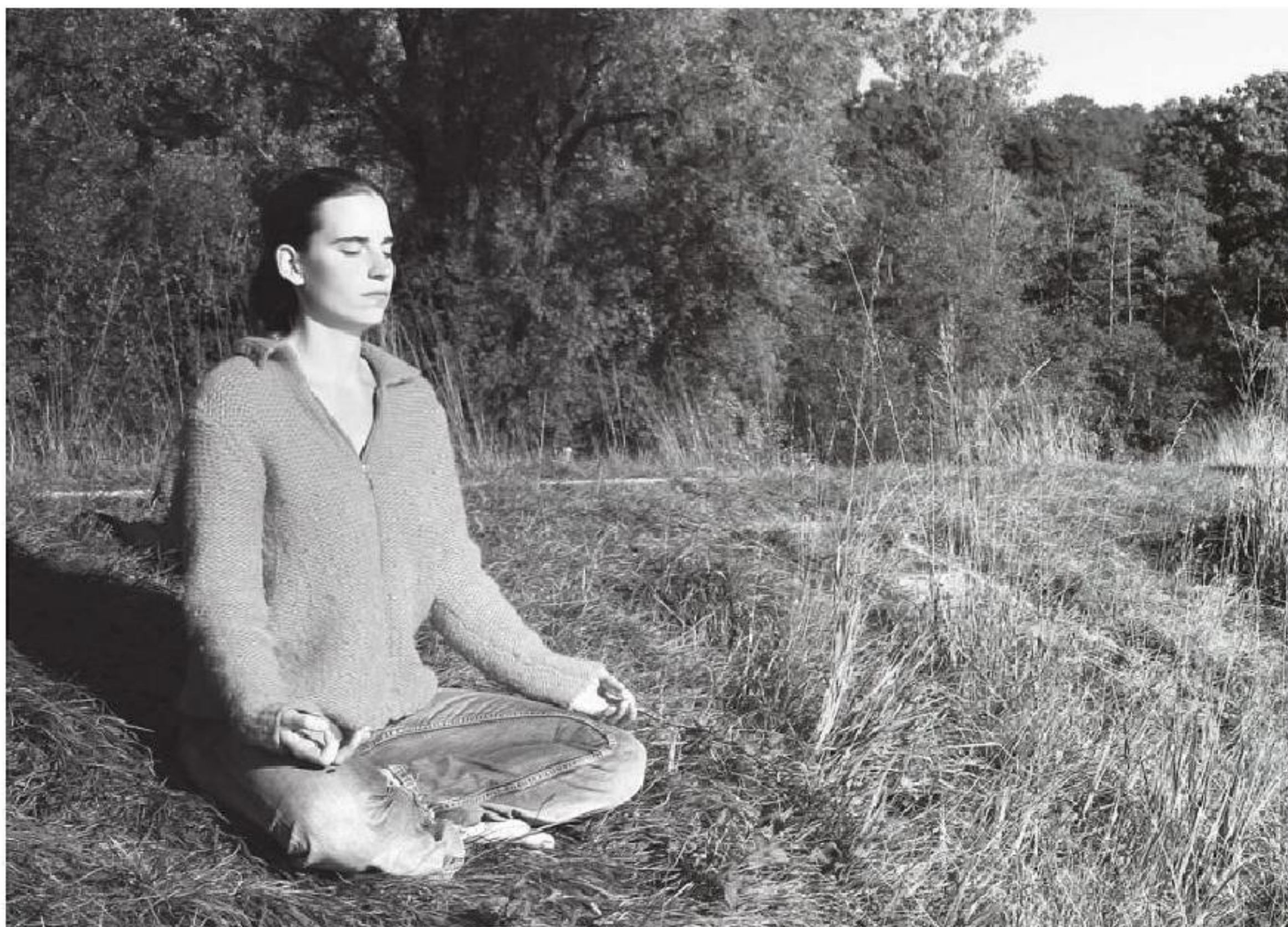
lực nào, chỉ chấp nhận sự việc như chúng là, yên ổn khi đòi hỏi chúng trở nên tốt hơn.

Trong khi sự tu tập cần cả sự cố gắng cũng như sự buông thả, nếu một trong hai cái được theo đuổi để loại trừ cái kia thì người hành giả sẽ bị đưa vào ngõ cụt. Tuy nhiên, nếu biết cách để trở nên thiện xảo hơn trong việc điều chỉnh mức độ cố gắng và buông thả cho thích hợp tùy thời điểm trong việc tu tập, chúng ta có thể đưa chúng ta tiến xa. Sự thiện xảo lớn hơn này đòi hỏi sức mạnh của chánh niệm, chánh định, và minh sát. Và nếu chúng ta không giải đãi trong sự tu tập này, nó có thể đưa chúng ta đi đến mục đích cuối cùng mà Đức Phật dạy là Niết bàn, một trạng thái an vui không tùy thuộc vào điều kiện, giải thoát khỏi những giới hạn của không gian và thời gian.

Đó là mục đích mong đợi nhưng đòi hỏi sự thực hành. Và chiếc chìa khóa để duy trì niềm vui tu tập là coi sự tu tập như một cuộc chơi – một cơ hội để rèn luyện kỹ năng, tìm tòi và khám phá. Đó chính là cách Đức Phật dạy về thiền quán. Thay vì công thức hóa một phương pháp, trước tiên Ngài dạy đệ tử về những đức hạnh cá nhân, như thành thật và kiên nhẫn, những đức tính cần thiết để có được sự quán sát đúng đắn. Sau đó Ngài mới dạy về những kỹ thuật thiền quán, và Ngài cũng không nói ra mọi thứ. Ngài nêu lên những vấn đề và đưa ra những lãnh vực để khám phá. Mục đích của Ngài là đánh thức khả năng sáng tạo của người đệ tử để họ có thể tự phát triển nhận thức và khả năng quán chiếu của mình.

Chúng ta có thể thấy điều này trong cách Đức Phật dạy La-hầu-la. Ngài bắt đầu với hạnh Nhẫn. Ngài dạy hãy rèn luyện tâm để cho nó giống như mặt đất. Mặt đất chấp nhận mọi thứ vút bỏ mà không kinh tởm. Khi tâm trở nên vững vàng như mặt đất, nó sẽ không còn có cảm giác chấp nhận hay không chấp nhận.

Tuy nhiên, Đức Phật không dạy La-hầu-la trở thành một hòn đất thụ động. Ngài dạy La-hầu-la đứng vững



trên một nền tảng, phát triển những khả năng chịu đựng, để có thể dõi theo những biến cố cả vui vẻ và đau buồn nơi thân và tâm mà không bị lôi cuốn theo những điều vui hoặc né tránh những điều buồn. Đó là Nhẫn. Nhẫn giúp chúng ta ngồi xuống với những sự việc cho đến khi chúng ta hiểu được chúng và đáp ứng một cách thiện xảo.

Để phát triển đức tính trung thực, Đức Phật dạy La-hầu-la nhìn vào sự không kiên định của những sự việc xảy ra nơi thân và trong tâm để không phát triển một cảm nhận về “ngã” quanh chúng. Học nhìn vào những hành động của mình trước khi, trong khi và sau khi thực hiện. Nếu thấy rằng những hành động đó không khéo léo và gây tổn hại thì nguyện không tái phạm. Bày tỏ với người mà mình tôn kính.

Trong những bài học này, Đức Phật còn dạy La-hầu-la sự trung thực với chính mình và với người khác. Coi những hành động của mình là những bài học và có thể sửa đổi.

Thái độ này cũng cần thiết để phát triển sự trung thực trong tu tập. Nếu chúng ta có thái độ phê phán những niệm khởi lên trong tâm khi thiền quán, coi chúng như những dấu hiệu định loại chúng ta, chúng ta sẽ gặp khó khăn trong việc quán sát sự việc một cách trung thực. Khi một niệm không thiện xảo khởi lên, chúng ta liền coi mình như một hành giả tồi tệ hoặc tìm cách che đậy, từ chối. Khi một niệm thiện xảo khởi lên, chúng ta liền trở nên kiêu căng và tự mãn, coi đó như một dấu hiệu về bản chất tốt đẹp bên trong của chúng ta. Kết quả là chúng ta không bao giờ thấy được những niệm này có thực sự là thiện xảo như chúng có vẻ khi mới nhìn qua hay không.

Để tránh những cạm bẫy này, chúng ta có thể học cách nhìn thấy những sự kiện xảy ra đơn giản chỉ là những sự kiện, không phải là những dấu hiệu của Phật tánh hay sự bất thiện. Khi đó, chúng ta có thể quán sát những sự kiện này một cách trung thực, để thấy chúng đến từ đâu và đi về đâu. Trung thực, cùng với kham nhẫn, sẽ tạo điều kiện tốt hơn trong việc sử dụng những kỹ thuật thiền quán để khám phá tâm.

Kỹ thuật đầu tiên mà Đức Phật dạy La-hầu-la là quán hơi thở. Đức Phật đưa ra mười sáu bước trong việc theo dõi hơi thở [xem phần cuối]. Hai bước đầu để cập đến những chỉ dẫn trực tiếp; những bước còn lại nêu lên những vấn đề để khám phá. Với cách này, hơi thở trở thành một phương tiện để rèn luyện sự khéo léo trong việc giải quyết những vấn đề của tâm, và rèn luyện sự nhạy bén trong việc đánh giá kết quả.

Khởi đầu sự tu tập, chỉ đơn giản nhận biết sự dài ngắn của hơi thở, khi hơi thở dài biết là hơi thở dài, khi hơi thở ngắn biết là hơi thở ngắn. Trong những bước còn lại, hành giả tự mình tìm cách tu tập thích hợp theo những điều Đức Phật gợi ý.

Hai bước tu tập đầu tiên là sự thở vào và thở ra được cảm nhận trên toàn thân. Sau đó tìm cách làm nhẹ ảnh hưởng mà hơi thở tạo lên thân. Để thực hiện điều này, chúng ta thử nhịp thở và cách cảm nhận thở sao cho nó không tạo nhiều ảnh hưởng trên thân. Quán tưởng hơi thở không phải là không khí đi vào và đi ra buồng phổi nhưng là năng lượng lưu chảy qua thân thể làm cho không khí ra vào. Quán tưởng năng lượng đó lưu chảy



vào và ra ở phía sau cổ, trong bàn chân và bàn tay, đi theo những dây thần kinh và những mạch máu, trong xương của chúng ta. Quán tưởng hơi thở ra vào những lỗ chân lông trên da. Khi dòng năng lượng đó bị chặn, chúng ta có thể thử thở qua nó, thở quanh nó hoặc thở thẳng vào nó, và xem cách nào có kết quả.

Trong quá trình thử này, chúng ta sẽ phạm một số sai lầm. Đôi khi bị nhức đầu vì ép hơi thở nhiều quá chẳng hạn. Nhưng với thái độ nghiêm túc, những sai lầm đó sẽ giúp chúng ta biết cách điều chỉnh phương pháp thở. Chúng ta cũng có thể sẽ cảm thấy không kiên nhẫn và thất vọng, nhưng khi chúng ta thở qua những cảm xúc này, chúng sẽ biến mất. Chúng ta bắt đầu nhìn thấy ảnh hưởng của hơi thở lên tâm.

Bước kế tiếp là thở vào và ra với cảm thọ tràn đầy và thanh thản. Cũng vậy, ở đây chúng ta cần thử cả cách thở và cách ý thức về hơi thở. Để ý cách những cảm thọ và ý thức về hơi thở tạo ảnh hưởng lên tâm, và tìm cách làm nhẹ ảnh hưởng đó để tâm cảm thọ mọi sự một cách thanh thản.

Khi hơi thở trở nên nhẹ nhàng và chúng ta có được những cảm thọ thanh thản và tĩnh lặng, đó là lúc chúng ta đã sẵn sàng để nhìn vào trong tâm. Vẫn không rời hơi thở, chúng ta điều chỉnh sự tập trung một cách nhẹ nhàng sao cho khi nhìn vào tâm, tâm và hơi thở như gắn bó không rời nhau. Ở đây Đức Phật nêu ra ba lãnh vực: Làm thế nào để làm vui tâm khi nó cần làm vui, làm thế nào để làm ổn định tâm khi nó cần ổn định, và làm thế nào để giải phóng tâm khỏi những bám víu và nặng nề khi nó sẵn sàng để được giải phóng.

Đôi khi việc làm cho tâm có được niềm vui và ổn định đòi hỏi những chủ đề khác để quán tưởng. Ví dụ, để tâm có được niềm vui, chúng ta có thể phát khởi một tâm từ không giới hạn, hoặc nhớ đến những việc làm đạo đức và rộng lượng của mình. Để tâm được ổn định khi bị chao động do dục vọng hoặc để thiết lập lại sự định tâm khi đầu óc mơ màng hay cảm thấy thỏa mãn, chúng ta có thể quán tưởng sự chết, biết rằng sự chết có thể đến bất cứ lúc nào, và chúng ta cần chuẩn bị để đối diện với nó một cách khéo léo. Hoặc chúng ta có thể tạo niềm vui hay sự ổn định cho tâm chỉ đơn giản bằng cách tập trung vào hơi thở. Dẫn hơi thở đến bàn tay và bàn chân có thể giữ tâm ổn định khi tâm bị chao động. Khi một chỗ trên thân thể không đủ để giữ sự chú tâm, cố gắng tập trung vào hai chỗ cùng một lúc.

Dần dần, chúng ta có thể nhìn thấy một cách rõ ràng và chính xác hơn những kết quả tu tập. Chúng ta cũng có thể tìm thấy sự thiện xảo trong việc điều tâm khi ra khỏi tọa cụ. Làm thế nào để giữ tâm an vui khi bị bệnh, làm thế nào giữ tâm ổn định khi đối phó với một người khó tính...

Để giải phóng tâm ra khỏi những trạng thái nặng nề, trước tiên chúng ta chuẩn bị cho sự tự do tối hậu của niết bàn bằng cách giải phóng tâm ra khỏi những vướng víu trong việc định tâm. Một khi tâm đã định, tìm cách làm cho trạng thái định của tâm được tinh tế hơn. Ví dụ, trong những giai đoạn đầu của sự nhiếp tâm (thiền định), chúng ta giữ niệm theo hơi thở, theo dõi và điều chỉnh hơi thở sao cho thích hợp. Nhưng có những lúc tâm bước vào trạng thái rất định tĩnh, khi đó sự theo dõi hơi thở không còn cần thiết. Từ đó

chúng ta nhận ra cách làm cho tâm là một với hơi thở, đưa tâm vào một trạng thái thanh thoát sâu hơn.

Khi có được những sự khéo léo này, những phương pháp chúng ta sử dụng để điều chỉnh những trải nghiệm của thân và tâm càng lúc càng trở nên rõ ràng hơn. Ở đây, Đức Phật khuyên chúng ta trở lại quán về tính chất không vững bền của mỗi niệm. Chúng ta sẽ thấy rằng ngay cả những trạng thái tốt nhất sinh ra do những niệm thiện xảo – những trạng thái tập trung ổn định và tinh tế nhất – cũng đều không vững bền và luôn thay đổi. Nhận thức này cho chúng ta một sự giải thoát đối với các niệm tưởng và không mê bám vào chúng. Chúng ta thấy rằng chỉ có một cách duy nhất để vượt ra ngoài tính chất đổi thay này là làm cho tất cả những niệm tưởng kia chấm dứt. Chúng ta theo dõi mọi thứ và nhìn thấy chúng ta xả bỏ chúng, ngay cả cái được gọi là Đạo. Điều còn lại là sự không bị ràng buộc trong điều kiện: sự bất tử. Ham muốn khám phá hơi thở đã đưa chúng ta ra khỏi ham muốn, ra khỏi hơi thở, thẳng đến niết bàn.

Trên con đường tu tập, niềm vui không phải chờ đợi đến những bước chân sau cùng. Trên con đường đi đến giác ngộ hoàn toàn, người hành giả thiết lập những mục tiêu tạm thời có thể kiểm soát được – những phấn đấu hấp dẫn, cho phép người hành giả nhìn thấy sự tiến bộ trong việc tu tập. Điều này làm cho sự tu tập trở thành một nguồn vui.

Đồng thời, tu tập không phải là dẫn thân vào công việc bận rộn. Chúng ta đang phát triển một cái thấy bén nhạy về nhân quả, giúp thân và tâm trở nên trong sáng. Chỉ khi nào hoàn toàn trong suốt rõ ràng chúng ta mới buông bỏ. Trong quá trình tu tập thiền quán hơi thở, chúng ta phát triển khả năng bén nhạy với sự tỉnh giác. Từ đó sự bất tử sẽ xuất hiện, khi chúng ta đủ bén nhạy để nhìn thấy.

Do đó dù con đường tu tập đòi hỏi sự cố gắng, đó là sự cố gắng cho việc mở ra những khả năng hạnh phúc và lợi ích trong phút giây hiện tại. Mặc dù những bước trong việc tu tập thiền quán hơi thở để đưa đến một sự giải thoát, những bước chân đó không bước đi trên con đường thiếu vắng niềm vui. Đức Phật không bao giờ đòi hỏi chúng ta đóng khung tâm thức trong việc phủ nhận thế gian hay khẳng định thế gian. Ngài muốn chúng ta “khám phá thế gian.” Chúng ta dùng thế giới của hơi thở như phòng thí nghiệm để khám phá ra những niềm vui không tổn hại. Những niềm vui đó được thế giới như một toàn thể cung cấp khi tâm chúng ta ổn định và trong sáng. Chúng ta học những sự khéo léo để làm an tịnh thân thể, để phát triển những cảm thọ dễ chịu, tràn đầy và thanh thản. Chúng ta học cách an định tâm, làm cho tâm được an vui, giải phóng tâm ra khỏi những trạng thái nặng nề.

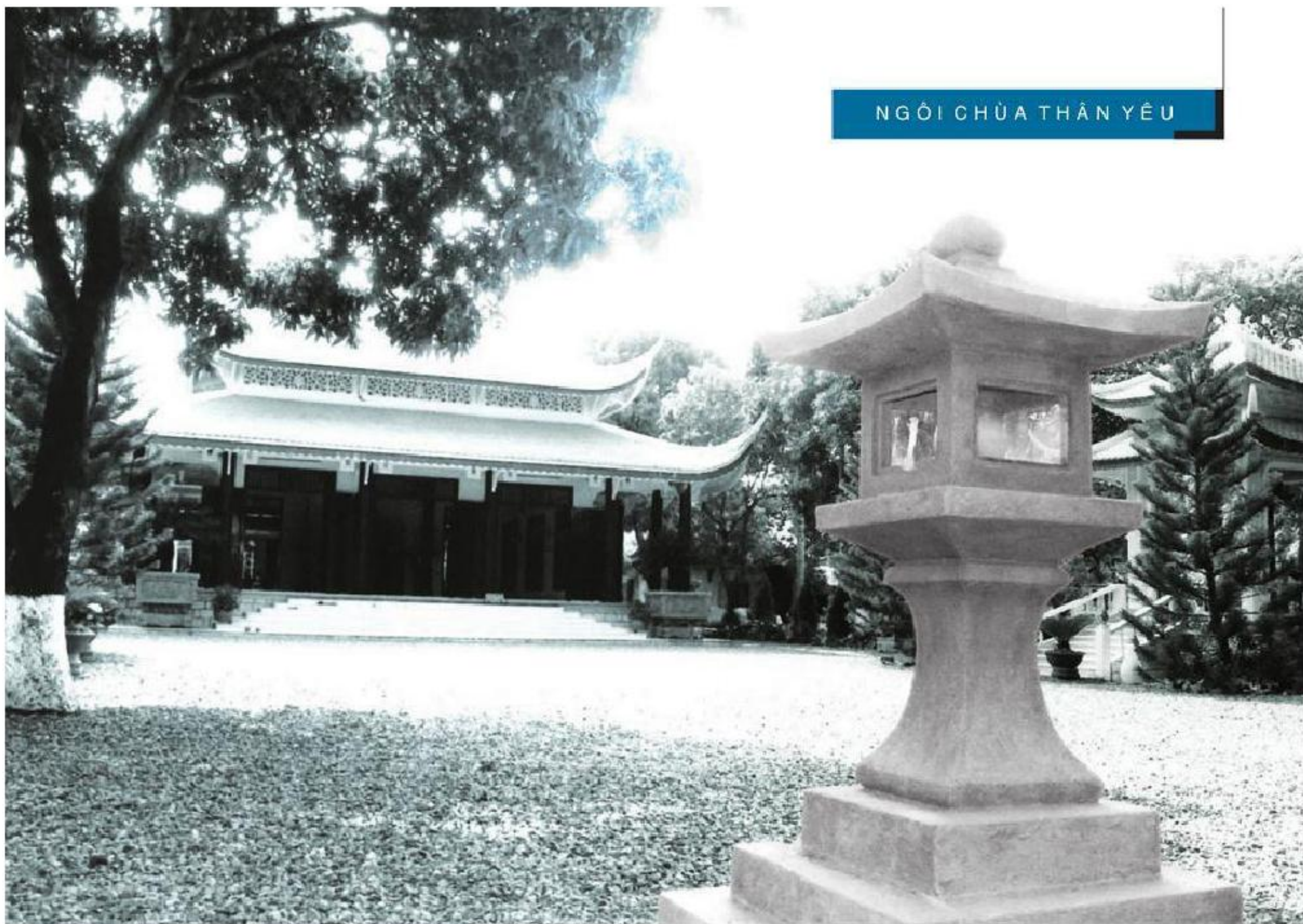
Chỉ khi nào chúng ta đến được giới hạn của những sự khéo léo này, chúng ta mới sẵn sàng từ bỏ chúng, để khám phá những tiềm năng lớn hơn cho hạnh phúc. Trong cách này, sự giải thoát phát triển không phải từ một thái độ hẹp hòi hay bi quan mà từ một niềm hy vọng rằng phải có cái gì đó tốt hơn. Điều này cũng giống như một đứa trẻ đã nắm vững một trò chơi đơn giản và cảm thấy sẵn sàng cho một trò chơi có nhiều phấn đấu hơn. Đó là thái độ của một người đã trưởng thành. Và như tất cả chúng ta đều biết, chúng ta không trưởng thành bằng việc co mình lại trước thế giới, nhìn nó một cách tiêu cực hoặc đòi nó áp úp chúng ta. Chúng ta trưởng thành bằng cách khám phá nó, bằng cách mở rộng những sự khéo léo có ích qua cuộc chơi.

(*Majjhima Nikaya* 62)

Thị Giới dịch

16 Bước Thiền Quán Hơi Thở

1. Thở vào hơi dài, nhận rõ “Tôi đang thở vào hơi dài;” hoặc thở ra hơi dài, nhận rõ: “Tôi đang thở ra hơi dài”.
2. Hoặc thở vào hơi ngắn, nhận rõ: “Tôi đang thở vào hơi ngắn;” hoặc thở ra hơi ngắn, nhận rõ: “Tôi đang thở ra hơi ngắn”.
3. Tự rèn luyện: “Tôi sẽ thở vào và ra với sự cảm nhận của toàn thân thể”.
4. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra làm dịu sự sinh khởi nơi cơ thể”.
5. Tự rèn luyện: “Tôi sẽ thở vào và ra cảm nhận sự thoải mái”.
6. Tự rèn luyện: “Tôi sẽ thở vào và ra cảm nhận sự thanh thản”.
7. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra cảm nhận sự sinh khởi của tâm”.
8. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra làm dịu sự sinh khởi của tâm”.
9. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra cảm nhận tâm”.
10. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra làm cho tâm hoan hỷ”.
11. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra làm cho tâm an định”.
12. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra làm cho tâm thanh thản”.
13. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra tập trung vào tính không kiên định”.
14. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra tập trung vào sự bình tĩnh, an nhiên”.
15. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra tập trung vào sự chấm dứt”.
16. Tự rèn luyện: “Tôi thở vào và ra tập trung vào sự từ bỏ”.



Bóng đại thụ

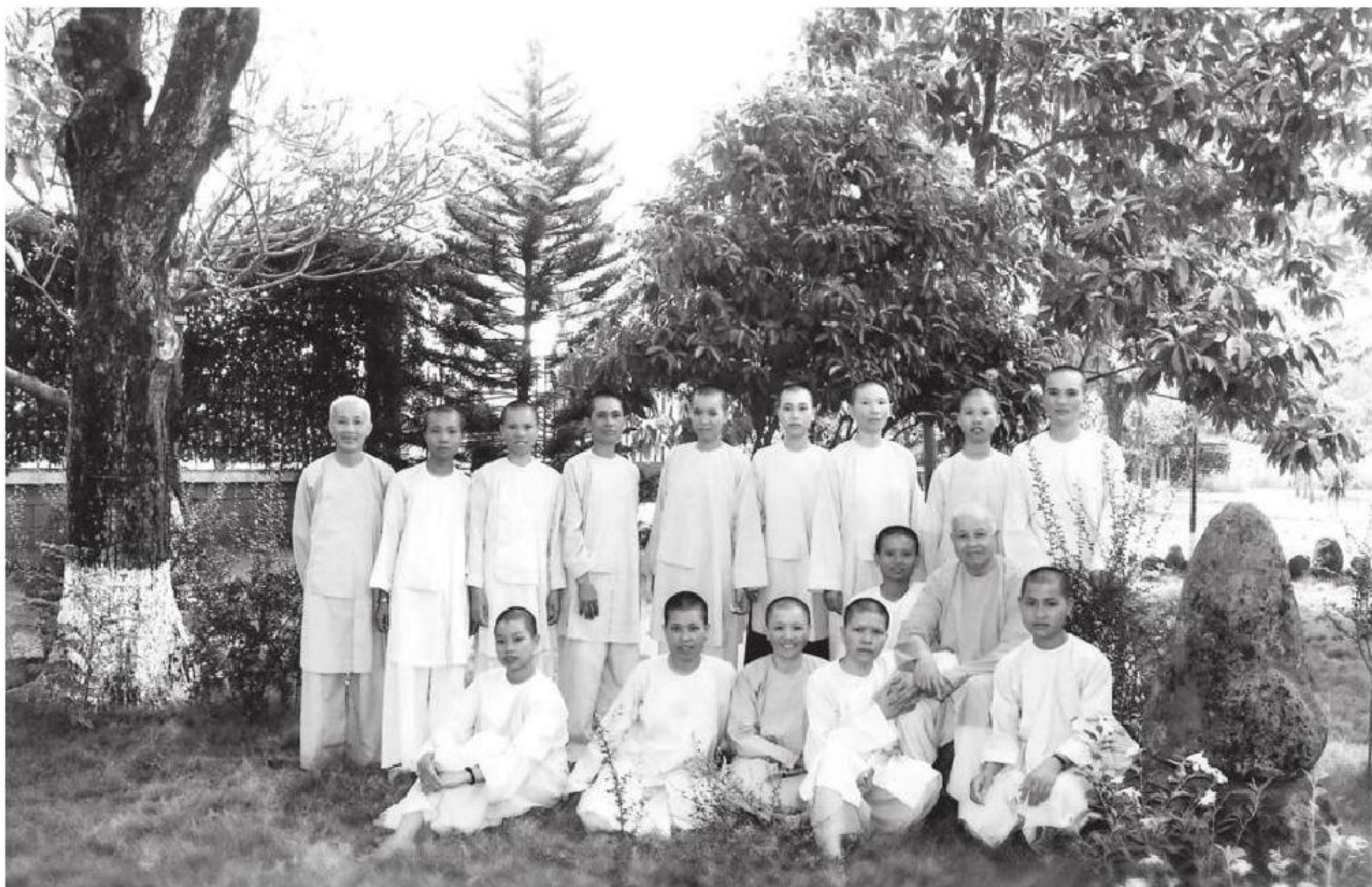
ĐỨC THÔNG

Tôi trở về chùa thăm thầy thăm bạn sau bốn năm dài miệt mài học tập phương xa. Ngôi chùa uy nghiêm vẫn ẩn mình sau những tàng cây um tùm xanh mướt bao quanh chùa. Xa xa, những hàng phi lao vẫn tươi tắn vươn mình trong ánh nắng ban mai, lá vẫn xanh một màu lao xao trong gió... Đây là thiền viện Liễu Đức, nơi khơi nguồn tâm linh cho chúng tôi cất bước hành đạo.

Hồi đó chùa tôi nghèo lắm, mà đệ tử của thầy tôi thì đông. Vì thế, ngoài những giờ giảng dạy ở các trường Phật học, trên tay thầy lúc nào cũng có cặp que đan. Thấy nhân nài đan từng chiếc áo để có thêm thu nhập góp vào việc lo cho chị em chúng tôi tu học. Tôi rất thích nhìn thầy đan len. Ngày ấy, những ngón tay dài và mềm mại của thầy đều đặn lên xuống theo nhịp đan, trông

như một điệu múa tay. Thầy thường bảo: “Đan len cũng là một phương pháp tu tập đó, con à!”. Tôi thắc mắc: “Đan len là đan len, có gì đâu mà thầy bảo là phương pháp tu tập, hả thầy?”. Thầy cười hiền hậu, trả lời, “Có chứ. Đức Phật dạy có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu mà con. Mình vừa đan len vừa theo dõi hơi thở. Thấy vẫn giữ chánh niệm theo từng mũi que đan”. Ôi! Vậy mà chúng tôi thì lúc nào cũng cứ lảng xãng với mọi thứ tạp niệm.

Khi đã đi học xa chùa nhưng chưa xa lắm, có lần tôi về thăm thầy. Vào lúc sáng sớm khi đang nhổ cỏ ngoài sân, tôi mơ màng với những tiếng chim hót trên cành cây. Thầy đến bên tôi lúc nào không hay. Thầy khẽ bảo: “Ánh nắng ban mai cho ta một ngày mới, tiếng chim hót trên cây cho ta những âm thanh của đất trời, và mình hãy sống cho mình với tâm thanh tịnh”. Tôi giật mình quay



lại, đứng lên chấp tay khê nói, "Thưa thầy, con hiểu rồi ạ!".

Đôi bàn tay của thầy bấy giờ đã không mềm mại như xưa nữa. Thầy giải thích, "Tại thầy quét sân đó. Lá rụng nhiều quá, mấy điệu quét không kịp, trễ giờ đi học. Thương chúng nó, thầy quét phụ các em con mặc dù thường khi chúng không chịu. Khi quét lá, mình cũng quét đi tất cả những phiền não, những tạp niệm trong tâm". Tôi ngẩn ngơ nhìn thầy, những cố gắng vượt qua mọi khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày do tình trạng sức khỏe của thầy mang lại cũng như lòng thương yêu mà thầy dành cho đệ tử luôn luôn là những bài pháp cho chúng tôi.

Còn nhớ, những ngày giáp Tết, lúc thầy trò cùng làm bánh chưng, bánh tét, thầy thường hát cho chúng tôi nghe. Nào là "*Dương ánh tung bừng sắp đón chào một vị phúc tinh...*" trong bài hát *Đời Phật Tổ*, rồi "... *cần chơn chánh mà nói năng, cần chơn chánh mà định lòng...*" trong bài hát *Bát chánh đạo*, hoặc "... *chỉ còn có hát ca mà thôi, sống nơi đây thật tuyệt vời...*" trong bài hát có tựa đơn giản là *Sống...* Giọng thầy trầm ấm chứa đầy chất thương yêu làm chúng tôi quên hết mệt nhọc. Thầy tôi như vậy đó, luôn vui vẻ tươi cười, nhưng cũng "*nào ai biết ta đang từng giây, từng biến kinh vốn không lời này...*", kinh không lời phải chăng là *Bát nhã tâm kinh*?

Vậy mà giờ đây thầy ngồi im lặng, sức khỏe ngày càng yếu. Bác sĩ bảo thầy bị chứng teo não, càng ngày thầy sẽ càng mất dần trí nhớ. Tôi tự hỏi phải chăng thầy muốn buông bỏ mọi sự thị phi của cuộc đời. Tôi nhận ra rằng

tuy không nói nhưng thầy vẫn biết hết mọi chuyện; thầy vẫn theo dõi hơi thở của mình và luôn giữ chánh niệm tỉnh giác trong từng phút từng giây.

Năm nay chị em chúng tôi tổ chức lễ chúc thọ thầy. Chúng tôi mỗi người một nơi nhưng đã bảo nhau cố gắng sắp xếp công việc, tề tựu đông đủ. Thầy đệ tử về đủ, thầy vui lắm, nụ cười lúc nào cũng nở trên môi. Từ trong lòng, mỗi người chúng tôi đều hiểu thầy muốn học trò của thầy luôn ở bên cạnh thầy, hết như người mẹ hiền lo lắng cho những đứa con phải rời xa vòng tay mình. Thầy ơi! Chúng con còn dở dang việc học, học để tích trữ đủ tư lương cho cuộc sống tu tập cũng chính là thực thi tâm nguyện của thầy....

Chiều nay ngồi quây quần dưới chân thầy, chúng tôi hát lại để dâng lên thầy những bài hát ngày xưa thầy đã hát cho chúng tôi nghe. "*Đừng kể Bắc đừng kể Nam và đừng kể Trung làm gì, nên nhớ rằng chúng ta là con dòng Thích, cùng sinh ra cùng máu đỏ và giọt nước mắt cùng mặn, đừng phân biệt hãy ngồi xuống ta cùng đùa vui...*". Thầy ngồi yên lặng lắng nghe chúng tôi hát, đôi mắt ánh lên niềm vui, lần lượt nhìn từng người chúng tôi như muốn ghi lại hình ảnh này, miệng nhép theo lời bài hát. Bỗng nhiên nước mắt tôi ứa ra. Tôi thật sự lo sợ... tôi muốn thời gian dừng trôi nữa, tôi muốn giữ lại hình ảnh đẹp này, giây phút này mãi mãi ở lại với chúng tôi... Nhưng nước mắt vẫn chảy, dòng thời gian vẫn trôi và tôi biết thầy đã làm trọn những gì thầy cần làm. Bóng của thầy, như bóng một cây đại thụ, vẫn đổ dài theo ánh chiều tà. ■

Tường thuật hội thảo

“Khai mở bí mật thịnh vượng tài chính bằng trí tuệ Phật giáo”

ĐỖ HOÀNG TÙNG

Tối ngày 23 tháng 12 vừa qua, tại Khách sạn Palace Saigon, TP. HCM., đã diễn ra cuộc hội thảo “Khai mở bí mật thịnh vượng tài chính bằng trí tuệ Phật giáo”. Diễn giả của chương trình này là Geshe Michael Roach cùng phái đoàn giáo viên của Trường Đại học Núi Kim Cương (Diamond Mountain University). Đây là lần thứ hai tác giả của cuốn *Năng đoạn kim cương* (Diamond Cutter) đến Việt Nam trong năm 2009. Lần đầu là vào tháng 4, nhân dịp cuốn sách này được tái bản lần 2 tại Việt Nam với sự tài trợ của Ngân hàng Liên Việt. Còn lần này, để chào mừng sự trở lại Việt Nam của Geshe Michael Roach, Công ty sách Thái Hà đã cho xuất bản cuốn sách mới nhất của ông, *Quản lý nghiệp*.

Buổi hội thảo kéo dài 4 tiếng (từ 18 giờ đến 22 giờ) dưới sự hướng dẫn của nhà sư – doanh nhân cùng phái đoàn của ông đã thành công ngoài mong đợi, với hơn 200 khách mời tham dự. Đa số trong đó là những doanh nhân trẻ, có tri thức và thành đạt. Họ đến để tìm hiểu xem làm thế nào mà một nhà sư đã sống 20 năm trong các tu viện lại có thể khởi nghiệp kinh doanh chỉ với 7 đôla và nay đã kiếm được 250 triệu đôla Mỹ một năm. Chính trong buổi hội thảo này, Michael Roach đã chia sẻ rằng, ông không biết gì về việc lập doanh nghiệp, về tiếp thị hay kế toán... Tất cả những gì ông biết là những giáo lý nhà Phật trong kinh *Kim cương*. Và ông đã áp dụng những giáo lý đó vào sự nghiệp kinh doanh của mình để đạt được thành công như ngày nay. Đây cũng chính là những gì ông đã chia sẻ trong cuốn *Năng đoạn kim cương*.

Vậy Michael Roach đã áp dụng giáo lý nào vậy? Chính là luật nhân quả. Ông nói: “Nếu bạn muốn có nhiều tiền,

vậy thì trước hết bạn phải cho tiền đi”. Và ông đã làm theo đúng cách đó để khởi nghiệp. Khi ấy ông còn ở Ấn Độ, một lần ông tình cờ thấy ba người phụ nữ đang cần tiền mua kim chỉ để kiếm sống bằng việc may vá. Ông đã bảo họ có thể bắt đầu một sự nghiệp khác, phù hợp với thời đại hơn, với những chiếc máy vi tính. Và ông đã mua tặng họ ba chiếc máy vi tính để họ bắt đầu kinh doanh. Đến nay doanh nghiệp của họ đã có 108 nhân viên, còn doanh nghiệp của Michael Roach thì đã vượt quá con số 10.000.

Theo cùng cách như vậy, người ta có thể áp dụng để tìm cho mình một người bạn đời như ý bằng cách dành thời gian đi thăm nom, chăm sóc những người già cô đơn ở các trại dưỡng lão. Người ta có thể cải thiện những mối quan hệ thông qua việc sống hữu hảo với những người khác. “Bạn phải làm gì khi những người thân thương nói những lời khó nghe, tiêu cực với bạn?” Michael Roach hỏi. “Đơn giản thôi, bạn hãy nói những lời ái ngữ với mọi người bạn gặp”, ông giải đáp. Còn nếu bạn muốn có một trí tuệ sắc bén, bạn phải làm gì? Bạn hãy đi giảng giải cho người khác những tri thức sâu sắc, những hiểu biết mà bạn tâm đắc. Bạn muốn có một nhan sắc tuyệt vời? Vậy hãy từ bỏ thói quen phản ứng tiêu cực, để dành giận dữ của mình. Hãy tập mỉm cười, ngay cả khi người ta nói khó nghe với bạn. Đó chính là cách để giữ gìn vẻ bề ngoài như ý. Thế còn sức khỏe tốt thì sao? Muốn khỏe mạnh, đương nhiên là bạn phải tự rèn luyện. Nhưng điều đầu tiên, và quan trọng hơn cả là, bạn cần phải quan tâm đến những người ốm đau xung quanh mình. Hãy động viên, chăm sóc họ, hãy dành thời gian cho họ thì việc rèn luyện thân thể của bạn mới đem lại kết quả được. Cứ thế, cứ thế...,”



Michael Roach chỉ dẫn cho mọi người đạt được những điều họ muốn một cách đơn giản và dễ hiểu. Nhiều người gật đầu tán thưởng, bởi họ cũng tin vào nhân quả, tin vào những gì ông nói. Biết chắc rằng trong số các cử tọa ngồi nghe, còn không ít người đang hoài nghi những gì mình trình bày, ông thẳng thắn chia sẻ: “Ai đó trong các bạn có thể nghĩ tôi đang nói những điều gàn dở giống người bị điên khùng vậy, nhưng tôi có thể nói với các bạn, tôi là người điên khùng đã tự mình kiếm được 250 triệu đôla một năm đấy! Bạn tin không thì tùy, nhưng có thể thử áp dụng những điều tôi vừa chia sẻ vào cuộc sống của mình và xem kết quả sẽ ra sao”.

Đàn xen giữa những bài giảng đầy trí tuệ và thực tế ấy là những tiết mục biểu diễn hết sức ấn tượng của phái đoàn giáo viên đến từ Trường Đại học Núi Kim Cương. Buổi hội thảo bắt đầu bằng một tiết mục âm nhạc do Geshe Michael Roach chơi đàn sita và hát cùng với cô Mercedes Bahleda. Tiếng đàn nhẹ nhàng, réo rắt khiến khuôn mặt của các thính giả sau một ngày làm việc căng thẳng trở nên thư thái lạ kỳ. Và cuối buổi, có rất nhiều người đã mua đĩa nhạc của hai nghệ sĩ nghiệp dư nhưng truyền đạt rất tốt chiều sâu tâm linh này. Đến khi giảng về việc làm thế nào để có sức khỏe tốt, Michael Roach đã biểu diễn asana (tư thế yoga) “trồng cây chuối” khiến cử tọa sững sờ trước sự khỏe mạnh và dẻo dai của người đàn ông đã có tuổi này. Nhưng màn biểu diễn gây ấn tượng nhất thì phải kể đến hai vở kịch ngắn tả lại những buổi học về giáo lý nhà Phật trong thời gian Geshe sống trong các tu viện ở Ấn Độ.

Vở kịch đầu tiên nói về sự khác biệt giữa cách nhìn nhận giữa con người và con chó trước cùng một sự vật: cây bút. Với con người, cây bút thì để viết nhưng với con chó thì đó không khác gì một cục xương... để gặm. Vậy đâu là bản chất của cây bút? Nó là cây bút hay cục xương? “Nó không phải cây bút, nó cũng không phải là cục xương cho chó gặm, bởi nếu cả bạn và con chó đi ra khỏi phòng này, thì nó chẳng là vật gì cả”. Vậy bản chất của nó là gì vậy? Nó là không có bản chất. Đây là điều mà nhà Phật gọi là tính Không của mọi sự. “Bản chất của cây bút cũng giống như tấm phông trắng kia vậy. Và những gì chúng ta và con chó nhìn thấy chỉ như những hình ảnh được phóng chiếu lên tấm phông, được quy định bởi những dấu ấn bạn đã ghi vào tâm thức mình thông qua các hành động của bạn trong quá khứ”, Michael Roach nói.

Còn vở kịch thứ hai nói về giáo lý tương tức: anh là tôi và tôi cũng là anh, không có sự tách biệt giữa hai chúng ta. “Khi bạn cho người khác tiền, thực ra bạn không cho họ, bởi không có sự khác biệt giữa bạn và họ. Nó chỉ giống như chuyển tiền từ bàn tay trái sang bàn tay phải”, Michael Roach giải thích. Sau đó ông còn hóm hỉnh bình luận: “Bàn tay phải không nói rằng: Cám ơn bàn tay trái, vì bạn đã chuyển tiền sang cho tôi. Thực ra không có sự tách biệt giữa tôi và bạn, chúng ta là hai cơ thể, nhưng cùng là một người”.

Ngoài việc giáo lý được biểu đạt bằng những câu chuyện sinh động, vở kịch còn gây ấn tượng bởi cách truy vấn bằng giọng như thét vào tai, cùng với tiếng vỗ tay,

đập chân của Michael Roach trong vai một vị thầy. Ba giáo viên đến từ Trường Đại học Núi Kim Cương thì đóng vai những thiên sinh thông minh và điềm tĩnh. Hai vở kịch tạo ra bầu không khí vui vẻ nhưng cũng không kém phần sâu sắc cho một buổi tối vốn đã giúp cử tọa khai mở được nhiều điều cho mình.

Cuối cuộc hội thảo, nhiều câu hỏi hay đã được cử tọa gửi đến phái đoàn của Michael Roach như: Làm sao ông lại có thể vừa là một nhà sư, lại vừa là một doanh nhân? Liệu có phải việc cho tiền người khác để mong nhận lại tiền là điều ích kỷ, không trong sáng hay không? Tại sao một người bạn tôi đã cho đi nhiều tiền mà đến giờ anh ta vẫn chưa được nhận lại gì?... Tất cả đều được các giáo viên trong phái đoàn trả lời rành mạch và chi tiết. Nhưng có một sự chia sẻ của Michael Roach mà người viết bài này tâm đắc nhất. Đó là về việc gieo một hạt giống vào trong tâm thức mình thì thường mất thời gian, có khi phải đến kiếp sau mới nhận được trái ngọt mà mình đã gieo từ kiếp này. Với con người hiện đại, kiếp sau dường như là một điều quá xa vời, họ muốn thu hoạch sớm hơn, liệu có cách nào cho họ? Michael Roach chia sẻ rằng bạn có thể rút ngắn thời gian chờ đợi hạt giống đơm hoa kết trái bằng cách thông qua bốn bước. Bước thứ nhất là phải tìm được những người xứng đáng (người có công ơn với bạn, người thật sự cần giúp đỡ...). Bước thứ hai là phải có một kế hoạch gieo hạt giống thật sự, phải đầu tư thời gian và công sức của bạn vào đó chứ không chỉ đơn giản là “quảng” một món tiền vào quỹ từ thiện. Sau khi đã có một kế hoạch tốt thì bạn phải hành động. Đó là bước thứ ba. Cuối cùng, hãy đảm bảo rằng bạn sẽ dõi theo những hạt giống mình đã gieo trồng và cảm thấy mãn nguyện với những điều tốt mình đã làm. Nhờ bốn bước này, những điều bạn mong muốn sẽ sớm đến với bạn hơn.

Trong buổi hội thảo, những người tham dự còn được thực hành hai bài thiền tập ngắn với sự hướng dẫn của hai giảng viên Trường Đại học Núi Kim Cương. Điều đặc biệt là cả hai người này đều còn rất trẻ, và đều là người Mỹ gốc Việt. Michael Roach nói rằng chính những phương pháp quán tưởng “giúp cho người bớt khổ, trao tặng người niềm vui” là cách để những hạt giống tốt đẹp mà bạn đã gieo trồng trên mảnh-vườn-tâm-thức sẽ sớm đơm hoa kết trái.

Cho đến phút cuối, gần như không có ai rời khỏi hội thảo, khuôn mặt ai cũng tỏa một niềm vui rạng rỡ, bởi họ biết mình đã được truyền cảm hứng cũng như trí tuệ để sống một cuộc đời thành đạt và mãn nguyện hơn. Sau buổi hội thảo này, phái đoàn của Michael Roach còn tổ chức thêm một khóa tu 2 ngày dành riêng cho doanh nhân, dạy họ cách sống giản dị và biết đủ bằng những khóa ngồi thiền, tập yoga, học cách áp dụng giáo lý đạo Phật vào kinh doanh và đời sống... những điều đã được nói đến chi tiết trong *Quản lý nghiệp*, cuốn sách mới ra mắt của Geshe Michael Roach và hai tác giả Lama Christie McNally và Michael Gordon. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này : 312 cuốn

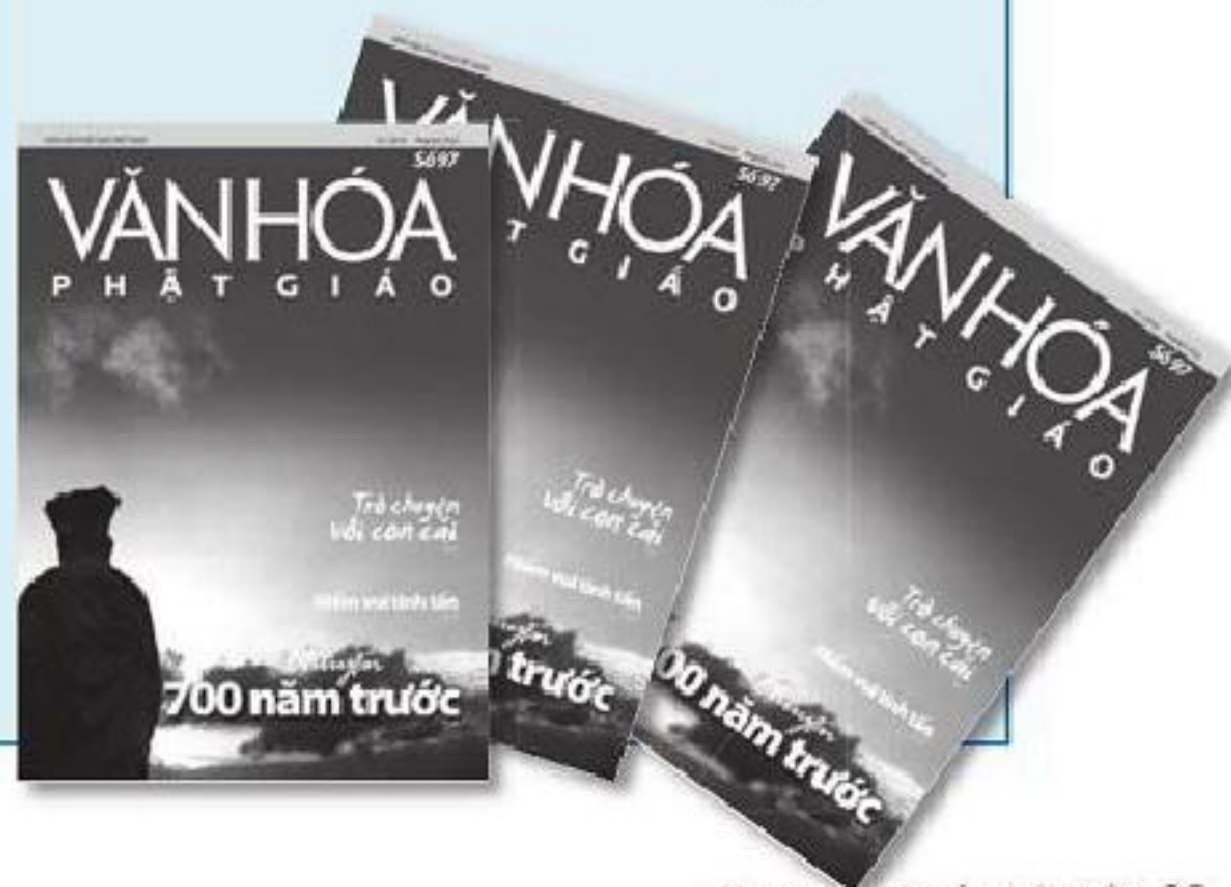
Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG :

(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Nước Mỹ nhìn từ bên ngoài xa lộ

TRẦN ĐĂNG KHOA

Mùa đông miền Tây vẫn đầy nắng vàng trên những ngọn đồi quanh vịnh San Francisco, những trận mưa phùn nhẹ nhàng kéo lùi cái rét, cỏ lên xanh giữa mùa đông như trên người. Ngài Thống đốc vừa tuyên bố "California thiếu nước".

Khí hậu tuyệt vời cùng những mỏ vàng xa xưa đã góp phần tạo nên huyền thoại El Dorado, những thung lũng và châu thổ tắm mình quanh năm trong nắng ấm, những hải cảng sầm uất nhìn ra Thái Bình Dương bao la, những cánh rừng ngút ngàn... Cửa cái trời cho cộng với nghị lực của đám di dân tứ xứ đã làm nên một California phồn vinh nhất nước Mỹ! Ấy vậy mà nó đang thiếu nước, ngài Thống đốc chẳng dám nói ngoa, chỉ có điều là rất muộn màng,

sau bao năm, cứ độ hè về là lính cứu hỏa lại vất vả với cháy rừng, và cuối cùng, California là tiểu bang đầu tiên của Hiệp Chúng Quốc tuyên bố... hết tiền!

Những người không nhà, những tấm bằng House for closer (nhà bị xiết nợ), những căn nhà trung tâm đổ nát... làm tăng nét ảm đạm của mùa đông thứ hai kể từ khi bắt đầu suy thoái. Dĩ nhiên California không phải là tiểu bang duy nhất mang hình ảnh này, nhưng nó đi đầu, nó tương phản làm sao với những năm tháng phồn vinh của thung lũng Silicon, phải chăng bạo phát thì bạo tàn?

Bạn bè và người thân kể rằng chỉ cách đây vài năm, một căn nhà bình thường có thể tăng giá thêm mười ngàn đôla sau một đêm. Tôi có đi thăm vài căn nhà xây cất trong thời kỳ ấy, đồ dùng đã bắt đầu hư hỏng, rất

Thành phố San Francisco, Mỹ



tương phản với tiêu chuẩn Hoa Kỳ, đất quanh nhà chật hẹp, rất tương phản với hình ảnh bao la của Tân thế giới, phải chăng đôi khi lợi nhuận đã đưa tinh thần duy lý, cái làm nên nước Mỹ hùng cường, vào ngõ hẹp? Mà nước Mỹ cũng dựa trên lợi nhuận mà!

Sự hợp lý của nước Mỹ được thể hiện rõ nhất ở quy hoạch đô thị và giao thông, những trục đường cao tốc được hoạch định, rồi các đô thị nhỏ được rải dọc theo đó. Cái mà người Mỹ gọi là kẹt xe thật khổng lồ vào đầu với cùng hình ảnh đó ở châu Âu, hay tệ hơn nữa là châu Á. Nước Mỹ tránh được các đô thị khổng lồ như Bắc Kinh, Mumbai,... hay Sài Gòn. Và bệ đỡ cho sự hài hòa ấy là các xa lộ, đó là các động mạch chủ được bao bọc, bảo vệ cẩn thận, bảo vệ cho sự giao thông được thông suốt và bảo vệ cho cả hệ thống tế bào xung quanh không bị ô nhiễm vì khói xăng. Nhìn các dòng xe trên xa lộ tôi hiểu được những bằng tin giá dầu leo thang theo từng độ F đi xuống của mùa đông Bắc Mỹ!

Ngày thứ sáu đen (Black Friday) của mùa lễ Tạ ơn vừa qua không mấy sôi động, người ta vẫn nghỉ, vẫn đi thăm thú nhau và... ít mua sắm. Truyền hình vẫn ra rả các chương trình khuyến mãi và cư dân phải đi mỗi ngày hàng đông báo quảng cáo phát không. Các ngân hàng siết chặt tín dụng cá nhân, lòng tin (tín) đã nhạt, cái lòng tin đã thúc đẩy nước Mỹ lao về phía trước, tin rằng xài xong rồi trả, tin rằng thiên nhiên là vô tận... Có cả những thành phố đành lòng đóng cả trường học của con em mình vì cái lòng tin xài trước trả sau đó.

Có phải nước Mỹ đã tin sai? Ở những nơi khác, người ta

còn tin vào những điều kỳ quái hơn cơ mà (những niềm tin hoang tưởng)! Nhìn những người Mỹ vẫn miệt mài thức khuya dậy sớm, tôi thấy sức mạnh của họ vẫn còn đó, nước Mỹ vẫn tin vào con người, những người đàn ông và đàn bà làm việc hơn mười sáu giờ mỗi ngày, rồi đóng thuế nuôi trẻ em và người già, đâu có lòng tin nào vững vàng và công bằng hơn thế! Nhiều người Á châu phiền muộn cái nỗi con cái trưởng thành quá sớm, phiền muộn về những ngôi nhà không phải là nơi chốn tinh thần bền vững như ở Á đông,... phải chăng người Mỹ đã thực sự đi theo cái triết lý xuất phát từ phương Đông rằng *Trần gian là cõi tạm*? Rằng vạn pháp vô thường!?

Không dễ dàng tìm được câu trả lời. Nhìn những xa lộ động mạch chủ của nước Mỹ, tôi hiểu rằng người Mỹ còn phải vất vả đi tìm kiếm sự công bằng và hợp lý hơn nữa. Sẽ ra sao khi mỗi gia đình Ấn Độ hay Trung Quốc đều có hai chiếc xe như những người Mỹ? Hàng đồng giấy lau tay, quảng cáo, ... có thực sự cần thiết không? Liệu sự ô nhiễm vì công nghiệp giấy tại Canada và Phần Lan có ảnh hưởng chi tới lời cảnh báo muộn màng của ngài Thống đốc không?

Tất cả có trong Một và Một có trong Tất cả.

Chiều thứ Tư hằng tuần, thằng con trai nhỏ của tôi đều đặn kéo các thùng rác đã phân loại ra đường, vợ tôi bảo tội nhỏ không để vòi nước chảy không. Xa lộ băng ngang vùng đồi Bắc San Francisco đã đỏ đèn, sương mù lãng đãng trong thung lũng, xoay trong tay tách trà muộn trong cái se lạnh, tôi nghĩ tới những dòng xe trên xa lộ, bao lâu thì các chất hữu cơ trong các thùng rác đã phân loại biến thành dầu hóa thạch? Liệu có kịp không!? ■





Vấn đề tái sinh

GRANVILLE DHARMAWARDENA¹

Tôi đã đọc những bức thư được ngài Dharmapala Senaratne, Chủ tịch Hội Các Nhà Duy Lý Sri Lanka, viết về vấn đề trên được đăng tải trên các số báo ngày 20 tháng Mười và ngày 2 tháng Mười Hai năm 2009 của tờ *The Island*. Bản chất gây tranh cãi của hiện tượng tái sinh dẫn xuất từ hai yếu tố chính đã làm cho vấn đề này là chủ đề tranh luận mỗi khi được trao đổi rộng rãi. Một yếu tố là, khác với các trường hợp của sự thụ thai, sự sinh và sự chết, những tôn giáo khác nhau vẫn phát biểu những quan điểm chống trái nhau về vấn đề tái sinh. Một số tôn giáo chấp nhận quan điểm được nêu lên bởi các triết gia như Pythagoras, Socrates và Plato, và tán đồng hiện tượng tái sinh là có thật. Một số tôn giáo khác chấp nhận quan điểm của Aristotle và bài bác rằng hiện tượng ấy là không thật. Một số tôn giáo khác từng

tán đồng hiện tượng tái sinh và giảng dạy rằng hiện tượng tái sinh là có thật nhưng đã thay đổi lập trường sau khi có những mệnh lệnh chính trị của các vị hoàng đế La Mã Constantine và Justinian và hiện nay bác bỏ hiện tượng tái sinh, cho rằng đó là hiện tượng không thật. Yếu tố tôn giáo này dễ dàng được mọi người hiểu.

Phần lớn lao hơn của cuộc tranh luận dẫn xuất từ yếu tố thứ hai được trình bày sau đây. Không giống như sự thụ thai, sự sinh và sự chết, ít nhất, phần nào cũng nằm trong phạm vi của sự hiểu biết duy lý, vấn đề tái sinh hoàn toàn vượt ngoài phạm vi ấy và con người không thể đánh giá sự tái sinh trên nền tảng của sự hiểu biết duy lý. Cho nên, những người chỉ chấp nhận những hiểu biết duy lý sẵn sàng chế nhạo hiện tượng tái sinh và khẳng định một cách mạnh mẽ rằng sự tái sinh là không có thật.

Mới đây, một nhà thần kinh học như Richard Rastac còn chứng minh một cách duy lý rằng con người không hề có tâm thức. Ông ta tìm kiếm tâm thức trong đầu những bệnh nhân của mình bằng cách khảo sát chúng nhờ tia X, nhờ máy chụp cắt lớp CAT (*Computed axial tomography* hay phương pháp ghi nhận hình ảnh dựa trên nguyên lý phản xạ sóng điện từ quanh trục được điện toán hóa), máy chụp cắt lớp PET (*Positron emission tomography* hay phương pháp ghi nhận hình ảnh dựa trên sự phản xạ sóng điện từ vì có sự phát xạ hạt positron); và tuyên bố rằng vì không thể thấy được tâm thức trong bất kỳ hình ảnh nào cho nên ông ta khẳng định con người không có tâm thức. Ông ta đã bị mù quáng bởi chủ nghĩa duy lý đến nỗi không thể chấp nhận sự thật rằng tâm thức vượt ngoài phạm vi sự hiểu biết duy lý và không thể được khảo sát bởi các phương tiện khoa học được thiết kế để khảo sát những đặc điểm vật chất của cơ thể vốn tuân phục sự điều tra nghiên cứu duy lý.

Con người ngày nay đang được điều kiện hóa để chấp nhận bất kể điều gì được chứng minh là khả chấp theo khoa học và bài bác bất kỳ điều gì khoa học không thể chứng minh. Nhận thức thông thường của chúng ta được điều kiện hóa bởi sự thực hành khoa học suốt ba thế kỷ qua. Điều mà mọi người cho là khoa học thật ra chỉ là khoa học cổ điển phát xuất từ thế kỷ thứ 17. Những nhà sáng lập của nền khoa học này, Issaac Newton và René Descartes, đã giới hạn phạm vi của khoa học cổ điển vào những khía cạnh khả kiến của vũ trụ hoặc những gì con người có thể cảm nhận với ngũ quan của họ. Descartes cho du nhập khái niệm nói rằng thiên nhiên không trải rộng ra ngoài những gì chúng ta có thể nhận biết bằng các cơ quan cảm giác và nghĩ rằng tất cả những gì vượt ngoài phạm vi khả kiến đều đáng bị chế rệu là vô nghĩa. Điều đó đã giới hạn phạm vi của khoa học vào sự hiểu biết duy lý về các đối tượng hữu hình và khả lượng. Do vậy mà các nhà khoa học đã bị buộc chỉ chấp nhận những kiến thức duy lý có thể phát xuất thông qua những cơ quan cảm giác của họ mà bỏ qua trí tuệ và tâm thức. Những khía cạnh của vũ trụ hay thiên nhiên vượt ngoài những giới hạn ấy đều bị chế nhạo và bác bỏ. Vũ trụ được nhận biết như một hệ thống cơ khí khổng lồ vận hành dựa theo những luật tắc cơ khí chính xác, chứa đựng những đối tượng vật chất được tạo nên bởi những hạt nhỏ rắn chắc không thể bị hủy hoại, di chuyển trong một khung không gian ba chiều vô hạn và trong khung thời gian tuyệt đối. [Cho đến nay] giản hóa luận, quyết định luận và tính chính xác toán học tuyệt đối vẫn được nhìn nhận là những nguyên lý căn bản của nền khoa học cổ điển. [Tuy nhiên], nền khoa học hiện đại đã chỉ cho chúng ta thấy những điều đó không đúng mà ngược lại, chính sự bất định mới là luật căn bản của thiên nhiên.

Cho đến tận buổi bình minh của thế kỷ 20, các nhà khoa học vẫn chưa nhận thức được rằng vũ trụ mở rộng ra bên ngoài những khía cạnh ba chiều thấy được của nó.

Cho đến cuối thế kỷ thứ 19, khi đã hiển nhiên là vũ trụ không hề bị giới hạn trong những khía cạnh thấy được, các nhà khoa học buộc phải dỡ bỏ cái rào chắn ba chiều đã được áp đặt bởi nền khoa học cổ điển và mạo hiểm để khảo sát điều gì xảy ra ở lãnh vực không thấy được. Chính Albert Einstein là người đã phá vỡ cái vỏ ba chiều của nền khoa học cổ điển và đưa khoa học vào không gian bốn chiều bằng cách giới thiệu lý thuyết Tương đối.

Sau đó, sự có mặt của khoa học lượng tử đã đưa kiến thức khoa học của chúng ta tiến sâu vào vùng không thể thấy được và cho phép chúng ta hiểu được những khía cạnh trước đây vẫn chưa được biết đến của vũ trụ; chẳng hạn các hiện tượng nguyên tử, hiện tượng siêu dẫn, hiện tượng siêu lưu, hiện tượng laser, hiện tượng tâm thức và hiện tượng tái sinh. Những phát hiện mới nhất của nền khoa học hiện đại vừa được thực hiện trong năm 1997 bởi Nicolas Gisin² tại Đại học đường Geneva (Thụy Sĩ), từng được ca ngợi như phát hiện quan trọng nhất trong toàn thể lịch sử khoa học, là phát hiện không thể nghĩ tới dưới hình thức nhận thức duy lý. Gisin đã chứng minh một cách đầy khoa học và có sức thuyết phục rằng về bản chất, vũ trụ có tính cách phi định xứ (*non-locality*)³. Không một điều gì trong khối lượng nhận thức duy lý sẵn có của loài người có thể được sử dụng để làm một thí dụ minh họa cho điều phát hiện của ông. Cho nên, giới khoa học đã sử dụng kinh *Thủ Lăng Nghiêm* (*Surangama Sutra*) của Phật giáo như một thí dụ minh họa cho điều phát hiện ấy.

Nền công nghệ đã làm cho thế giới phát triển trong suốt nửa thế kỷ qua như điện tử, máy điện toán, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình, mạng toàn cầu và laser... có thể đã không có được nếu như khoa học vẫn còn bị giam hãm trong những giới hạn của kiến thức duy lý. Những khía cạnh có thể thấy được của thiên nhiên vốn tuân theo nhận thức duy lý đã được tiếp cận thông qua năm giác quan mà bỏ qua tuệ giác và tâm thức. Cho nên kiến thức duy lý bị giới hạn bởi các cơ quan cảm giác. Những khía cạnh không thể thấy được của thiên nhiên được tiếp cận bởi nền khoa học lượng tử thông qua sức mạnh của nền toán học hiện đại và máy điện toán, và được nhận biết thông qua tuệ giác và tâm thức của các bậc A-la-hán.

Sự chấp nhận có tính cách khoa học về hiện tượng tái sinh là điều không thể hiểu được đối với người mà tư tưởng của họ đã bị điều kiện hóa bởi nền khoa học cổ điển. Tôi cũng từng là một người trong số những người như vậy cho tới khi tôi phải đưa ra một phát biểu về hiện tượng tái sinh ở Sydney, điều đã buộc tôi phải nghiên cứu về hiện tượng tái sinh một cách khoa học. Tôi đã hết sức ngạc nhiên phát hiện ra rằng với những dữ liệu có sẵn từ những nguồn có thể chấp nhận được một cách khoa học và theo những tiêu chuẩn khoa học hiện đại cho việc chấp nhận là có tính khoa học, hiện tượng tái sinh đã được chứng minh như một thực tại có tính khoa học. Những nghiên cứu khoa học của tôi về hiện tượng tái sinh hiện đang có mặt trên hệ thống mạng lưới thông tin toàn cầu.

Các nhà khoa học đã không thể đánh giá đúng về hiện tượng tái sinh vốn là một hiện tượng về bản chất là không thể thấy được chỉ vì họ đã cố nhìn vào hiện tượng ấy thông qua nền khoa học cổ điển vốn chỉ có ý nghĩa khi khảo sát các hiện tượng có thể hiểu được trong thế giới khả kiến. Người ta không thể đánh giá đúng các hiện tượng lượng tử chẳng hạn như cú nhảy lượng tử thông qua nền khoa học cổ điển chỉ vì các hiện tượng đó vượt ngoài nhận thức duy lý. Các triết gia tiên phong đã từng tin rằng mọi sự kiện xảy ra trong vũ trụ đều có thể hiểu được nhờ vào tư duy và lý luận duy lý. Nhưng khoa học lượng tử đã cho chúng ta thấy vấn đề không như vậy. Ngày nay, chúng ta phải chấp nhận hiện tượng tái sinh như một hiện tượng khả chấp về phương diện khoa học. Chúng ta hãy minh họa về hiện tượng tái sinh bằng một thí dụ cụ thể.

Cách đây vài năm, một cô gái 14 tuổi từ một vùng ngoại ô Colombo đã đến gặp tôi tại nơi tôi cư ngụ và than thở rằng cô bé thường xuyên bị những cơn choáng ngất kéo dài mà không có một biện pháp điều trị nào giúp thuyên giảm. Một người duy nhất có thể giúp cô cảm thấy dễ chịu đôi chút là một cậu con trai 16 tuổi sống trong vùng lân cận, có thể cầm tay cô làm cho cô hồi phục và tỉnh giấc. Nhưng bố mẹ của cậu con trai đó đã ngăn chặn không cho phép con mình đến nhà cô bé nữa... Điều mà cô tiết lộ cho tôi là trong kiếp trước của mình, cô đã là em gái của một trong năm chiến sĩ hàng đầu của lực lượng LTTE⁴ và cô đã được huấn luyện để thay thế cho người chiến sĩ đó trong trường hợp anh ta tử trận. Cô đã được huấn luyện về những kỹ thuật chiến đấu của lực lượng LTTE. Cô cũng đã được huấn luyện về vũ điệu Bharata bởi tổ chức LTTE. Cô đã từng điều hành ngôi đền Ấn Độ giáo Durga ở phía Bắc Trincomalee, nơi đó, trong khi huấn luyện cho các cô gái về vũ điệu Bharata, cô cũng tẩy não họ để tuyển dụng họ cho lực lượng LTTE. Cô đã kết thân với một người lính quân đội, tên là Dinesh, đến từ Nam Sri Lanka và bắt đầu có quan hệ tình dục với người lính này. Vào một đêm, trong lúc đi dọc một con đường ở Trincomalee, cả hai đã bị một chiếc xe tải không có đèn dừng phải. Cậu con trai 16 tuổi hiện đang sống gần nơi cô ở trong kiếp sống hiện tại của cô chính là hiện thân tái sinh của người lính ấy. Trong trạng thái bị thôi miên, tôi yêu cầu cô biểu diễn võ thuật không thủ đạo (karate-do) mà cô cho rằng đã được huấn luyện trong kiếp trước, cô biểu diễn một cách thuần thục. Kế đó, tôi yêu cầu cô biểu diễn vũ điệu Bharata và cô cũng hoàn thành xuất sắc. Cô đã thực hiện những yêu cầu ấy trước sự hiện diện của gia đình tôi và người mẹ hiện tại của cô. Tôi lại đưa cô tới một vị vũ sư nổi tiếng ở Colombo và yêu cầu cô biểu diễn vũ điệu Bharata. Vị vũ sư đánh giá cô là một vũ sinh uyển chuyển và có kinh nghiệm. Trong kiếp sống hiện nay, cô chưa bao giờ học không thủ đạo và múa. Cô đã biểu diễn những gì cô đã được huấn luyện trong tiền kiếp. Trong kiếp trước, cô là một chiến sĩ LTTE thuộc dân tộc Tamil⁵ theo Bà-la-môn còn trong kiếp này cô là một người Phật tử thuộc dân tộc Sinhala⁶, mặc dù

chưa hề học tiếng Tamil trong kiếp này mà cô vẫn hiểu được ngôn ngữ Tamil. Đó là trường hợp của một chiến sĩ LTTE bước sang hàng ngũ những người thắng trận trước khi cuộc nội chiến ở Sri Lanka chấm dứt.

Những cơn choáng ngất của cô có nguyên do là tình cảm mãnh liệt mà cô đã có với người lính có tên Dinesh. Khi cô bất tỉnh, thần thức của cô trở lại với kiếp trước vào lúc cô và người lính ấy ân ái với nhau. Đối với cô đó là thời điểm cô đã tận hưởng sự ân ái. Sau khi vô hiệu hóa những ký ức của kiếp trước, cô đã vượt qua được chứng bệnh choáng ngất.

Đó chỉ là một thí dụ về liệu pháp kiếp trước. Rất nhiều trường hợp như vậy có thể được đọc thấy trong những tác phẩm viết bởi các chuyên gia tâm thần học nổi tiếng ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Liệu pháp kiếp trước chẳng bao giờ có thể được giải thích trên nền tảng của nhận thức duy lý hay nền khoa học cổ điển.

Khánh Uyên dịch

Nguồn: Sri Lanka Guardian

Chú thích của người dịch

1. Tiến sĩ Granville Dharmawardena hiện là thành viên điều hành Viện Công nghệ Tự động của Sri Lanka và là Giám đốc Trung tâm Phát xạ Đồng vị của University of Colombo. Trước đây, trong mười năm liền làm Chủ tịch Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Sri Lanka, ông đã từng cầm đầu các phái đoàn của Sri Lanka tham dự các cuộc họp của Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Quốc tế tại Liên Hiệp Quốc.

2. Giáo sư Nicolas Gisin là Tiến sĩ Vật lý chuyên về Thống kê và Lượng tử, đứng đầu Ban Quang học của Nhóm Vật lý Ứng dụng thuộc Đại học đường Geneva. Ông đã thiết kế một thí nghiệm nhằm chứng minh các photon tách ra từ một chùm tia có thể truyền thông với nhau tức thời mặc dù chúng bị truyền đi theo các hướng đối nghịch nhau. Kết quả thí nghiệm của ông xác định tính đúng đắn của thuyết lượng tử.

3. Tính phi định xứ (non-locality) trong vật lý nói đến ảnh hưởng trực tiếp của một vật thể lên một vật thể khác ở cách xa, một điều vi phạm nguyên lý định xứ (principle of locality), cho rằng một vật chỉ có thể tác động trực tiếp lên không gian quanh nó.

4. LTTE hay Liberation Tigers of Tamil Eelam (Tổ chức những con hổ giải phóng Tamil) là một tổ chức ly khai có căn cứ ở Bắc Sri Lanka, thành lập hồi tháng Năm năm 1976, nhằm sử dụng vũ lực để xây dựng một nhà nước Tamil độc lập ở Bắc và Đông bắc Sri Lanka, đã gây nên cuộc nội chiến ở Sri Lanka kéo dài đến tận tháng Năm 2009 mới bị dẹp tan.

5. Tamil là một nhóm sắc tộc sống ở bang Tamil Nadu, Ấn Độ và Bắc Sri Lanka, sử dụng ngôn ngữ Tamil là một thứ tiếng dẫn xuất từ ngôn ngữ cổ Dravidian. Người Tamil theo Ấn giáo.

6. Sinhala là ngôn ngữ bản địa của chủng tộc chính sinh sống từ lâu đời tại đảo Sri Lanka (trước đây gọi là đảo Ceylon, người Việt thường gọi là Tích Lan). Người Sinhala theo Phật giáo.

Chuyện 700 năm trước

TRÚC ĐÔNG

Bây trăm năm trước, vua Trần Thái Tông kể lại câu chuyện ngắn ngủi nhưng thâm trầm: “Sáng hôm sau, Trẫm leo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến Trúc Lâm Đại Sa môn Quốc sư. Quốc sư chợt thấy mừng rỡ, ung dung bảo Trẫm rằng: “Lão tăng ở nơi núi rừng, xương cứng, dáng gầy, ăn quả cây, nếm lá ngọt, uống nước suối, vui cảnh rừng, tâm tựa mây trôi, theo gió mà đến. Nay Bệ hạ bỏ cái thể Nhân chủ, nghĩ đến cảnh núi rừng, hẳn có điều mong cầu chi mà đến

đây vậy?”. Trẫm nghe lời Quốc sư nói, bỗng nhiên nước mắt ràn rụa, thưa với Quốc sư rằng: “Trẫm tuổi còn thơ dại, sớm mất song thân. Đứng một mình trên đám sĩ dân, không chỗ nương tựa. Lại nghĩ tới sự nghiệp Đế vương đời trước, hưng phế thịnh suy bất thường, nên Trẫm vào núi đây, chỉ mong cầu làm Phật, chẳng cầu vật gì khác”. Quốc sư đáp: “*Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong Tâm. Tâm vắng lặng mà biết, đó gọi là chơn Phật. Nay nếu Bệ hạ ngộ được tâm ấy, thời tức khắc thành Phật, không phải nhọc công tìm đâu xa*”.

Muốn trở thành Phật là muốn trở thành một người đạt kết quả cuối cùng của việc nhận thức điều chỉnh hành vi. Lời nói của Quốc sư Phù Vân cũng có nghĩa là kết quả cao đẹp ấy chẳng cần phải tìm đâu cho xa, chẳng cần phải đánh giá theo "thang giá trị và thước đo giá trị của xã hội", cũng chẳng phải đo xây dựng theo "biến đổi các công cụ hành xử xã hội thành những công cụ tổ chức tâm lý cá thể" như nhiều nhà tâm lý ngày nay quan niệm. Chỉ cần: "Tâm vắng lặng mà biết, đó gọi là chơn Phật". Cách làm cho tâm vắng lặng chính là "điều chỉnh".

Câu nói trên của Phù Vân Quốc sư chính là quan điểm của truyền thống dân tộc về vấn đề giáo dục. Sự rèn luyện tự điều chỉnh, người Việt Nam gọi là "tu tập". "Tu" có nghĩa là "sửa chữa, điều chỉnh", "tập" có nghĩa là "rèn luyện". Quan điểm này khác xa với các quan điểm được du nhập từ phương Tây. Bị chi phối hoàn toàn bởi các quan niệm phương Tây, lý thuyết về giáo dục được dạy trong các trường đại học Việt Nam hiện nay cho rằng: *Giáo dục (nghĩa rộng) là quá trình hình thành toàn vẹn nhân cách được tổ chức một cách có mục đích, có hệ thống thông qua hai hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) để làm phát triển các sức mạnh thể chất và tinh thần của con người, giúp họ tham gia có hiệu quả vào đời sống xã hội.* Trong định nghĩa trên, khái niệm then chốt là khái niệm *nhân cách*, vì thế cần phải có một sự khảo sát riêng về khái niệm này. Nhân cách được các nhà giáo dục học Việt Nam giải thích bằng nhiều cách hiểu khác nhau.

Khái niệm *nhân cách* được hiểu như là:

- Tổ hợp các thái độ, thuộc tính riêng trong quan hệ hành động của từng người với thế giới tự nhiên, thế giới đồ vật do con người sáng tạo ra, với xã hội và với bản thân (Phạm Minh Hạc, *Một số vấn đề giáo dục và Khoa học giáo dục*, 1986).

- Tổng hòa không phải mọi đặc điểm cá thể của con người mà chỉ là những đặc điểm nào quy định con người như là một thành viên của xã hội, như là một công dân, một người lao động, một nhà hoạt động có ý thức. Nói gọn hơn, nhân cách là toàn bộ những đặc điểm, phẩm chất tâm lý của cá nhân, quy định giá trị xã hội và hành vi của nó (Phạm Minh Hạc - Lê Đức Phúc, *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, NXB Chính trị quốc gia, trang 428).

- Nhân cách của con người là hệ thống các thái độ của mỗi người thể hiện ở mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của cộng đồng và xã hội, độ phù hợp càng cao nhân cách càng lớn (sđd, trang 24).

Nhân cách được các nhà nghiên cứu trên phân tích trên ba bình diện khác nhau: (1) Mức độ bên trong cá nhân: thể hiện ở dạng cá tính, ở sự khác biệt giữa người này và người khác. Ở bình diện này, nhân cách bộc lộ trong tính không đồng nhất với mọi người, với cái chung, giá trị của nhân cách là ở tính tích cực của nó trong việc khắc phục những hạn chế của hoàn cảnh và sự hạn chế tự nhiên của mình. (2) Mức độ cá nhân: nhân cách được

thể hiện trong mối quan hệ và liên hệ mà nó tham gia trong quá trình hoạt động cộng đồng. Giá trị của nhân cách được thể hiện trong các hành vi, cử chỉ xã hội của nó. (3) Mức độ cao nhất: nhân cách dường như vượt ra ngoài khuôn khổ cá tính và ra ngoài khuôn khổ của những mối liên hệ và quan hệ thực sự với những cá nhân khác. Ở đây nhân cách được xem xét như là một chủ thể hoạt động đang thực hiện một cách tích cực, có chủ định hay không có chủ định, những biến đổi trong những người khác (có liên quan, quen biết, hoặc không liên quan, không quen biết). Giá trị của nhân cách là ở những tác động mà nhân cách này gây ra đối với biến đổi của các nhân cách khác. Tất cả những biến đổi cơ bản mà các cá nhân tạo ra được ở những cá nhân khác, đặc biệt là ở bản thân mình như là "một người khác", đã tạo thành nét đặc trưng đầy đủ và có giá trị nhất của cá nhân ấy như là một nhân cách. Như vậy, nhân cách con người là mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của xã hội, độ phù hợp càng cao thì nhân cách càng lớn.

Khái niệm nhân cách (được hiểu theo nghĩa Giáo dục học) bao gồm các nét, các mặt, các phẩm chất có ý nghĩa xã hội trong con người. Nhân cách là toàn bộ các đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân được xã hội đánh giá tạo nên giá trị của cá nhân đó. Tùy theo trình độ phát triển của xã hội mà các đặc điểm của cá nhân được nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Những đặc điểm cá nhân cũng được đánh giá khác nhau tương ứng với những vai trò khác nhau của họ.

Theo cách hiểu thông dụng này, nhân cách là sự kết hợp thống nhất giữa phẩm chất và năng lực cá nhân bao gồm các phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong và các năng lực, sở trường, năng khiếu. Người có nhân cách phải là người thống nhất được hai mặt phẩm chất và năng lực, nghĩa là Đức và Tài. Đức bao gồm các phẩm chất hướng về xã hội (thế giới quan, niềm tin, lý tưởng, lập trường, thái độ chính trị...), phẩm chất hướng về cá nhân (cái nết, cái thói, cái thú), phẩm chất ý chí (tính kỷ luật, tính tự chủ, tính mục đích, tính quả quyết, tính phê phán...), cung cách ứng xử (tác phong, lễ tiết, tính khí...). Tài bao gồm các năng lực xã hội hóa (khả năng thích ứng, năng lực sáng tạo, cơ động, mềm dẻo, linh hoạt...), năng lực chủ thể hóa (khả năng biểu hiện tính độc đáo, đặc sắc, biểu hiện bản lĩnh cá nhân...), năng lực hành động (khả năng hành động có mục đích, có điều khiển, chủ động, tích cực...), năng lực giao tiếp (khả năng thiết lập, duy trì quan hệ với người khác).

Theo cách tiếp cận giá trị thì cốt lõi của nhân cách là hệ thống định hướng giá trị mà mỗi cá nhân lựa chọn cho mình, bao gồm: các giá trị tư tưởng (lý tưởng, niềm tin...), các giá trị đạo đức (lương tâm, trách nhiệm, lòng nhân ái, lòng trung thực...), các giá trị nhân văn (học vấn, nghề nghiệp, tình yêu, thời trang, tài năng...). Theo quan điểm của các nhà giáo dục học Việt Nam hiện nay, giá trị

là tất cả những cái gì có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể, cá nhân, phản ánh những mối quan hệ chủ thể-khách thể, được đánh giá từ những điều kiện xã hội lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá và chọn lựa, giá trị trở thành một trong những động lực thúc đẩy con người đi theo một xu hướng nhất định.

Trong các định nghĩa trên, nhân cách là:

- Một cái gì đó cần phải xây dựng, rèn luyện mới có.
- Là một trạng thái bền vững ở mỗi cá nhân: nhân cách không thể có tình trạng nay thế này, mai thế khác.
- Là cái được xã hội thừa nhận: “giá trị là tất cả những cái gì có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể, cá nhân, phản ánh những mối quan hệ chủ thể-khách thể, được đánh giá từ những điều kiện xã hội lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách”.
- Là cái phụ thuộc vào đánh giá của xã hội: “nhân cách con người là mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của xã hội, độ phù hợp càng cao thì nhân cách càng lớn”.
- Không được xác định cụ thể: “là tổ hợp các thái độ, thuộc tính riêng...”.

Những mô tả về nhân cách nói trên chịu ảnh hưởng câu nói của Karl Marx: “Con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”, nghĩa là chỉ có những “bản chất” được nạp (download) vào mỗi người từ bên ngoài. Điều này thể hiện rõ trong sự mô tả các hoạt động giáo dục theo nghĩa hẹp (*Giáo dục học đại cương*, sđd, trang 38-39):

- Xã hội hóa cá nhân: là quá trình biến trẻ từ một thực thể tự nhiên thành con người xã hội. Xã hội hóa cá nhân là quá trình các cá thể tiếp thu, học tập nền văn hóa xã hội để *thích ứng được với xã hội*.
- Tự giáo dục: quá trình cá nhân tự giác tiến hành các hoạt động có ý thức nhằm trau dồi tính tốt, khắc phục tính xấu, điều chỉnh bản thân cho *phù hợp với yêu cầu xã hội*.
- Giáo dục lại: nhằm thay đổi quan điểm ý thức, thái độ, hành vi sai lệch với những chuẩn mực xã hội để trở thành người tốt, *được xã hội chấp nhận*.

Quan điểm xây dựng nhân cách như trên là một đặc điểm cố hữu của các nền triết học và tâm lý học, vốn xem con người khi sinh ra thì không có động lực nội sinh (nghệ thuật) riêng của nó. Ngay cả John Dewey (1859-1952), nhà triết học-giáo dục nổi tiếng của Mỹ cũng hiểu về vấn đề này như sau: “... bắt buộc phải làm cho trẻ em nhận thức và thực sự có hứng thú tới những mục đích và quy tắc ứng xử của cộng đồng, bởi khi sinh ra, chúng không những không có khái niệm gì, hơn nữa chúng hoàn toàn dửng dưng với những điều đó. Giáo dục, và chỉ có giáo dục mới lấp được khoảng trống đó” (J. Dewey, *Dân chủ và Giáo dục*, Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Tri Thức, 2008, trang 19). Như thế, “nhân cách” (mà các nhà giáo dục Việt Nam hiểu) là cái khuôn mà hệ thống giáo dục sẽ uốn nắn “con người tự nhiên” (nghĩa là con người sinh ra với bộ não trống trơn) để trở thành con người thích ứng với xã



Tháp chùa Trấn Quốc, Hà Nội

hội, phù hợp với yêu cầu xã hội, được xã hội chấp nhận. Điều này trái ngược với ý kiến đã được vua Trần Thái Tông trân trọng ghi nhận: “Trong núi không có Phật, Phật chỉ có trong tâm” mà ta có thể viết thêm rằng: “Đừng tìm cái nhân cách theo kiểu đồng thuận xã hội, nhân cách đó đã có trong mỗi con người khi tâm vắng lặng”. Cuộc đối thoại 700 năm trước xem ra vẫn hiện đại hơn những gì “hiện đang đương đại”. Người Việt có cần chạy đông chạy tây để tìm kiếm một triết lý “đỉnh cao của trí tuệ loài người” nào khác hay không? ■



Ảnh: Chí Giác Thông

Phật giáo

và nỗi niềm dân tộc

N-PHÚ XUÂN

Những năm gần đây, châu Á đang vươn mình trong sức mạnh kinh tế. Các nhà kinh tế thế giới nói rằng thế kỷ 21 là thế kỷ châu Á – Thái Bình Dương. Và ở thế kỷ 21, sức mạnh kinh tế của châu Á là lớn nhất, là cực mạnh nhất trong ba cực Bắc Mỹ, châu Âu, châu Á. Nhìn qua một nước như Ấn Độ, quê hương Đức Phật và những truyền thống tâm linh sâu xa từ trước đến nay: Nói đến Ấn ai cũng hình dung đây là xứ đông dân và nghèo khổ bên dòng sông Hằng huyền thoại. Thế mà giờ đây, Ấn Độ đã trở thành một cường quốc kinh tế khiến bao quốc gia khác phải nể phục. Hay như đất nước Trung Hoa, sự vươn dậy của họ so với các nước phương Tây hiện nay quả là một kỳ tích... Đó là minh chứng hùng hồn khẳng định địa vị quan trọng của châu Á trước các châu lục khác. Phải chăng, cái nôi của những nền văn minh cổ xưa, của những nền văn hóa cổ xưa trên phù sa của những dòng sông mẹ đang trợ giúp cho bước tiến lên của các dân tộc!

Người Việt Nam chúng ta thường nói đến 4.000 nghìn năm văn hiến của mình “Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập”... với sự hòa quyện của các giá trị văn hóa

của các nền văn hóa lớn như Ấn Độ, Trung Hoa. Một trong nhiều kết quả của sự hòa quyện ấy là sự tồn tại cùng sống của Phật giáo Bắc tông và Nam tông trên đất nước ta từ bao đời nay. Điều này không chỉ chứng tỏ sự đa màu đa sắc của văn hóa Việt mà con người thật hiền hòa biết gạt đục khơi trong, chắt lọc cái tinh túy, biết biến cái chung thành cái riêng mang màu sắc của văn hóa Việt Nam tinh tế biết nhường nào! Thử hỏi có dân tộc nào, đạo Phật với nhiều giáo lý uyên thâm đã trở thành thứ “Phật giáo dân gian” như ở Việt Nam? Ngoài điện thờ Phật uy nghiêm, hầu hết ở các ngôi chùa từ Bắc chí Nam đều dành một phần hậu cung trang trọng phía sau thờ Thánh Mẫu, các vị tổ và trụ trì... một loại tín ngưỡng dân gian sùng bái người mẹ và ngưỡng vọng tổ tiên của người Việt. Từ đó hình thành nên hình thức thờ cúng độc đáo không dân tộc nào có: “tiền Phật hậu Mẫu” hay “tiền Phật hậu Thần”. Thoạt nhìn nhiều người nghĩ đó là do thói quen, là cách phối thờ không hợp lý nhưng thực chất ở đó toát lên lẽ sống có trước có sau của dân tộc ta. Không chỉ trong ứng xử thường ngày con người ta mới cần đến những lẽ sống ân tình như thế mà trong hoạt động kinh tế thị trường



hôm nay yếu tố ân tình cũng rất quan trọng. Nó là yếu tố tiên quyết cho những điều “*nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*” được tỏa sáng. Suy cho cùng, sự mềm dẻo trong cách tiếp nhận văn hóa sẽ giúp cho dân tộc này có thể trụ vững, vươn xa trong biến khơi thời đại bởi cái nền tảng văn hóa ta có được thực sự vững bền.

Trên các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay cho ta thấy không thiếu cảnh con người lâm vào khủng hoảng các giá trị tinh thần: kẻ yếu bị bắt nạt dọa dẫm, người già bị “chăn dắt” đi ăn xin khắp đầu đường xó chợ, trẻ em bị ngược đãi đánh đập bởi những cô bảo mẫu khắc nghiệt... Phải chăng, sự suy thoái về tinh thần, tâm hồn là nguyên nhân chủ đạo! Thử hỏi một tâm hồn bệnh hoạn có thể làm cho cuộc sống vật chất được mạnh lên? Điều này càng khẳng định vai trò của các giá trị văn hóa truyền thống. Đức Phật đã dạy chúng ta thiền định, khi đó tất cả quan năng đều khép lại, sự móng khởi của tư duy cũng chẳng còn, chỉ có suối nguồn tâm linh đang chảy trôi trong dòng tương tục của chánh niệm và tỉnh giác.

Hóa ra sức mạnh để có một xã hội tốt đẹp, một dân tộc an bình, con người được yêu thương chở che nằm cả ở đây. Những thứ chúng ta không phải tìm tòi đâu xa mà cha ông ta từ ngàn xưa đã phát hiện và cất giữ cho đến ngày nay. Nhiệm vụ của chúng ta là lưu giữ và phát huy những giá trị tinh thần vô giá đó.

Ngày nay, một thời đại mới khá lạ lùng và rất nhiều những khủng hoảng bắt nguồn từ cuộc sống đầy dục vọng của con người: chiến tranh, sự hủy hoại, ô nhiễm môi trường, sự phá vỡ đạo đức, văn hóa truyền thống... trước những thách thức mới, thậm chí có tính toàn cầu, phải chăng cái biện chứng Đạo – Đời từ ngàn xưa đó lại được chúng ta sống và học hỏi để vượt qua cho chính

mình và chính thời đại để đưa đất nước đến một đỉnh cao mới. Phải chăng, chúng ta đã và đang nghe luôn luôn lời nhắn nhủ của tiền nhân về cái biện chứng lạ lùng được lặp đi lặp lại suốt 2.000 năm lịch sử đất nước là sống thời đại có nghĩa là sống đạo Phật và càng sống đạo Phật thì càng sống được thời đại mình. Lịch sử đi vòng xoắn ốc hướng lên cao, các nhà sử học nói thế. Lịch sử được lặp đi lặp lại bằng chất tinh hơn, lượng nhiều hơn, phong phú hơn đều tùy thuộc vào mỗi người Việt Nam chúng ta. Những con người sống thời đại của mình bằng hơi thở của văn hóa truyền thống. Điều mà người xưa đã từng làm từng sống, từng xác định thành công thức: tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên!

Hẳn là nhiều bạn trẻ sẽ đồng tình với 5 nguyên tắc sống theo quan điểm của Phật giáo mà Hòa thượng Thích Minh Châu từng đề xuất:

1. Cống hiến đời sống của chúng ta cho hạnh phúc của mọi chúng sinh, cho hòa bình, cho tình thân hữu quốc tế.
 2. Sống đời sống bình dị lành mạnh và dành nhiều thời gian nhiều công sức cho hạnh phúc của mọi người.
 3. Từ bỏ mọi hành động đưa đến xung đột và chiến tranh, thực hành mọi hành động đưa đến hòa bình hòa hợp và thông cảm quốc tế.
 4. Kính trọng đời sống của mọi loài hữu tình và bảo vệ hành tinh của chúng ta.
 5. Cùng nhau hợp tác trong tinh thần hòa hợp huynh đệ.
- Lẽ sống thật lớn lao, cao thượng không chỉ dành riêng cho cá nhân nào, dân tộc nào nhưng khi ngẫm nghĩ và cố gắng làm dù là những điều nhỏ nhất có nghĩa ta và nhiều người khác đã hoan hỷ trong niềm hạnh phúc!

“...Búp sen xin tặng bạn
Một vị Phật tương lai...” ■



Kẻ thù nguy hiểm nhất

NGUYỄN CÂN

Tư duy kinh tế...

Trong những công việc hàng ngày ở nhà hay công sở, chúng ta thường có khuynh hướng quy trách nhiệm, nhưng thường thì không phải cho mình mà là cho người khác, cho những nguyên nhân khách quan, nhất là trước những thất bại hay khổ đau. Anh cầu thủ thua thì đổ cho sân bãi, cho trọng tài. Nhà kinh doanh thua lỗ thì cho là vì thời vận, vì tỷ giá, vì đối tác... Nhất là trong tình trạng kinh tế chỉ huy tập trung như chúng ta hiện nay, hàng vạn lý do được nêu ra, nhưng không lý do nào thuộc về cá nhân người... thua thiệt (?). Chúng ta không khó để tìm ra những quyết định sai lầm trong kinh doanh trong thời gian qua, không chỉ ở Việt Nam mà trên phạm vi thế giới. Trong tác phẩm *Vươn lên từ hỗn loạn* (Thrive in Chaos) của Tom Peter, ông đã nghiên cứu hiện tượng xuống dốc của người Mỹ và nhận định rằng họ - các cấp lãnh đạo và những nhân viên quản lý trung cấp thường chỉ sử dụng một tiêu chuẩn cho những quyết định: bảo vệ chiếc ghế của mình hơn là vì những mục tiêu chung. Ví dụ thì không thiếu: Mobil Oil với tham vọng đa dạng hóa hoạt động khi tiếp quản Montgomery Ward - nhà phân phối hàng bằng đường bưu điện - để rồi phải đóng cửa vài năm sau đó; tập đoàn dầu hỏa Exxon cũng từng thâm nhập vào lĩnh vực thiết bị điện tử nhưng thất bại. Ngay những

công ty có hàng trăm năm lịch sử như GM hay Chrysler cũng chao đảo do những quyết sách sai lầm của lãnh đạo. Các công ty Nhật như Eidai, Yashika, hay tập đoàn công nghiệp nặng Saseho lâm vào tình trạng phá sản vì không có phương thức hoạt động linh hoạt hay không thể đáp ứng những thay đổi trong cơ cấu ngành của mình.

Giáo sư Shozo Hibino trong tác phẩm *Tư duy đột phá* khi nhận định về ngành công nghiệp Mỹ, cho rằng họ đã luôn trung thành với "học thuyết quản lý khoa học" của Frederick W. Taylor trong hàng nửa thế kỷ. Phương thức sản xuất Taylor đã giúp nâng cao năng suất, đặc biệt là chi phí lao động. Nhưng vào thập niên 1990, khi trình độ lực lượng lao động tăng lên đáng kể thì nhiều doanh nghiệp để cắt giảm chi phí đã sử dụng hình thức thuê lao động "bán thời gian" dưới dạng hợp đồng thuê nhân viên kế toán, hay thuê kỹ sư điều hành, họ đã phải trả giá bằng việc suy giảm chất lượng sản phẩm và cả dịch vụ cũng như sự trung thành của khách hàng, phần lớn các công ty không cho người lao động hay tập thể tham dự vào việc ra quyết định, từ đó mất dần lợi thế cạnh tranh vì yếu tố chủ quan trong những chiến lược.

Một số công ty Nhật, cụ thể như Panasonic hay Sony gắn kết mục tiêu hoạt động của công ty với việc cải thiện chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân Nhật, đã

gặt hái những thành công bền vững hơn. Giáo sư Richard Ellsworth cho rằng ở Mỹ, mục tiêu hàng đầu của các công ty là phục vụ lợi ích của cổ đông trong khi ở Nhật là phục vụ khách hàng và người lao động. Suy cho cùng, chính những tư duy của những cá nhân lãnh đạo đã hình thành phong cách của từng doanh nghiệp, tổ chức, đưa đến những hình ảnh và kết quả khác nhau.

Chúng ta cũng không thiếu những ví dụ về những thành công hay thất bại trên thương trường do quyết định của người lãnh đạo. Từ cái chết của hàng loạt nhà máy “xi măng lò đứng” hay các nhà máy đường nhận vốn vay và thiết bị Trung Quốc cho đến sự sinh tồn và phát triển của những ông chủ tư nhân như Tôn Hoa Sen, Gạch Đồng Tâm, Gốm sứ Minh Long..., chúng ta thấy không cứ có sẵn tài sản, đất đai là có thể tồn tại mà chính là những quyết sách của những nhà lãnh đạo mang tinh thần doanh nghiệp (entrepreneurial spirit). Hay nói cách khác, chính những vị thuyền trưởng điều hành giỏi mới đưa được con tàu của họ ra khơi và chịu được phong ba, trước khi đến bờ.

Đến tư duy cuộc đời

Chúng ta đóng nhiều vai trong cuộc sống: vừa là một công dân, một người chịu tác động xã hội lại vừa là người quyết định vận mệnh của mình. Vấn đề nào xảy ra cho chúng ta, nghĩ cho cùng, cũng bắt nguồn từ chính chúng ta. Thí dụ như tình trạng “tín dụng đen” phát sinh vì nhu cầu con người thường lớn hơn cái họ có, lại thiếu khả năng xử lý những vấn đề tài chính cá nhân. Tỷ lệ mắc những căn bệnh thời đại như AIDS hay những bệnh nhiễm trùng khác, ngoại trừ yếu tố di truyền, cũng xuất phát từ nếp sống thiếu cẩn trọng với sức khỏe bản thân. Tình trạng ly hôn tăng cao cũng cho thấy con người bế tắc khi phải giải quyết những mâu thuẫn gia đình.

Đức Phật dạy: “Kẻ thù nguy hiểm nhất đời người là chính mình” vì chính chúng ta tạo nên những oan trái, bi kịch cho đời mình. Ngài thuyết rằng “*Không phải cuộc đời đem lại đau khổ mà chính những đòi hỏi của ta từ cuộc đời đã đem lại đau khổ cho ta...*” không có ngọn lửa nào mạnh bằng lửa dục, càng được thỏa mãn lòng dục càng tăng, nó như một cái thùng lủng đầy”. Thế nên, Tổ Huệ Năng đã từng chỉ rõ “*Tâm có sẵn trí tuệ thanh tịnh, chỉ cần vận dụng tâm ấy thì sẽ thành Phật*” (Tụ tánh Bồ đề, bản lai thanh tịnh; Đản dụng thử tâm tức liễu thành Phật).

Trong thuật trị nước, người lãnh đạo cũng phải soi xét lòng mình xem đã có đủ “chí công vô tư” chưa? Gần đây ta đọc trên báo chí thấy có những quan đầu huyện, đầu tỉnh bị phê bình, khiển trách vì lạm dụng công thổ, công quỹ... lại cho rằng sai lạc là do “cơ chế”, do cố gắng đảm nhiệm chức vụ cao hơn năng lực (?), do hàng ngàn lý do khác, thậm chí là do “mặt trái kinh tế thị trường” (!) nhưng không thấy ai nhìn nhận lỗi do chính mình. *Lịch sử cho thấy: đất nước nào, thời đại nào mà có những người lãnh đạo chân chính, tâm thành thì nhân dân được ấm no, hạnh phúc, đất nước được thái bình, thịnh vượng. Các vị vua đời*

Lý Trần của nước ta đã chứng minh cho thực tế đó...” (Hạnh xuất gia – tuần báo Giác Ngộ số 517-26/12/2009).

Ban Kiểm tra Trung ương vừa cảnh cáo, khiển trách hàng loạt các quan chức từ Đồng Tháp đến Lào Cai. Điều quan trọng theo chúng tôi không phải là kiểm điểm hay khiển trách, hay là trấn an dư luận mà chính ở chỗ ông quan ấy cần nhìn ra sai phạm của mình một cách tự giác. Nhà Phật đề cao việc sám hối – sự ăn năn chữa bỏ tội lỗi cũ không tái phạm và làm những điều lành. Trong kinh *Vị Tàng Hữu* có câu chuyện đạo:

Đề Vi nghe lời ngoại đạo, định đem trâu bò tế trời và tự thiêu đốt để cầu được hết tội lỗi, hưởng sung sướng. Đại đức Biện Tài ngẫu nhiên đến, thấy nàng chuẩn bị, hỏi:

- Sắm trâu bò để làm gì?

- Bạch, để tế trời.

- Làm gì mà hòa để chi vậy?

- Bạch, để tự thiêu.

- Tế trời và tự thiêu để làm gì?

Đề Vi chỉ các vị đạo sĩ ngoại đạo, thưa:

- Các vị đạo sĩ này dạy con làm thế để hết tội lỗi, hưởng sung sướng.

Ngài dạy: Tội ác do tâm phát động ra thân thể, đâu phải do thân thể gây tạo ra mà thiêu đốt nó. Tâm nghĩ ác thì làm ác và chịu khổ, tâm nghĩ thiện thì làm thiện và được vui, nay nếu thiêu đốt thân thể thì tội ác ở tâm vẫn còn, thì hết thân khổ này chịu thân khổ khác, có khác gì con bò kéo xe thì đập gãy cổ xe này, cổ xe khác được thay vào, có ích lợi gì...?

Ngài cũng dạy thêm rằng: *Tám niệm trước gây tội lỗi là như mặt trăng bị mây che, tâm niệm sau khởi niệm lành thì như ngọn đuốc trừ bóng tối. Hành vi do tâm phát khởi thì do tâm chuyển biến. Tội ác do tâm tạo ra thì phải do tâm sám hối... Tâm đừng tham, sân, si như thế thân sẽ không sát, đạo, dâm; miệng sẽ không vọng ngôn, ý nghĩ, lường thiệt và ác khẩu...*

Như vậy là đã rõ, các vị “quan phụ mẫu” kia bị phát hiện tham nhũng lần này sang lần nọ, hết thanh tra rồi kiểm điểm nhưng tâm tham không diệt được thì một lúc nào đó chỉ cần “cơ chế sơ hở” như nhận định của ngài Chủ tịch thành phố Hà Nội, sẽ lại làm giàu bất chánh (!).

Trên bình diện thế giới, hàng loạt vụ đánh bom tự sát nhằm diệt bao nhiêu sinh mạng chỉ để thỏa mãn hận thù nhân danh tôn giáo, sắc tộc... mà dù có đưa bao nhiêu đạo quân hùng mạnh trừ diệt, nếu không chuyển hóa ác tâm của những kẻ khủng bố, cũng khó thành công vì “mầm tội ác không nằm ở thân”. Phật dạy “Thắng vạn đạo quân không bằng tự thắng chính mình”. Chúng ta đã nhận ra tội hay phước đều do tâm và thậm chí ở trong một niệm.

Một niệm sáng suốt tội tự không

Toàn thể thanh tịnh như pháp tánh. (Tâm Ảnh Lục)

Nhận diện kẻ thù tự tâm ta, chúng ta phải nghiêm trang quán chiếu lòng mình, thực hành mười thiện nghiệp, bằng không, có khoác lên người bao nhiêu mỹ từ như: thành thật tự phê, nghiêm túc kiểm điểm... đều vô nghĩa! Rất mong sao! ■



Ngó về quê mẹ...

LÊ HUYNH LÂM

**"Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều"**
(Ca dao)

Tôi không có ý phân tích hai câu ca dao trên, bởi cái âm hưởng thấm đượm tình cảm của nó đã vượt qua cõi duy lý và nhập vào tâm khảm mỗi con người. Tôi chỉ xin được nêu lên một vài câu hỏi: Ai đứng ngõ sau? Tại sao lại đứng ngõ sau mà không đứng ngõ trước? Sao lại chiều chiều mà không tối tối? Tại sao lại ngó về quê mẹ mà không phải quê cha? Và vì sao lại chín chiều? Câu trả lời chính là sự cảm nhận của mỗi người.

Xưa nay người ta thường nói đến quê quán của một ai đó bởi cụm từ "quê cha đất tổ" mà hầu như quên hẳn quê mẹ, và tình cảm của mẹ đã được gửi gắm qua dòng xúc cảm bất tận của điệu hò ru con, hay trong nhiều bài thơ, những bản nhạc, các tác phẩm nghệ thuật, và lạ lùng thay người ta lại thường nói đến cụm từ "tiếng mẹ đẻ" mà chưa bao giờ nói đến "tiếng cha đẻ". Trong thực tế quê mẹ như

bị nhạt nhòa bởi thời gian, bởi thân phận người phụ nữ. Có điều qua nỗi xót xa đó, người con gái còn có thiên chức rất cao cả: "Làm mẹ". Phải chăng từ khi những cuộc chiến tranh xuất hiện, vai trò của người đàn ông dần được khẳng định, đặt nền móng chuẩn bị cho chế độ phụ hệ ra đời và từ đó chế độ mẫu hệ dần suy tàn? Hình ảnh người phụ nữ không còn được tôn sùng trong tâm tưởng của mọi người như ở thời đại mẫu hệ. Dần dà sự phân biệt trọng nam khinh nữ đã hình thành trong xã hội và có lẽ sự phân biệt đó đạt đỉnh cao ở thời phong kiến, để rồi nó dai dẳng đến bây giờ qua sự tái hiện của ngôn ngữ bởi hai từ: nội - ngoại. Và điều đó đã được thể hiện qua cách đặt tên con lấy họ cha, hay trong những lễ chạp mỗ chạp mả, trong những vị trí của xã hội, ... và tối tệ nhất từ xưa đến nay hầu hết phái nam xem phái nữ như "vật dụng" nhằm phục vụ cho sự thỏa mãn của giác quan hơn là ý thức về sự bảo tồn giống

nòi. Sự thỏa mãn đó đã được ngấm định bởi dục năng, một trạng thái luôn tiềm ẩn dưới mỗi tế bào, mỗi phân tử, mỗi nơ-rôn thần kinh đang đợi chờ một niềm lực, hay tự lực của mỗi mầm sống sẽ hội tụ lại để tạo thành một dòng ý lực chỉ phối và điều động các giác quan để biểu hiện dục tính con người. Những dục năng tiềm ẩn đó phần nào xóa nhòa hình bóng thiêng liêng của người mẹ, làm mờ nhạt thiên tính cao cả và tuyệt vời của mẹ, và phải chăng bởi vì mẹ biểu tượng cho cái âm tĩnh lặng như hư không ôm ấp tất cả mọi vật, đã khiến cho phái nam với biểu tượng là cái dương, cái động luôn vận vũ, quay cuồng, hiểm ky... kiếm tìm trong cơn mê hoang? Câu chuyện ngụ ngôn về Adam và Eva ở vườn địa đàng đã cho thấy sự trọng nam khinh nữ khi người ta chỉ xem Eva có nguồn gốc từ một cái xương sườn của Adam và tội lỗi ở vườn địa đàng do người nữ gây ra. Sự phân biệt nam nữ còn được biểu hiện qua sự trừng phạt của Hồi giáo khi ném đá đến chết những người phụ nữ phạm tội ngoại tình.

Người con gái từ khi xa gia tộc đi làm dâu là đã thực hiện một cuộc viễn ly rời xa tổ ấm gia đình, rời xa vòng tay ấm áp của mẹ, xa vắng những câu hỏi ân cần của cha, xa anh chị em ruột thịt, xa xứ sở thân quen, xa làng trên xóm dưới, xa khung trời hồn nhiên của tuổi thơ đã hàng chục năm gần bó.

Ôi! Sự ly biệt. Cách mà không xa. Không phải là cái khoảng cách vật lý, cái khoảng trống của không gian mà chính là sự xa cách tâm lý. Những tình cảm, những kỷ niệm đã được hình thành hàng chục năm, và rồi bỗng nhiên một ngày mà hầu như mọi người đều vui, một ngày mà các quyển sách bói toán đều cho là tốt là cát lợi,... một sự xa cách tiền định giáng xuống mà thân phận người con gái trước sau gì cũng phải lãnh nhận. Cam chịu vì định kiến cay nghiệt của xã hội, cam chịu vì hủ tục xưa bày nay làm, vì lễ nghi phong tục... nhưng cao cả nhất là sự hy sinh vì tình yêu, vì thiên chức mà tạo hóa đã giao phó.

Nhưng tạo hóa rất công bằng, đã ban cho người nữ thiên chức, ắt phải lấy đi rất nhiều thứ, để rồi: "Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều". Người con gái khi về nhà chồng làm dâu, rồi làm mẹ và từ lúc được làm mẹ cũng là lúc cảm được thân phận người mẹ. Hình ảnh một người chiều chiều đứng ngõ sau rồi ngó về quê mẹ và cũng chính là quê mình, cứ thế hình ảnh đó tiếp nối từ thế hệ này qua thế hệ khác tạo nên những miền quê mẹ chập chùng nối nhau và mờ dần phía chiều rơi để rồi cõi lòng quặn thắt một nỗi đau, nỗi đau khi nghĩ đến mẹ già, nỗi niềm của chính mình và nỗi đau từ nghìn trùng náu nhau hiện về của bóng hình những người mẹ từ trong quá khứ xa xăm,... hay giữa hiện tại trơ trụi và rồi sẽ đến niềm đau của những đứa con gái thơ dại đã và sẽ ra đời trong tương lai. Nỗi lòng của mẹ rất lớn và chỉ có những người mẹ mới cảm thông nhau, và chiều chiều phải đành ra đứng ngõ sau, cái ngõ che giấu nỗi niềm cô quạnh, u uẩn của phận con dâu hay ngó hướng vào nội tâm để được ngó về quê mẹ một cách âm thầm trong nỗi rối bởi ruột gan. Nhưng rồi tạo hóa lại động lòng

trắc ẩn khi thấy người mẹ đau đớn, tan dần giữa đại dương mênh mông, nên đã ban cho phái nữ một tình thương mẫu tử, tình thương cao cả và tuyệt đối giữa thế gian này. Chỉ có người mẹ mới có cái quyền thiêng liêng của tạo hóa, quyền cho mỗi chúng ta "mang nặng kiếp người", một kiếp người vượt trên mọi dự tưởng. Đúng vậy, kiếp người rất nặng và buồn lắm, buồn như câu ca dao mà người mẹ đã gửi gắm những tình cảm bao la, sâu kín, dập dềnh trên vành nôi. "Chiều chiều" là khoảng thời gian u hoài, gợi cảm. Những khoảnh khắc ánh mặt trời dần khuất sau rặng núi, để lại một màu chiều ảm đạm, thu lại thế giới quan mỗi người, khiến mẹ chìm trong thăm thẳm cõi hồn cô liêu. Và "chín chiều" phải chăng là những chiều kích của không gian? Hay là chiều của nội tâm, là nỗi niềm của lòng mẹ, mẹ không còn nơi trú ngụ cho mỗi sáu lữ thú, nơi để gửi gắm nỗi đau thắt ruột khi nhớ về quê ngoại. Quan niệm từ xa xưa số chín biểu tượng sự cao cả nhất và nỗi đau khi nghĩ đến mẹ là nỗi khổ đau lớn nhất của đời người. Hay có thể số chín là tượng trưng cho chín vía của phái nữ. Hoặc một ý nghĩa khác "ruột đau chín chiều" là nỗi đau chín muối, nỗi quặn thắt trong thăm thẳm phận người con gái.

"Đau quá mẹ ơi!" là tiếng kêu vang của con trẻ khi bị ăn đòn hay "Mẹ ơi!", tiếng gọi thiêng liêng bộc phát ra từ tâm tưởng của những người bị trọng thương nơi núi rừng heo hút đã níu về những hình ảnh âu yếm của mẹ hiền, hình ảnh mẹ ôm ấp con trong vòng tay ấm áp đã xoa dịu nỗi đau, xoa nhòa cơn hải hùng khi đối diện với nỗi cô độc của kiếp người rồi con sẽ ngất lịm trong cơn mê man mà ngỡ như có bàn tay ấm áp của mẹ đang vỗ về. Ôi! Tình thương của mẹ là loại biệt được rất quý cho mỗi người con. Phái nữ được xem là phái yếu, nhưng trong suốt chiều dài lịch sử từ những huyền sử như: mẹ Nữ Oa vá trời, tổ mẫu Âu Cơ linh diệu, sự thủy chung qua hình ảnh hòn Vọng phu,... và Trưng Nữ Vương vị anh hùng đầu tiên đấu tranh giành độc lập cho nước Việt, và sự hy sinh cao cả còn được thể hiện qua: công chúa Huyền Trân, công chúa Ngọc Hân, nữ tướng Bùi Thị Xuân, Hoàng thái hậu Từ Dũ,... và hình bóng cao cả của mẹ đã tái hiện ở Việt Nam dưới những dạng thức khác nhau như mẹ Quán Thế Âm, dù Quán Thế Âm là vị nam Bồ-tát ở Ấn Độ có tên Avalokitesvara, hay Đức mẹ Maria trinh nguyên, rồi thánh mẫu Yana của người Champa đến bây giờ vẫn được thờ cúng ở điện Hòn Chén của xứ Huế rất thiêng. Trong những thế kỷ gần đây đã xuất hiện rất nhiều bà mẹ quê anh hùng và rất nhiều người mẹ vô danh khác đang âm thầm cam chịu những mất mát quá lớn lao qua những cuộc chiến trên đất Việt. Hình ảnh người mẹ cao cả xuất hiện từ những linh thoại xa xưa và đã khắc ghi vào sử sách của nước Việt tạo nên "huyền thoại mẹ". Những người mẹ làm nên huyền sử lẫy lừng, nhưng mẹ vẫn sống trong nỗi niềm trầm lặng, sâu kín, bởi tình thương bao la của mẹ không có ngôn từ nào diễn tả trọn vẹn và nỗi niềm của mẹ mãi mãi còn ngân vọng trong âm hưởng bất tận của lời ca dao trầm buồn trên đất Việt. ■



Kỳ quan thế giới

NGUYỄN MANH HÙNG

Khi tiếp xúc với sinh viên, tôi thường yêu cầu họ cho biết về những kỳ quan của thế giới. Có thể nói các em luôn luôn mang lại những câu trả lời thú vị. Tất nhiên, các em đều nhắc đến những công trình vĩ đại của nhân loại như Kim tự tháp Ai Cập, Vạn lý trường thành Trung Quốc, đền Taj Mahal Ấn Độ... Được các sinh viên nhắc đến nhiều nhất gồm đủ bảy công trình là kỳ quan của thế giới cổ đại cùng vô số những kỳ quan khác của thế giới hiện đại, kể cả những kỳ quan chưa được công nhận. Có lẽ do ảnh hưởng của việc xếp loại bảy kỳ quan thế giới cổ đại, hầu hết các sinh viên đều cố gắng nêu được bảy kỳ quan là các công trình kiến trúc.

Một điều khiến tôi rất vui là trong số những câu trả lời, cũng có nhiều em đưa thêm một kỳ quan thứ tám phù hợp với tư duy của tôi: **Con người**. Mỗi khi bạn nào nêu lên đúng kỳ quan thứ tám này, tôi đều dành cho bạn ấy một phần thưởng, luôn luôn là những quyển sách quý.

Trong các buổi nói chuyện kiểu ấy, tôi cũng không bao giờ quên đặt vấn đề với các sinh viên của mình là tôi sẵn sàng biếu đi tất cả mọi phương tiện vật chất mà tôi đang thủ đắc cho bất kỳ người nào nếu người ấy có thể tìm ra một bạn khác có hình dáng và tính cách giống hệt một bạn vừa phát biểu. Tôi dám phát biểu như thế dựa trên điều

khẳng định rằng mỗi người chúng ta đều là duy nhất, là độc nhất vô nhị. Không ai giống ta. Không ai hay và thú vị như ta. Vì quả thật, con người chính là một kỳ quan, và mỗi người trong chúng ta đều là một kỳ quan của thế giới.

Mỗi chúng ta đều có "cái tôi" riêng, rất riêng. "Cái tôi" được hình thành ngay từ khi chúng ta sinh ra và thay đổi dần trong quá trình tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Cái tôi ấy vẫn được Phật giáo gọi là "ngã".

Mỗi chúng ta có một thể mạnh riêng không ai bằng. Không ai là không có sở trường của mình cả; chỉ có điều mình có nhận ra hay không, có biết hay không. Nếu mình nhận ra điểm mạnh của mình, mình sẽ thấy mình hạnh phúc, thấy cuộc đời mình đẹp, sẽ thấy được ý nghĩa và sự kỳ diệu của cuộc sống.

Tôi vẫn thỉnh thoảng đến thăm nghệ sĩ ghi-ta Văn Vượng và chuyện trò. Có lẽ chính "nhờ" Văn Vượng bị mù mà ông đã có được "điểm mạnh" chết người: ông chơi ghi-ta rất hay. Tôi luôn bị mê hoặc khi nghe ông dạo bản *Người Hà Nội* hoặc nhiều bản nhạc khác mà tôi cảm nhận rằng những lúc ấy cả đàn giao hưởng cùng hết thảy bộ gõ đang vang lên dưới bàn tay ông và cây đàn sáu dây. Tôi yêu quý em Hồng Công, cô gái viết truyện phải chạy thận nhân tạo mới mất cách đây mấy tháng; và tôi nghĩ rằng nếu không bị bệnh hiểm nghèo, có thể em sẽ chẳng



viết được những tác phẩm *Khát vọng sống để yêu* và *Ở trọ trần gian*. Tôi cũng hay đến nhà một người em họ tên là Tùng trò chuyện với em khi biết rằng em đã thay đổi. Chỉ sau khi cậu em này gặp tai nạn và trở thành trắng tay, cậu ấy mới hiểu được giá trị cao quý của cuộc đời và sự nhiệm mầu của cuộc sống. Chỉ sau khi sự cố xảy ra, Tùng mới tìm hiểu và cảm thông sâu sắc với những hoàn cảnh, những số phận kém may mắn. Tôi lại thích ngồi hàn huyên với phóng viên Hòa Bình vì cảm nhận được ở cô cả một tấm lòng bao dung giản dị; qua những buổi trò chuyện đó tôi biết rằng cô luôn cho tiền người ăn xin, bất kể lúc đó trong túi có bao nhiêu tiền và bất kể đó là người ăn xin thật hay “dòm”. Và quả thật, những lý giải của cô về việc cho tiền người ăn xin một cách không phân biệt như thế đã làm tôi thích thú.

Vì từng người một trong chúng ta đều rất đặc biệt nên ta không thể không hiểu mình, không biết mình. “Không hiểu mình thì u mê trước vạn vật” – thánh nhân đã dạy. Mỗi chúng ta cần dành thời gian để ngắm mình – kỳ quan thứ tám của thế giới, để hiểu về mình, để khám phá chính mình, khám phá nội tâm và sự vĩ đại của chính mình. Ta vẫn dành thời gian, rất nhiều thời gian để tìm hiểu thế giới xung quanh, kể cả tìm hiểu những vấn đề vô cùng lớn lao như khám phá vũ trụ, bầu trời, đại dương; nhưng chúng ta đã dành bao nhiêu thời gian, công sức và trí tuệ để khám phá chính mình – kỳ quan thứ tám của thế giới?

Vì là kỳ quan thế giới nên chúng ta không thể không quý trọng chính mình. Vì là kỳ quan thế giới nên ta cần biết vượt qua chính mình, biết thật với mình, biết không ngờ vực mình, biết tận tụy và ước mơ, biết sẻ chia và đồng cảm, biết rung động và hài lòng, biết cảm nhận bình yên

và cống hiến. Mỗi chúng ta đều có cái riêng của mình. Mỗi chúng ta cần học tập và tu dưỡng để hoàn thiện mình hơn, bất kể mình làm công việc gì, sống ở đâu, trong điều kiện hoàn cảnh nào. Chúng ta luôn nên tự thay đổi để mang lại cho mình cũng như những người xung quanh thêm thật nhiều niềm vui.

Kỳ quan thế giới – con người khác hẳn các kỳ quan thế giới khác: Chúng ta biết suy nghĩ, biết nhìn gần nhìn xa, biết cống hiến. Mỗi chúng ta luôn tìm cách suy ngẫm về bản thân mình và về mối quan hệ với những người xung quanh. *Mỗi chúng ta – kỳ quan thế giới* luôn biết “sửa” mình để biến chính mình thành một kỳ quan thế giới vĩ đại hơn.

Con người chúng ta thường có tính nhỏ nhen, hay ghen ghét, đố kỵ. Chúng ta dễ làm những việc xấu và đi theo hướng không tốt, theo cảm dỗ của cuộc đời. *Mỗi chúng ta – kỳ quan thế giới* nên tu sửa mình mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây, mỗi sát na để chiến thắng từng tật xấu rất nhỏ của mình. Chúng ta cũng cần tôi luyện để luôn dám đối diện với chính mình, để biết mình làm gì, để có thể quan sát, quán chiếu từng hành động – dù là nhỏ nhất.

Thế giới cổ đại có bảy kỳ quan và thế giới hiện đại cũng đang tìm cách xếp hạng bảy kỳ quan khác. Những kỳ quan này rồi cũng sẽ bị hủy diệt theo thời gian, theo quy luật sinh diệt của vũ trụ. Dù có ở thời nào: xưa, nay hay mãi mãi sau này thì *kỳ quan thứ tám – con người*, chính là mỗi chúng ta, vẫn không bao giờ mất đi. Hãy biết trân trọng chính mình, trân trọng sự sống và sự kỳ diệu của mình. Tôi đã nghe được ở đâu đó có người nói, “Điều vĩ đại chính là điều giản dị. Sức mạnh chân chính nằm trong sự dịu dàng”. Hình như điều này thể hiện rõ sự kỳ diệu của mỗi chúng ta – kỳ quan thứ tám của thế giới. ■

Khoa học & Phật giáo

KEERTHI WIJAYATUNGA

Đã có không ít những cố gắng so sánh khoa học với Phật giáo được thực hiện từ nhiều cá nhân khác nhau. Có người cho rằng Phật giáo bắt đầu từ chỗ khoa học chấm dứt. Có người lại cho rằng tôn giáo có tính cách khoa học nhất chính là Phật giáo. Khoa học thì luôn luôn biến đổi, vẫn tiếp tục tiến triển và ngày càng trở nên đa dạng. Phật giáo đã có hơn 2.500 năm tuổi; Đức Phật chưa bao giờ viết ra giáo lý của Ngài và, trải qua năm tháng, giáo lý ấy đã chịu đựng vô số biến động và sự phân phái, chẳng hạn việc phân chia giữa Nguyên thủy và Đại thừa. Tuy nhiên, giáo lý ban đầu của Đức Phật vẫn có địa vị ưu thắng ngay trong thời hiện đại và thường được nhắc đến như là Phật pháp. Vậy, phải chăng việc so sánh khoa học với Phật giáo là việc đúng đắn hoặc là việc có thể thực hiện được?

Ngày nay, Phật giáo là một tôn giáo có hàng triệu người tin theo trên toàn thế giới. Điều mà Đức Phật đã dạy vẫn là Phật pháp và, đối với tất cả mọi người, những điều ấy chẳng giống bất kỳ một ngành khoa học nào. Người ta không thể làm cho tất cả mọi người đều trở thành bác sĩ, kỹ sư hay bất kỳ một loại nhà chuyên môn nào khác. Người nghiên cứu một ngành học chuyên biệt nào cũng sẽ chỉ hiểu biết nội dung của riêng ngành mà mình theo đuổi. Cũng vậy, Đức Phật đã tuyên bố rằng giáo lý của Ngài chỉ dành cho những ai thực hành nghệ thuật khai mở tuệ giác chứ không dành cho những người không thực hành nghệ thuật ấy. Con đường độc đáo để thành tựu mục tiêu khai mở tuệ giác ấy đã được chính Đức Phật phát hiện và đặt tên là Bát chánh đạo, chính là Đạo vô thượng hoặc có thể coi là Con đường tối thượng ngược với thế đạo.

Bát chánh đạo được sử dụng để tách rời tâm (danh) khỏi thân (sắc). Sự tách rời này được gọi là sự phân biệt danh sắc. Thân thể mang tính cách thế tục và được tạo thành bởi các yếu tố vật lý luôn luôn thay đổi nên có tính cách vô thường, phải già, phải bệnh và phải chết. Trong khi đó, tâm mang tính cách siêu thế, không được tạo lập bởi vật chất, luôn luôn tươi mới, không trở nên già cỗi và sẽ chuyển qua một thân khác vào thời điểm chết. Vì thế, thật là vô ích khi quan tâm đến thân xác vốn không thể được làm cho thanh tịnh mãi mãi và không được bảo vệ trước bệnh tật. Đức Phật đã phát hiện rằng tâm có thể được làm cho thanh tịnh mãi mãi và làm cho tồn tại mãi mãi nếu được tách rời khỏi thân xác.

Mục tiêu tối thượng của Phật pháp vì thế chính là làm tăng trưởng và thành tựu tuệ giác để cuối cùng sống trong tuệ giác



hay Niết-bàn mà không cần đến thân xác. Đức Phật phát biểu thêm rằng điều quan trọng nhất cho cuộc sống đời đời trong cõi Niết-bàn chính là tuệ giác.

Trước hết, khoa học không thể tự nó chứng minh nó có tính cách khoa học. Với tất cả những công nghệ siêu hiện đại và các công cụ đo đạc có tính cách khoa học, việc lấy quyết định cuối cùng vẫn phải được thực hiện thông qua năm cơ quan cảm giác của thân xác, nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

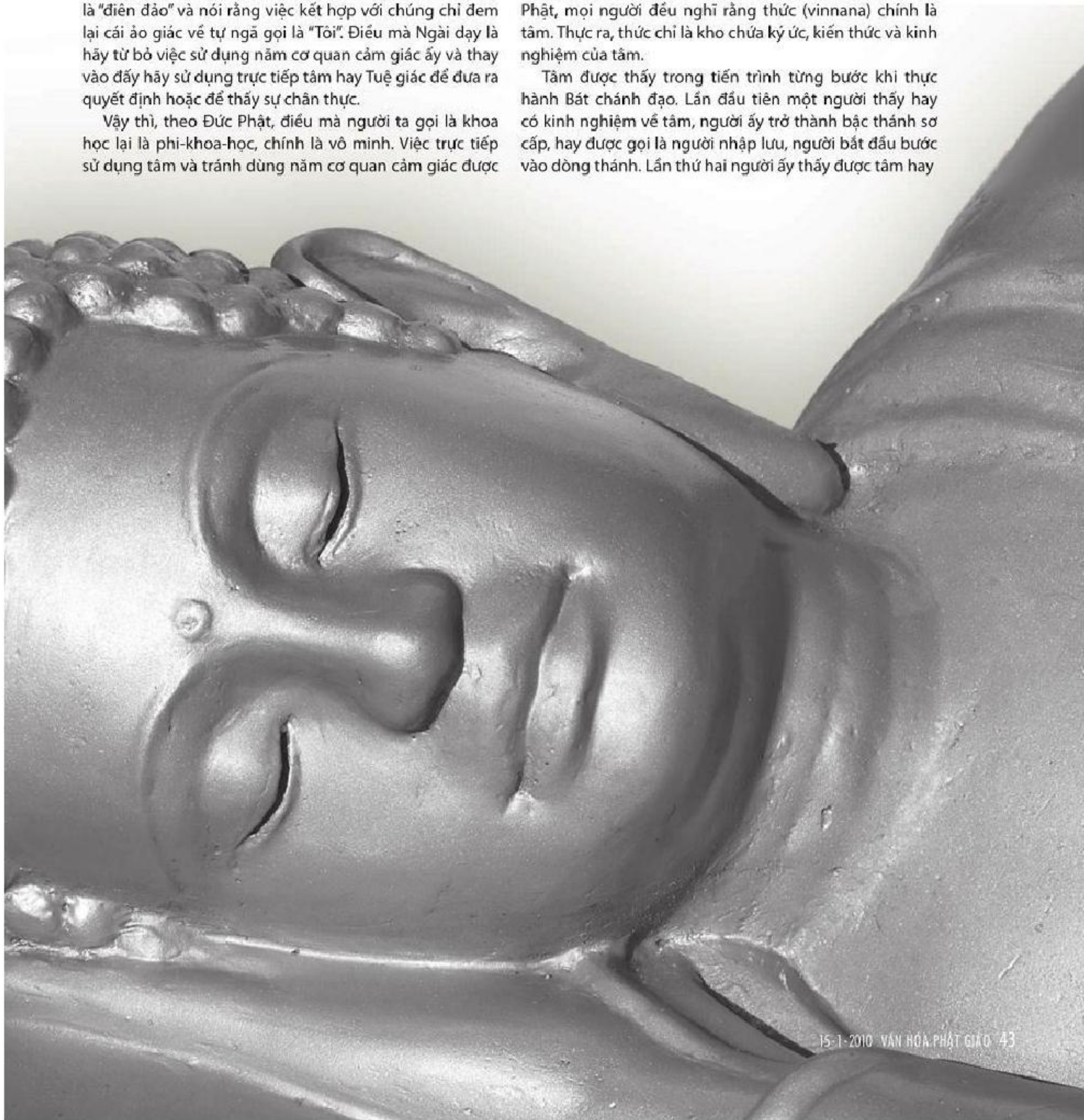
Trong khi đó, Đức Phật gọi năm cơ quan cảm giác ấy là “điên đảo” và nói rằng việc kết hợp với chúng chỉ đem lại cái ảo giác về tự ngã gọi là “Tôi”. Điều mà Ngài dạy là hãy từ bỏ việc sử dụng năm cơ quan cảm giác ấy và thay vào đấy hãy sử dụng trực tiếp tâm hay Tuệ giác để đưa ra quyết định hoặc để thấy sự chân thực.

Vậy thì, theo Đức Phật, điều mà người ta gọi là khoa học lại là phi-khoa-học, chính là vô minh. Việc trực tiếp sử dụng tâm và tránh dùng năm cơ quan cảm giác được

Đức Phật gọi là Minh hay ta có thể hiểu là khoa học. Người không bị ràng buộc bởi năm giác quan được gọi là người an trú trong minh, hay ta có thể nói, an trú trong khoa học. Đi xa hơn nữa, Đức Phật đã nói rõ rằng không có một khoa học nào có thể sánh được với Định. Định là sự kết hợp của Chánh niệm, Chánh tinh tấn và Chánh định, còn Tuệ chính là kết quả của Giới và Định trong việc thực hành Bát chánh đạo.

Phật pháp chính là giáo pháp của tâm. Nói một cách chính xác thì Đức Phật là bậc đã phát hiện tâm. Trước Đức Phật, mọi người đều nghĩ rằng thức (vinnana) chính là tâm. Thực ra, thức chỉ là kho chứa ký ức, kiến thức và kinh nghiệm của tâm.

Tâm được thấy trong tiến trình từng bước khi thực hành Bát chánh đạo. Lần đầu tiên một người thấy hay có kinh nghiệm về tâm, người ấy trở thành bậc thánh sơ cấp, hay được gọi là người nhập lưu, người bắt đầu bước vào dòng thánh. Lần thứ hai người ấy thấy được tâm hay



có kinh nghiệm chắc chắn về tâm, người ấy trở thành vị thánh bậc cao hơn, được gọi là người bất lai hay là người không trở lại với cái nhìn thế tục nữa. Tâm chỉ được nhận thức và được hiểu biết trọn vẹn bởi một vị thánh bậc bốn hay là vị A-la-hán. Tiến trình nhận biết tâm ấy được gọi là sự thực hiện Tứ Thánh đế. Tứ Thánh đế thực sự là mặt cắt của tâm.

Bất kỳ hành động nào, cho dù đó là hành động của thân, của khẩu hay của ý, đều được thực hiện bởi việc làm cho tâm xuất hiện hay luân chuyển qua sắc, thọ, tưởng, hành, và thức, được gọi là ngũ uẩn. Điều đó có thể được nhận thức bằng cách nhìn thẳng vào một vật gì đó trước mặt rồi nhắm mắt lại và thấy điều được tự động ghi nhớ. Chúng ta cảm nhận thế giới bằng cách luân chuyển tâm một cách tách biệt nhau giữa năm giác quan. Chính vì vậy mà Đức Phật gọi thân xác, từ đầu tới chân có chứa cả tâm lẫn thức, là "thế giới này".

Khi một người thực hành Bát chánh đạo, điều có thể thấy là tâm không thể rời khỏi thân dù chỉ một phần nhỏ của một mili mét và tâm bị ràng buộc bởi mười mối ràng buộc được gọi là thập phần kiết sử. Không ai có thể tưởng tượng được bất kỳ một điều gì vốn chưa được thấy hay chưa được trải nghiệm trước đó. Tất cả những gì chúng ta nghĩ chỉ đơn giản là tiếp cận kho chứa ký ức được gọi là thức.

Mọi việc chúng ta làm đều được định trước bởi việc nghĩ về cách làm (tiếp cận với thức) và chấm dứt bởi việc ghi nhớ điều đã được làm (lưu trữ trong thức). Cho nên, cái tiến trình trôi lăn của tâm từ thức tới sắc, thọ, tưởng, hành rồi trở lại với thức được gọi là vòng luân hồi.

Tâm thế tục không thể thoát khỏi chu kỳ luân hồi này vì mỗi hành động, cho dù đó là thiện hạnh hay ác hạnh, đều chấm dứt bằng sự tích tụ liên tục của thức và việc mở rộng hơn nữa vòng luân hồi.

Tiến trình liên tục của sự xuất hiện hay trôi lăn trong vòng luân hồi này luôn luôn diễn ra trong sự dính mắc với thân (sắc). Cho nên tâm thế tục luôn luôn bị dính mắc vào một sắc và thực tế không thể thoát khỏi sắc này.

Tâm xuất hiện lần đầu tiên trong một sắc có thể được coi như đó là một môi trường của tâm hành và được gọi là sắc giới chỉ liên hệ tới năm giác quan. Tâm xuất hiện trong sắc giới để tiếp nhận những gì đến từ ngoại cảnh, nghĩa là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Các tác nhân bên ngoài này được gọi là nghiệp giới hay môi trường thứ hai của tâm hành. Điều này diễn ra trong suốt cuộc sống hay trong khoảnh khắc hiện hữu.

Sau cùng, tâm rời bỏ một sắc nhất định bằng cách lưu trữ tất cả những gì đã được trải nghiệm như là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Đó chính là bình diện thứ ba của tâm hành được gọi là thức. Bình diện này cũng được gọi là vô sắc giới vì mọi sắc chất đều được lưu trữ dưới dạng hình ảnh (vô sắc). Tâm thế tục chỉ có thể trôi lăn trong tam giới như vậy mãi mãi và điều đó được gọi là nghiệp vô minh của tâm. Cho nên, vòng luân hồi có thể được biểu

thị như một vòng tròn mà cũng có thể được biểu thị như một hình ba góc.

Nếu cả ba bình diện tâm hành này có từ tính, tâm được coi như một quả cầu thép di chuyển từ mặt này tới mặt kia luôn luôn bắt đầu từ vô sắc giới và cũng kết thúc ở vô sắc giới. Sự phát hiện của Đức Phật, con đường Bát chánh đạo, có mục đích huấn luyện tâm rời bỏ cả ba bình diện sắc giới, nghiệp giới và vô sắc giới để nắm lấy điểm trọng tâm của hình ba góc, được gọi là Trung đạo.

Chính tâm có mong muốn thấy, nghe, nếm, v.v. Nhưng tâm không thể trực tiếp làm những công việc đó. Vì thế, tâm phải sử dụng những cơ quan cảm giác vật lý thiếu tinh tế vào mục đích thấy, nghe, nếm... ấy. Tâm luôn luôn có bốn ham muốn hoặc bốn yếu cấu, đó là thấy, nghe, sờ mó và hiểu biết. Tất cả những điều đó được thực hiện bởi sự trôi lăn lướt qua năm giác quan.

Khoa học sử dụng cái tiến trình tâm của việc trôi lăn qua năm giác quan đó trong mọi hoạt động của nó. Việc trôi lăn qua năm giác quan chỉ tạo ra những thông tin giả lập cũng được gọi là thức. Cho nên, theo giáo lý của nhà Phật, khoa học chỉ là một trạng thái vô minh, hay có thể nói rằng, nền khoa học dựa vào các giác quan chính là phi khoa học.

Mặt khác, Đức Phật nhắc tới một cách rõ rệt rằng để thấy được thực tại, cần phải tránh việc sử dụng năm giác quan. Để làm được điều đó, tâm phải chấm dứt việc trôi lăn qua năm giác quan hoặc chấm dứt vòng luân hồi, và tâm cần được huấn luyện để có thể thấy, nghe, cảm giác và hiểu biết một cách trực tiếp mà không cần trôi lăn. Con đường duy nhất để dừng việc trôi lăn hay chấm dứt vòng luân hồi là việc áp dụng bánh xe Pháp luân hay Bát chánh đạo, hay Trung đạo. Kết quả của việc thực hành Bát chánh đạo là việc đạt tới tuệ giác hay Niết-bàn; với các phẩm chất ấy, tâm có thể trực tiếp thấy, nghe, sờ mó và tuyên bố điều gì đúng, điều gì sai.

Không có Bát chánh đạo hay Trung đạo, mọi con người thế tục đều trong tình trạng nửa tin nửa ngờ. Chỉ có bậc thánh, người đã phát triển tuệ giác, mới có thể sống trong sự thực và trong thực tại.

Việc dừng sự trôi lăn của tâm qua năm giác quan hay việc chấm dứt vòng luân hồi được gọi là sự thấy biết chân thật. Chỉ có một tâm dừng bất mới có thể thấy được thực tại và sự thật mà mọi biện pháp thế tục đều không thể đạt tới được. Cho nên, vì khoa học luôn luôn sử dụng một tâm trôi lăn và bao lâu khoa học còn tiếp tục sử dụng một tâm trôi lăn như thế, khoa học chưa thể đạt tới sự chân thực. Khoa học phải chịu đựng một sự thay đổi toàn diện để có thể đạt tới chân lý.

Cho nên, khoa học như chúng ta đang biết chính là vô minh và chỉ có một nền khoa học chân chính là giáo pháp của Đức Phật.

Trần Khiết Bách dịch

Nguồn: Plus News Pakistan online



để biến đổi thế giới

Cách đây một vài năm, tôi bắt đầu cộng tác với Lạt-ma Zopa Rinpoche trong việc viết một cuốn sách có đề tài làm thế nào người ta có thể khắc phục được cách nhìn tiêu cực về giá trị bản thân và có thể phát triển lòng tự tin để biến đổi thế giới thành một cõi tốt đẹp hơn qua việc giúp đỡ tha nhân. Lý do khiến tôi nghĩ đây là một đề tài thú vị một phần là vì lòng tự tin của cá nhân Rinpoche trong việc thực hiện nhiều dự án lớn lao để giúp tha nhân quả thật phi thường.

Ngay trong buổi trò chuyện đầu tiên để chính thức xây dựng cuốn sách, tôi nói: “Trong công việc của tôi, lúc mới đầu tôi không được tự tin cho lắm. Nhưng qua hơn mười năm làm công việc của một nhà tâm lý học, nay dần dần lòng tự tin của tôi đã tăng tiến nhờ kinh nghiệm. Dựa vào kinh nghiệm đúc kết từ công việc đã thực hiện, tôi có thể nhận thấy lòng tự tin tăng lên như thế nào. Nhưng trong trường hợp của Rinpoche, với những dự án to tát như công trình xây dựng tượng Phật Di Lặc ở Ấn Độ, Ngài không thể nào phát triển được lòng tự tin dựa vào kinh nghiệm quá khứ bởi vì Ngài chưa bao giờ thực hiện một công trình với quy mô đó – ít ra là trong kiếp sống này! Làm sao người ta có thể phát triển sự tự tin hay lòng dũng

cảm để thực hiện những công việc lớn lao mà trước đó bản thân mình chưa hề làm và cũng chưa bao giờ thấy ai làm?”.

Ngài Rinpoche cười lên một tràng rồi bảo: “Kỳ thực, điều đó tôi không nắm chắc...”. Vốn biết rằng thông thường Ngài Rinpoche tránh né những đề tài có vẻ tập trung vào những phẩm chất tốt đẹp của chính mình nên tôi cố dồn thêm câu hỏi: “Ngài thật sự không biết hay sao?”.

Lạt-ma Rinpoche biết rõ ý tôi, lại cười thêm một tràng nữa rồi nói: “Đôi khi người ta chỉ tự nhiên cảm nhận như vậy thôi”.

Tôi hỏi: “Quả là thế, nhưng ngay cả sự cảm nhận tự nhiên ấy cũng phải xuất phát từ một chỗ nào chứ. Do đâu mà có cảm nhận ấy?...”. Vẫn tỏ vẻ hơi áy náy khi nói về bản thân mình, Ngài Rinpoche bảo: “Nói chung, người ta có thể cảm nhận như đó là điều tự nhiên. Còn về việc như là xây dựng một bức tượng kích thước lớn như thế dĩ nhiên nó tùy ở nghiệp. Nhân của nó là thiện nghiệp. Khi bạn tích nghiệp lành thì quả báo xuất hiện tròn đầy. Đạt được kết quả như thế không dễ dàng và cần nhiều kiên nhẫn, nhưng điều chính vẫn là thiện nghiệp. Tôi hỏi: “Ngài thực hiện rất nhiều dự án khác để giúp tha nhân, như xây dựng rất nhiều thánh vật khác nhau, khởi xướng các dự án xã

hội, v.v. Vậy thì lòng tự tin ấy xuất phát từ thiện nghiệp hay khả năng hoàn thành công trình là do thiện nghiệp?

Lạt-ma Rinpoche giải thích: “Tôi cho rằng tất cả đều xuất phát từ nghiệp lành. Sự quyết tâm hoàn thành công trình lẫn khả năng thực hiện chúng đều do nghiệp lành. Nếu không có đủ nghiệp lành thì dù có quyết tâm bạn cũng không thể hoàn thành những gì bạn bắt tay thực hiện. Người ta phải tự tin vào cái tâm của mình, phải có nhiều can đảm và cương quyết. Rồi còn phải tích tụ nghiệp lành nữa. Về cơ bản, sự việc là như vậy đấy”.

Một đề tài mà tôi thích thú nghiên cứu cùng với Rinpoche là quan niệm của đạo Phật về những loại hành động tạo nghiệp cụ thể nào đưa đến những kết quả như lòng tự hào lành mạnh, sự dũng cảm và lòng tự tin vững vàng để có thể thành công trên bước đường đi đến giác ngộ và cải thiện thế giới trở thành tốt hơn cho bản thân và tha nhân.

Điều trước tiên và được Rinpoche nhấn mạnh nhất đó là “lòng từ bi.” Ngài nói: “Từ bi, từ bi, từ bi – là Tâm Bồ đề. Bạn càng khởi phát từ tâm đối với tha nhân, càng hiểu khổ đau của họ và mở lượng từ bi thì từ đó bạn càng cảm thấy tăng thêm dũng cảm và nâng cao giá trị bản thân. Giải pháp tối hậu, giải pháp rõ ràng nhất ấy là, để nâng cao giá trị bản thân thì bạn phải đổi cái tâm ngã ái thành nhân ái – từ cái tâm ích kỷ thành cái tâm phục vụ kẻ khác. Khi bạn thực hiện như vậy, tâm trạng tự ti biến mất và bạn cảm thấy tự tin mạnh mẽ”.

... Tôi hỏi Lạt-ma Rinpoche còn có những loại hành động tạo nghiệp nào khác dẫn đến niềm tin mạnh mẽ vào giá trị bản thân không. Ngài Rinpoche nói thêm: “Ngoài sự thực hiện lòng từ đối với tha nhân, tôi còn cho rằng việc tán thán các đức hạnh của Phật, Pháp, Tăng cũng tạo ra lòng tự tin. Thêm vào đó là việc tán thán các chúng sinh khác – tán thán các phẩm hạnh của họ”. Những điều này rõ ràng dễ hiểu. Nếu tự ti là kết quả của cách suy nghĩ tiêu cực về bản thân, là tâm trạng thường hay phát sinh do tâm trí bạn ghi nạp dấu ấn tiêu cực của tha nhân và còn do bạn chỉ trích người khác, vậy thì hành động nghiệp để thay đổi tâm trạng đó tất phải bao gồm việc tán thán những phẩm chất tốt đẹp của Tam bảo cũng như của người khác.

Sau đó, Rinpoche nêu lên một loại nghiệp đặc biệt có hiệu quả tuyệt vời trong việc xây dựng lòng tự tin. Rinpoche nói: “Trong sách ‘Các Giai Đoạn Trên Đường Tu Tập Đi Đến Giác Ngộ’ (*Lamrim Chenmo*), Đức Lạt-ma Tsongkhapa nhấn mạnh rất kỹ rằng nếu bạn có thể đạt được các phẩm chất đặc biệt trong kiếp tái sinh làm người quý báu độc nhất trong mọi loài thì bạn có khả năng thành tựu giác ngộ một cách mau chóng. Ở đây, tôi bàn về phẩm chất cuối cùng trong tám phẩm chất được mô tả trong quyển sách *Lamrim* ấy, đó là có một thân tâm vững mạnh đủ sức chịu đựng gian khổ. Có một thân tâm vững mạnh tức là bạn có nhiều tự tin và can đảm và như vậy có khả năng chịu gian khổ để đi hết con đường đoạn diệt tất cả mọi cảm xúc rối loạn, mê mờ – những cấu uế thô cũng như tế để bạn có thể đi trọn con đường đến giác ngộ. Nhờ

phẩm chất đó, bạn có thể giống như Ngài Milarepa và các vị Đại sư khác đã đắc đạo trong một thời gian ngắn, thậm chí chỉ trong một vài năm! Các vị ấy đã thành công nhờ có một thân tâm vững mạnh, trong đó có sự hân diện và lòng tự tin mạnh mẽ. Nghiệp nhân chủ yếu để có một thân tâm vững mạnh là đảm trách những công tác khó khăn – gánh vác công việc mà người khác thấy khó. Công việc làm của bạn là kiểm điểm trong đời sống hằng ngày để xem những công việc gì hay những công tác nào kẻ khác cho là khó khăn rồi tự mình gánh vác lấy. Bạn cứ làm đi! Bất cứ những gì người khác thấy có vẻ khó khăn thì bạn cứ lãnh trách nhiệm và hoàn thành chúng. Chẳng nghi ngờ gì – dứt khoát điều này sẽ nâng cao lòng tự tin. Điều đó chắc chắn. Bằng hảo tâm gánh vác những công tác khó khăn cho kẻ khác, chắc chắn bạn sẽ phát triển lòng tự tin và một thân tâm mạnh mẽ để giúp bạn thực hiện được những thành tựu lớn, đi trọn con đường tiến đến giác ngộ và sau đó sẽ có khả năng giải thoát vô số chúng sinh khỏi cảnh đau khổ luân hồi. Nói chung, bất cứ loại hảo tâm nào cũng đều giúp ích cho việc xây dựng lòng tự tin. Nhưng giáo pháp lamrim cho thấy rằng phương cách độc đáo gánh vác trách nhiệm làm những công việc mà kẻ khác thấy khó khăn là có hiệu quả đặc biệt”.

Dĩ nhiên sự mô tả của Lạt-ma Rinpoche về các lợi ích của việc gánh vác những công việc mà kẻ khác thấy khó khăn đã làm tôi nghĩ đến những hoạt động của cá nhân Ngài, bởi vì Ngài thường hay đảm nhiệm những công tác mà kẻ khác thấy không thể thực hiện được. Tuy nhiên, khi chúng tôi thảo luận các điểm này một cách chi tiết, Lạt-ma Rinpoche nhấn mạnh vào chỗ bất cứ ai cũng có thể khởi sự thực hành từ tâm, tán thán phẩm chất tốt đẹp của bạn cùng sở hay những thành viên trong gia đình và gánh vác những công tác dù là những công việc nhỏ nhặt trong đời sống hằng ngày mà những người chung quanh thấy khó khăn hoặc nặng nề. Bất cứ việc gì, chẳng hạn như bạn giúp khiêng vác trong tiệm tạp hóa, tử tế với một người bạn cùng làm cùng học, quét dọn phòng vệ sinh, tình nguyện làm việc ở một cơ sở từ thiện hoặc ở tự viện, điều cốt yếu là bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể đảm nhận những việc khó, từ đó bắt đầu hình thành một vòng lan tỏa lòng tự tin càng ngày càng lớn rộng, cho phép chúng ta đảm đương những thách thức mỗi lúc một nặng nề hơn để cải thiện bản thân chúng ta và làm thế giới quanh ta trở nên tốt đẹp hơn.

Châu Văn Thuận dịch

Trích thuật từ cuốn sách sắp xuất bản bàn về lòng tự tin của hai tác giả Lama Zopa Rinpoche và Lorne Ladner, tựa đề tạm là Infinite Confidence, đăng trên tạp chí Mandala.

Lorne Ladner là Giám đốc Trung tâm Guhyasamaja của FTMP (Cơ Quan Bảo Tồn Truyền Thống Đại Thừa) gần Washington D.C. Ông đã học với Lama Zopa Rinpoche và các vị Thầy Tây Tạng từ cách đây hơn 20 năm. Hiện nay ông là nhà Tâm lý học lâm sàng. Ông đã viết nhiều sách trong đó có *The Lost Art of Compassion* và *The Wheel of Great Compassion*. ■

Bài học khôn của thằng Bờm

HÀ THỨC HOAN

1. *Thằng Bờm* là bài ca dao gắn gũi với tâm hồn trẻ em nông thôn Việt Nam. Chúng tôi đã thuộc lòng bài thơ dân gian này khi còn học lớp Hai tại một trường làng ở quê hương miền Trung. Cuối năm 2009 vừa qua, đọc báo *Văn Hóa Phật Giáo*, chúng tôi gặp lại câu chuyện trao đổi cái quạt mo của Bờm qua bài viết *Thằng Bờm trong tâm thức của người dân quê Việt Nam* của tác giả Võ Văn Lân.

Qua bài báo vừa nêu trên, Võ Văn Lân muốn minh oan cho Bờm. Tác giả khẳng định Bờm không phải là một đứa bé ngốc nghếch, khờ dại như nhiều người đã nghĩ mà trái lại, Bờm là hình tượng văn học thể hiện lối sống “tri túc tiện túc”, “thiểu dục vi lạc” của người dân quê Việt Nam, Bờm là biểu trưng cho “hạnh phúc chân thật” của người “không chấp vào tôi, không chấp vào cái của tôi như lời Phật dạy”. Theo Võ Văn Lân, “phong cách của thằng Bờm trong ca dao cũng có thể phù hợp với phong cách Tuệ Trung Thượng Sĩ, một thiền sư cư sĩ đời Trần”, đồng thời Bờm “cũng là hình ảnh của Alexis Zorba, con người sống an nhiên tự tại, đói ăn khát uống”¹.

Giống tác giả Võ Văn Lân, chúng tôi cũng có lúc “giật mình hiểu rằng những câu chuyện bình thường, những hình ảnh đơn sơ,

gắn gũi thể hiện trong ca dao hay tục ngữ thường khi lại có khả năng chuyển tải những triết lý cao siêu, những bài học thâm thúy, minh triết trong cuộc sống của ông bà ta”². Tôi nghĩ rằng tác giả Võ Văn Lân đã mượn bài *Thằng Bờm* để bàn về quan niệm hạnh phúc: hạnh phúc dễ dàng tìm thấy trong nếp sống đơn sơ giản dị như phong cách của Tuệ Trung Thượng Sĩ hay như của nhân vật Alexis Zorba được thể hiện trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Hy Lạp Nikos Kazantzakis. Tuy nhiên, theo suy nghĩ của một nhà giáo đã quen với phong cách nghị luận có tính sư phạm, chính xác và chừng mực ở học đường, tôi xin có vài dòng góp ý. Trước khi nêu ý kiến riêng của mình, để độc giả dễ dàng tiếp cận với ý nghĩa của những câu hát trẻ thơ tưởng là ngây ngô mà không dễ hiểu này, chúng tôi xin đề cập ở đây hai tài liệu có liên quan đến bài ca dao *Thằng Bờm*.

2. Năm 1978, cùng với một số giảng viên Đại học Sư phạm Huế vào Đà Nẵng để đọc, tìm hiểu, sắp xếp và làm thống kê hàng ngàn trang tài liệu có thủ bút của nhà Nho cấp tiến, duy tân Phan Châu Trinh, chúng tôi đã tìm thấy trong *Sante’ thi tập*³ của cụ Phan Tây Hồ hai bài thơ có thể nói là hai tài liệu quý đối với những ai quan tâm tìm hiểu ý nghĩa bài ca dao *Thằng Bờm*. Đó là một dị bản của bài *Thằng Bờm* và một bài Đường thi do cụ Phan sáng tác bằng cách lấy bài thơ dân gian này làm đề tài ngâm vịnh. Dưới đây là một dị bản của bài *Thằng Bờm* mà chúng tôi nghĩ cụ Phan Châu Trinh đã ghi lại qua trí nhớ:

*Thằng bần có cái quạt mo,
Hán vương đòi đổi ba bò chín trâu.
Bần rằng tôi chẳng muốn trâu,
Hán vương đòi đổi ao sâu cá mè.
Bần rằng tôi chẳng muốn mè,
Hán vương đòi đổi một bè gỗ (gỗ) lim.*

*Bần rằng tôi chẳng muốn lim,
Hán vương đòi đổi con chim đôi mồi.
Bần rằng tôi chẳng muốn mồi,
Hán vương đòi đổi vắt xôi bán mừng⁴.*

Tiếp theo là bài thơ vịnh có tiêu đề là *Thằng Bần có cái quạt mo* của cụ Phan Châu Trinh:

*Thằng bần lẩn bần bị trời vò,
Vốn liếng trong mình một quạt mo.
Đói giụa (dựa) gốc cau may lượm được,
Buồn trông khuôn quế khéo vanh cho.
Nằm ngối lót đít nhiều khi đỡ,
Mưa nắng che đầu ít nỗi lo.*



Nguồn: saga.vn

*Trâu, cá, lim, mồi, đều chẳng đổi.
Bản đây chỉ muốn vật xôi to⁵.*

Ở dị bản nêu trên, danh từ riêng “Bờm” đã được đổi thành “bản” để chỉ chung cho những trẻ thơ con nhà nghèo ở nông thôn. “Phú ông” là người giàu có đã được thay thế bằng “Hán vương” là một nhân vật ngoại lai có nhiều quyền lực. Ngoài ra đại từ nhân xưng “tôi” và động từ “muốn” cũng thể hiện được tính bạo dạn và lòng tự tin của một trẻ thơ Việt Nam khi đối diện với uy quyền của hoàng đế nhà Hán.

Ở bài thơ vịnh của cụ Phan, người đọc nhận biết dễ dàng cảnh nghèo mà không hèn của Bờm, đồng thời hiểu rõ Bờm có được cái quạt mo trong trường hợp nào và công dụng có tính “đa năng” của vật dụng không có mấy giá trị ấy.

3. Ngày 08 tháng 01 năm 2010 (nhằm ngày 24 tháng 11 ÂL) là ngày kỵ của bà nội chúng tôi. Nghe người lớn nói nấu xôi gấc để cúng tổ tiên, cháu Nhật Tân 6 tuổi dặn bà ngoại để dành xôi gấc cho mình. Tối ngày kỵ, cháu Nhật Minh không những ăn xôi gấc thay cơm mà còn xin mẹ dành lại một ít xôi gấc để ngày hôm sau mang đến trường mẫu giáo Bến Thành cho mình ăn sáng, dù ở đó vào đầu mỗi buổi sáng đều có thức ăn dọn sẵn để cháu và các bạn dùng điểm tâm. Như vậy, xưa cũng như nay, thật là dễ dàng để những thằng Bờm khoảng sáu tuổi tây, bảy tuổi ta đưa ra quyết định hợp với tâm tính hồn nhiên, vô tư của trẻ thơ, khi cần chọn lựa giữa vật xôi thơm ngon và ba bò chín trâu hay ao sâu cá mè là những tài sản to lớn hơn cả ngàn vạn lần nên xa lạ với kinh nghiệm sống và ở ngoài khả năng nhận thức của nó.

Đáng tiếc là do không am hiểu tâm lý nhi đồng nên từ lâu nhiều người lớn đã dùng hiểu biết của kẻ trưởng thành để xét đoán một hành vi của trẻ con, từ đó hơi hợt kết án Bờm là đứa bé khờ khạo, dại dột vì không biết đổi cái quạt mo chẳng đáng giá bao nhiêu cho phú ông để nhận lấy cả một tài sản kếch sù!

Sau năm 1975, tại TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi được xem một phim truyện có tên gọi là *Thằng Bờm* của một đạo diễn ở ngoài Bắc. Để thể hiện tính cách ngu dại đáng chê cười của Bờm, đạo diễn dựng cảnh Bờm vác ngang một cây tre để đi vào nhà, đến khi cây tre dài bị cái cửa ngõ chặn lại, Bờm chỉ còn cách đứng yên “chịu trận” mà không biết trở dọc cây tre lại để có thể bước qua khung cửa hẹp! Thế nhưng, trước năm 1975, khi miền Nam tiếp nhận quá nhiều vật trao đổi mà như cho không của “phú ông” người Mỹ, sinh viên Đại học Sài Gòn đã mở một quán cà phê bạn trẻ mang tên *Thằng Bờm* để nhắc nhở người Việt nhớ lại bài học khôn mà tổ tiên đã trao truyền qua hình tượng thằng Bờm.

Bài học khôn ấy, vào năm 1974, khi viết sách *Triết văn I*, chúng tôi đã giảng giải vắn tắt dưới đây:

“Qua những câu hát tương như vô nghĩa của trẻ thơ, chúng ta bắt gặp bài học luân lý có giá trị. Thằng Bờm biết đem cái quạt mo để đổi lấy vật có giá trị tương xứng là vật

xôi. Nó không muốn đổi cái quạt mo để lấy cả một gia tài lớn gấp ngàn vạn lần. Nó là hạng người có đầu óc thực tiễn, biết chọn sự trao đổi cân xứng (...) để có bình đẳng và tự do, thay vì tham lam nhận sự đổi trao bất bình đẳng (...) để bị lừa dối, mua chuộc và lợi dụng, hoặc trở thành nạn nhân của trò ăn bánh vẽ.

Bờm là một đại biểu xứng đáng cho hạng người bình dân ít học nhưng khôn ngoan nhờ lẫn lộn nhiều với thực tế. Đó là những người biết rõ thực lực của mình, biết rõ lòng dạ của người. Họ không nuôi ảo tưởng, không ôm cao vọng, không mang tâm lý của kẻ thả mồi bắt bóng (...). Ấy là đám đông quần chúng Việt Nam (...) những người (...) biết nơi nào là điểm cần thiết để mà bảo toàn lấy mình và dân tộc mình”⁶.

4. Trước ngày đất nước thống nhất, miền Nam đã phải đánh đổi tài sản vô giá là chủ quyền quốc gia, vì không nhớ *Bài học khôn của thằng Bờm* trong khi tiếp nhận nhiều viện trợ quân sự và kinh tế của “phú ông” thời chiến. Dạy Việt vẫn trong hoàn cảnh ấy, chúng tôi chỉ còn biết gởi tâm sự vào lời văn tế thê lương, thống thiết của cụ Đồ Chiểu:

“Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nói;

Than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngó ngán một phường tớ đại”⁷.

Vào đầu thế kỷ XXI này, để xây dựng đất nước giàu mạnh có thể sánh vai với cường quốc năm châu, chúng ta vẫn còn phải tiếp nhận không ít sự hỗ trợ tài chánh của “phú ông” thời bình. Trong cuộc sống riêng tư của mỗi người, biết đâu cũng có lúc chúng ta cũng gặp một “phú ông” hiện đại “xin đổi ba bò chín trâu” để lấy “cái quạt mo” của ta với một ý đồ nào đó. *Bài học khôn của thằng Bờm* vì thế vẫn còn nguyên giá trị... ■

Chú thích:

(1) Võ Văn Lân, *Thằng Bờm trong tâm thức của người dân quê Việt Nam (Văn Hóa Phật Giáo, số 95, ra ngày 15.12.09, tr. 9 – tr. 10)*.

(2) Võ Văn Lân, *Sđd*, tr. 8.

(3) Từ tháng 9 năm 1914 đến tháng 7 năm 1915, bị thực dân Pháp bắt giam tại ngục Sante’ (thủ đô Paris), với đề tài là những câu thành ngữ, tục ngữ và ca dao, Phan Châu Trinh sáng tác trên hai trăm bài thơ để hoàn thành *Sante’ thi tập*.

(4) Dị bản này là chú thích số 4 ở bài thơ vịnh *Thằng Bản có cái quạt mo* của Phan Châu Trinh, được tác giả ghi ngắn gọn, không sang hàng sau mỗi câu thơ, không viết hoa chữ ở đầu câu v.v. Chúng tôi đã “biên tập” lại để bài thơ có hình thức hoàn chỉnh như trên. Trong *Phan Châu Trinh toàn tập*, đáng tiếc nhà nghiên cứu Chương Thâu đã bỏ dị bản này để thay thế vào đó bài *Thằng Bờm* mà nhiều người đã biết.

(5) Đây là bài thơ số 144 trong *Sante’ thi tập*, có chú thích số 4 như đã nói trên. Trong *Tuyển tập Phan Châu Trinh* (Nxb Văn hóa thông tin, 2006) Tiến sĩ Nguyễn Văn Dương đã lược bỏ bài này, nhưng rất may là chúng tôi còn có thể tìm lại bản gốc với thủ bút của cụ Phan qua bản sao chụp ở trang 1117.

(6) Hà Thúc Hoan, *Triết văn I, Sông nhờ nguồn*, Huế, 1974, tr. 39.

(7) Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế ông Trương Định*.

Hội nghị Sakyadhita lần thứ 11 tại TP.HCM thành công tốt đẹp.



Sau bảy ngày làm việc (từ 28-12-2009 đến hết 3-01-2010), Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần thứ 11 được tổ chức lần đầu tiên tại Việt Nam do Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương GHPGVN chủ trì đã thành công tốt đẹp. Hội nghị quy tụ hơn 2.000 đại biểu từ trong nước và từ 37 quốc gia, vùng lãnh thổ. Đã có 57 bài tham luận được đọc, trong đó

có 46 bài do các đại biểu quốc tế và 11 bài do các đại biểu Việt Nam trình bày. Các cuộc thảo luận nhóm cũng đã diễn ra hết sức sôi động. Nội dung các bài tham luận chú trọng đến vai trò và kinh nghiệm của nữ giới trong việc xây dựng một xã hội hòa hợp trên tinh thần Phật giáo cả trong lịch sử lẫn trong thế giới hiện đại. Các đại biểu đã có dịp lắng nghe và chia sẻ những kinh nghiệm của đồng đạo khắp thế giới trong việc dẫn thân vào các hoạt động xã hội và giáo dục Phật giáo. Kết thúc hội nghị, các đại biểu đã nhất trí thông qua một bản Tuyên bố chung 15 điểm, khẳng định sự thành công của Hội nghị lần này là sự nối tiếp những cố gắng của nữ giới Phật giáo toàn cầu trong việc theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững do Liên Hiệp Quốc kêu gọi. Hội nghị đã tiến hành nghi thức trao cờ tổ chức Hội nghị lần thứ 12 cho nước đăng cai là Singapore. (PV.)

Phật tử thế giới thể hiện sự quan tâm đến một quy chế cho Bồ-đề đạo tràng.

Là nơi Đức Phật chứng ngộ đạo giải thoát, Bồ-đề đạo tràng vẫn là một trong bốn thánh tích quan trọng của Phật giáo. Tuy nhiên, từ nhiều năm qua, khu vực này nằm dưới sự quản trị của một chính quyền Ấn giáo. Chính ngôi tự viện Mahabodhi được xây dựng từ thế kỷ thứ 6 Tây lịch hiện cũng được điều hành bởi một ủy ban gồm bốn thành viên Phật giáo và bốn thành viên Ấn giáo do chính quyền bang Bihar bổ nhiệm. Ngay từ ngày đầu năm dương lịch 2010, các vị Tỳ-kheo Phật giáo bang Bihar đã tổ chức một cuộc tuyệt thực để đòi tu chỉnh quy chế quản trị tự viện Mahabodhi. Cùng lúc, một nhóm Tỳ-kheo khác lên tiếng đòi hỏi dành cho khu vực Bodh Gaya một quy chế thánh địa, bao gồm việc biến toàn khu vực thành một vùng không sát sanh.

Vào ngày 7-01-2010, diễn viên điện ảnh nổi tiếng Richard Gere đã bày tỏ sự ủng hộ những kiến nghị của các Tăng sĩ Phật giáo Ấn Độ. Người diễn viên này đã tham gia một đêm thắp nến cùng chư Tăng Ni và Phật tử Ấn Độ đi quanh khu vực Bodh Gaya để kêu gọi mọi người chấp nhận lối sống không ăn thịt động vật. Cuộc vận động này do quỹ từ thiện phi lợi nhuận có tên Tibetans for Vegetarian Society tổ chức. Các cuộc vận động này dự kiến sẽ có thêm sự ủng hộ của Phật tử toàn thế giới. (PV. Tổng hợp từ các trang mạng về Ấn Độ)



Đại giới đàn Pháp Hóa 2010 tại Quảng Ngãi hoàn tất viên mãn.

Quảng Ngãi là một địa phương có lịch sử truyền thừa Phật giáo trên ba trăm năm và Phật tử Quảng Ngãi vẫn kỷ công Thiền sư Pháp Hóa có đạo hiệu Minh Hải Phật Bảo là bậc trao truyền mạng mạch Phật giáo đến vùng này. Ngày 20 tháng Mười Một năm Kỷ Sửu (nhằm ngày 4-01-2010), dưới sự chứng minh của chư tôn giáo phẩm thuộc HĐCM



và HĐTS TUGH, BTS các Tỉnh, Thành hội Phật giáo trên cả nước, BTS Tỉnh hội Phật giáo Quảng Ngãi đã khai Đại giới đàn mang tên Pháp Hóa với mục đích tưởng niệm hồng ân của vị Sơ tổ Phật giáo Quảng Ngãi. Đại giới đàn Pháp Hóa đã trao giới cho 294 giới tử gồm 72 vị thọ giới Tỳ-kheo, 34 vị thọ giới Tỳ-kheo Ni, 41 vị thọ giới Thức-xoa-ma-na, 81 vị thọ giới Sa-di và 66 vị thọ giới Sa-di Ni. Vì gần 50 năm qua, đây là lần đầu tiên Phật giáo Quảng Ngãi thực hiện được một Phật sự trọng đại, ngày khai mạc giới đàn đã trở thành một ngày hội thật sự của Phật tử Quảng Ngãi. Đến chiều ngày 5-01-2010, Đại giới đàn hoàn tất viên mãn và đã làm lễ bế mạc dưới sự chứng minh của chư tôn đức quang lâm về từ nhiều tỉnh thành trên cả nước. (PV.)



Trên xe khách

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Xe khách Đà Nẵng đi Huế vào ngày cuối tuần chật như nêm. Ngồi ở hàng ghế áp chót, sát cửa là một nhà sư, độ trung niên. Nhà sư bị vây ba bên bởi bốn bà đi buôn. Biết là dân buôn khi thấy hàng hóa của họ chất đầy sau xe và la liệt dưới ghế ngồi. Buồn bán thì chưa biết lời lẽ sao nhưng “buôn” chuyện thì đích thị các “mệ” phải thuộc hạng siêu sao. Ngồi chưa ấm chỗ, họ đã “phối âm phối khí”, kết nối những chuyện đầu Ngô mình Sở, suốt dăm dài hơn trăm cây số. Bà này vừa dứt lời, bà kia chen vào lấp khoảng trống ngay, cứ như sợ hai “đối tác” còn lại “cướp” mất cơ hội... được nói. Mặc nóng bức, mặc những tiếng năn nỉ giảm giá của khách khi trả tiền, mặc những khuôn mặt tím tái do nôn nhào đầu khi xe qua đèo Phú Gia, Phước Tượng, bốn cái miệng hay chuyện vẫn không chịu ngơi nghỉ.

Trong xe có những tiếng cảm ràm “nói nghe đến nhức đầu!”, “chuyện đầu mà nhiều dữ!” Cùng với đó là những ánh mắt “mang hình viên đạn” lia về phía “bốn cây” đang cụm lại bên núi... chuyện. Không hề chi, mạch nguồn tâm sự của các “mệ” vẫn dạt dào tuôn như suối. Bỗng chen ngang mở âm thanh the thé tia lia kia là giọng từ tốn

của nhà sư: “Các chị nhiều chuyện quá, bớt bớt đi thôi!”. Đột ngột im, các bà đưa mắt nhìn nhau, vẻ háo hức còn nguyên trên sắc mặt. Bà mặc áo xanh, ngồi ghế sau nhà sư xỏ giọng khó chịu: “Thầy cứ lo tụng kinh niệm Phật, mắc mớ chi nghe chuyện của tụi tui!”. Sau câu ấy, không hiểu sao bà ta ngồi im, không góp chuyện nữa. Chỉ còn lại “ba cây” nên “ổ hỏa lực” đã vơi dần sự rôm rả. Nhà sư ngồi bất động, mắt chăm chăm nhìn về phía trước như đang thiền. Có lẽ do nín nhịn nổi bực dọc nên khuôn mặt sư đồ bùng trong sự im lặng kéo dài cho đến khi xe vào bến.

Nhà sư ngồi tại chỗ, nhường lối cho mọi người xuống trước. Khi khách trên xe đã vãn, bà mặc áo xanh lúc này bước tới trước nhà sư: “Thưa thầy, tôi xin cúng dường”; vừa nói bà ta vừa đưa ra tờ bạc một trăm ngàn đồng, vẻ cung kính. Nhà sư từ chối: “Cảm ơn chị nhưng đây không phải chỗ”. Nữ thí chủ bối rối, giọng nặng trĩu ưu tư: “Lúc này tôi lỡ lời với thầy, áy náy quá!”. Thấy người đàn bà cứ nấn ná đường như không thể yên lòng mà rời xe, nhà sư nhẹ nhàng: “Tôi chia sẻ tâm trạng của chị. Nhưng sau đây, nếu chị vẫn còn tâm trạng ấy thì người áy náy lại chính là tôi đấy”.

Họ chia tay với vẻ thanh thản ngồi trên nét mặt.

Phú bạn vong niên

(Kính tặng một người bạn, 74 tuổi, hiện hưởng tuổi già ở Hương Hồ, Thừa Thiên Huế)

Ai kia!
Không lỗi đạo với mẹ cha,
Lại vẹn tình cùng bè bạn.
Thân gầy que củi trong bóng cây râm,
Tóc trắng bông lau giữa mùa gió loạn.
Ngoài bảy mươi tuổi vẫn xưng xăng cười nói, dẫu ai
than tử ấy vốn vô kỳ
Suốt năm chục năm cứ lầy lắt ắt ăn mẩn, mặc kẻ trách
sinh kia là hữu hạn.

Hỏi mới biết.
Con nhà khốn khó, sống ở làng quê,
Dân xã nghèo nàn, bám vào ruộng cạn.
Mương kênh bờ hói, đặt lờ bắt cá, thích thú thay trò
nghịch tuổi thơ,
Cổn mả bãi hoang, cất cò chẵn trâu, vất vả thật việc
nhà đồng áng.
Ngày mới lớn học đòi dăm ba chữ, lòng như mê đắm
với bút nghiên,
Thuở còn thơ nghe lỏm mấy mươi câu, trí đã nậy khôn
cùng năm tháng.
Yêu đất nước, từng điệu hò bản nhạc, hát miên man
mỗi sớm, mỗi chiều,
Mến xóm làng, bao tục ngữ ca dao, nhớ căn kẻ từng
câu, từng đoạn.
Thế noi gương anh hùng,
Quyết sống đời bi tráng.
Về quốc đoàn xung phong đi thuở trước, gai chông
đầu nân chí, lòng nòn nao góp sức đuổi thù,
Lính Cộng hòa cường bách gọi buổi sau, súng đạn
chẳng cam lòng, thân o ép lập mưu chống báng.
Tình ba năm nhớ thương khôn xiết, thư đi về ngổ ỷ
mến lời yêu,
Nghĩa trăm dặm xa ngái nào ngăn, lễ cưới hỏi nên
duyên loan nọ phụng.
Miệt Thúy Vân gõ đầu con nít, học trò nay nhiều đứa
bạc đầu,
Nhà Thương Huế khâu bụng ông già, bệnh nhân xưa
hiếm người tàn mạng.
Âm thầm hoạt động, giao liên, móc nối, kẻ vai sát
cánh những anh em,
Lén lút tuyên truyền, in ấn, xuống đường, núp bụi ngủ
chùa thời hiểm nạn.
Hợp cùng bàn bao phen tranh cãi, để gì không vất óc
vò đầu,
Lao với tù mấy bận vô ra, khó tránh khỏi trầy da sứt trán.
Mới bảy lăm, thân thấy ký Thông tin Văn hóa, ôi ôi
chội chội, đâu kể gian nan,
Qua tám mốt, vai thợ xay Bốn Phố Hương An, dờ dờ

ương ương, xiết bao ngao ngán.
Lúc thấy, lúc tỏ, lúc dần, lúc lỉnh, thôi ôi thôi, nghề
nghiep đa đoan,
Khi chú, khi anh, khi cậu, khi ông, hồi ơi hồi, xưng hô
loáng quáng.
Ngồi ngẫm lại, trải mấy triều hưng phế, sao một trời
lòng thấy xót xa,
Năm suy đi, qua bao độ thăng trầm, vẫn mấy hướng
mắt trông đòi đoạn.

Ôi thôi!
Ngán lúc hanh thông,
Cười cơn hoạn nạn.
Quê cũ về, bới đào vườn tược, cây trái chăm nom,
Nhà hư sửa, hương khói mộ phần, vợ con buôn bán.

Bây chừ,
Vui là vui với đá với hoa,
Thú ấy thú cùng bầu cùng bạn.
Chén trà cũ, vị hương nhàn nhạt, nghe say sưa người
nói, mấy cũng không vừa,
Điều thuốc đen, mùi khói hắc hăng, nói hoài hủ
chúng nghe, mà đâu có chán.
Ngứa tai gai mắt, mở miệng chửi bao đứa thời cơ,
Sôi ruột căm gan, múa bút phang mấy thằng thù đoạn.
Thịt rừng thơm ngồi yên không gắp, rằng chỉ còn vài
cái cho người,
Cá biển ngọt đứng phắc mà dòm, lưới vốn có một
thằng để trặng.
Cơm vài quơ thôi đủ, rau dưa cho có, thùng thẳng đi
tới mếp tử sinh
Rượu mấy chén đã bưa, khô mắm cũng không,
chuyển choáng bước qua bờ tối sáng.

Xin mừng bác,
Rì mới trọn, cái phận lão lai
Rứa là yên, một thời tài tặn.
Thanh bán lạc đạo, nhìn cháu con mà ngẫm việc xưa nay
Ồn cố tri tân, gọi đầu rể cùng soi điều sâu cạn.

Ôi thôi!
Được rửa quả quý rồi
Mong chi điều quá đáng
Cầu dài ngày theo bác lãng du,
Xin ngắn phút xót thân sĩ hoạn.

Chân tình,
Phụng tặng

Nguyễn Phúc Vĩnh Ba



Chuyến đò sông quê

TRẦN VĂN HẠC

Bồng bênh sóng nước đò xưa
 Vẳng xao xác gió lời ru thuở nào
 Cánh cò chở nắng nghiêng chao
 Sông gầy bóng mẹ đổ vào chiều hôm
 Lời ru vời vợi nước non
 Cánh bướm cổ tích dập dờn trong mưa
 Bến đò xưa, chuyến đò xưa
 Sóng sông cuộn cuộn xô bờ nơi con
 Đường dài rợp bóng Thái Sơn
 Mãi thơm ngọt mát suối nguồn ban mai
 Con đi biển rộng sông dài
 Mệnh mang sóng nước những lời mẹ ru
 Cồn cào nhớ bến đò xưa
 Mẹ dang tay chặn gió mưa bốn bề
 Chuyến đò bến nước sông quê
 Tiếng ru dậy sóng nghiêng về nơi con.



Gió đông

HUỆ GIÁO

Ngược gió
 đầu thông lay
 tiếng reo
 vỗ nhau
 kêu xào xạc
 mây mù
 giăng núi tuyết
 tối cả bầu trời
 nghìn hoa rụng xuống
 xơ xác
 trải dài một quãng đường
 người trông
 tâm tĩnh lặng
 an nhiên
 cuộc đời.



Tuyết đông

Hạt lớn hạt nhỏ
 tung tăng ngang trời
 đậu trên cành lá
 động tổ chim reo.

Về từ thình không
 Mang một màu trắng
 Kết thành lụa mỏng
 Tạo nên áo trời.

Sợi ngắn sợi dài
 Xen ngang cành lá
 Không một màu bạc
 Mang khối tình chung.

Mùa tuyết đông về
 Như ngàn nhành lá
 Vỗ đời ngủ yên
 Hòa chung buốt giá.

Từng hạt từng hạt
 nổi đầy thời gian
 không trung vắng lặng
 hội tụ kiếp người.

Thơ Haiku

NGUYỄN THÁNH NGÃ

chim trong lùm cây
tiếng chim sâu
gọi vợ

cây rom nhà ai
đơn độc chim sẻ mái
tha nắng vàng qua sông

đêm dài như tiếng vạc
vừa bay qua nóc nhà
bóng đêm không tỳ vết

mắc trong lưới nhện
trăng non vẩy vũng
ngó ngác làm sao

cò trắng hòa bình
ai gieo phát súng
cánh đồng bị thương!?

nước lũ xô cầu
uớt nhoe trang sách
cò bé bên sông.

Tìm nơi trú ngụ tâm hồn

LÊ HUỖNH LÂM

đường cong
ranh giới tối sáng
hàng triệu con tim đợi nón
đi tìm nơi trú ngụ
trên những cánh đồng in dấu chân lạ xa

đường cong
ranh giới thiện ác
hàng triệu cái đầu đóng cùng tín điều ngoại nhập
xóa nhòa sự sạch
vũ điệu mang hình chiếc búa
ngụy tin với tổ tiên

đường cong
cha ông gây dựng cơ đồ
mơ hồ dấu tích xưa
con mưa trái mùa hành quân về nguồn cội
gieo những nỗi buồn triu nặng trên gương mặt người nông dân
còn đâu thánh thần?

đường cong
về một vòng đất nước
bước về đâu cũng chạm vong hồn
buổi chiều mang mang màu sông núi
tôi – một hạt bụi biết ưu phiền

hỡi những đường cong
ngàn năm làm nên lịch sử
chỉ cho tôi nơi trú ngụ tâm hồn!

Bước qua hai thế giới

NHUY NGUYỄN

Mẹ không phải dậy sớm như trước đây, hồi chỉ có tôi và mẹ; mà hình như bây giờ mẹ không được phép dậy sớm hơn người đàn ông ấy.

Tôi thấy mẹ suốt ngày vui đầu trong bếp. Trừ khoảng thời gian dọn dẹp nhà cửa, đi chợ về là mẹ vào bếp sửa soạn món ăn. Nhưng không phải cho tôi. Cứ tới bữa, mẹ xúc cho tôi tô cơm, bỏ lên ít đồ ăn, và tôi bung vào phòng riêng nhai một mình. Mẹ cùng người đàn ông ăn ở phòng khác. Khi mâm cơm được bưng xuống, mẹ tranh thủ thời gian rửa chén bát, lúc người đàn ông xoa chân xoa tay trước màn hình video, để tôi thưởng thức thứ thức ăn ngon lành nhưng vụn nát còn lại trên đĩa. Mẹ nhìn, cười, rồi khóc. Tôi hỏi nguyên do những giọt nước mắt ấy, mẹ bảo, khi vui nhiều người ta thường vẫn khóc.

Người đàn ông không nặng lời hay đánh đập tôi? Có phải vì ông không thấy tôi tồn tại trước mắt mình. Không. Ông hay nhìn tôi lắm. Chỉ nhìn. Nhiều trường hợp, tôi nghĩ ông phải đánh tôi rất đau chứ. Nhưng ông chỉ nhìn. Chỉ nhìn. Nhìn cho tới lúc nào tôi như con chó cụp đuôi bước tới xó nhà nằm xuống thì ông mới thôi. Đi đâu về, nếu không vệ sinh, ông ào ngay vào phòng mình. Một căn phòng rất đặc biệt, bởi lần tôi gọi mãi, mẹ mở cửa tức thì âm thanh trong đó dội tôi bật ngược trở ra. Mẹ tôi và người đàn ông ấy có to tiếng với nhau? Tôi chẳng bao giờ nghe được gì cả. Từ đó, khi cánh cửa phòng kia khép lại, tôi không gọi mẹ nữa. Thường đêm, mẹ luôn bảo tôi ngủ trước, mẹ sẽ ngủ với tôi sau. Mẹ dối. Có đêm tôi thức mãi, mãi. Tôi thấy mẹ len lén vén màn nằm xuống bên, không dám ngủ. Mẹ nằm một lúc, rồi dậy, về với căn phòng kín.

* * *

Tôi hỏi: "Sao mẹ để hoa trong bếp thế này. Mẹ mua hoa làm gì?" Mẹ không trả lời (như không nhìn thấy tôi?), bắc nồi nước lã lên bếp, mới cắm hoa ra bể nước. Hoa cúc, mẹ cắt phần rễ xối sạch.

Mẹ mở vung nồi, nước chưa sôi song mẹ đã trút hai nắm gạo vào đó, khuấy đều. "Hôm nay mẹ không mua

đồ ăn chi cả?". Tôi lại hỏi, vẫn biết không phải hỏi cho tôi mà cũng chẳng ích gì cho tôi.

"Đi... đi ra ngoài... Có chi đây mà chực!"

Tôi giận mẹ. Tui. Tôi bước ra hiên ngồi xo ro. Thấy có ai chạm vào mình. Con chó hàng xóm. Nó thường qua ăn chực nhà tôi. Nhà tôi toàn đồ ngon, nó chỉ dùng xương xóc thôi cũng đủ no rồi. Vậy là... tôi trách nhảm mẹ. Té ra hồi này mẹ đuổi con chó chứ không phải tôi. Tôi nhìn vào bếp. Định chạy lại với mẹ, thấy mẹ mớ hôi nhể nhại lui cui với náo hột đỏ, vàng mã, hình nộm... nên thôi. Con chó chọt sủa. Cái mồm nó gác bên tai tôi mà sủa. Tôi vụt đứng dậy, bực tức đá một cái mạnh vào hông nó... Nó ằng khi nếm một chiếc dép từ tay người đàn ông của mẹ. Trời, tôi tự nhủ sao ông ta ác thế. Tôi nhìn con chó ă... ă... ă... ng... cuối góc vườn mà không dám bước tới. Sợ người đàn ông lại nhìn tôi hoặc huơ. Cứ nhìn. Nhìn cho tới lúc tôi "cụp đuôi". Cặp mắt của ông, tôi không tin nổi hồi đêm, thay vì mẹ tôi, lại mò mẫm tới bên tôi... Tôi không nhớ người đàn ông có nằm xuống bên tôi, vỗ về chốc lát tôi như mẹ? Tôi không nhớ mà! Cái đầu tôi có vấn đề thật. Tôi cũng không nhớ sáng nay tôi đã dậy lúc mấy giờ. Mẹ dậy lúc mấy giờ, đi chợ lúc mấy giờ để rồi mua về, không phải là thịt cá mà một mớ bông ba hoa quả, và cả nhang!

Con chó đã biến đâu mất. Tôi thấy người đàn ông nói gì với mẹ, rồi mẹ theo ông vào căn phòng kín, đóng cửa lại... Tôi bỏ đi, qua nhà hàng xóm tìm con chó.

Không có mống đàn bà nào ở nhà nó. Tôi là con gái, thấy vậy cũng không dám bước vào, đứng cạnh cái am mé bên cổng, dòm. Con chó đâu vẫn chưa về. Mùi rượu. Mùi quen thuộc tôi từng ngửi thấy ở nhà, nhưng lúc người đàn ông của mẹ dẫn mấy người đàn ông lạ mặt khác đến, vừa xem phim "người lớn" vừa uống. Còn mẹ tôi thì xào xào nấu nấu đổi món liên tục. Tôi nín, sung sướng, mà con chó cũng vậy. Riêng mẹ không ăn. Mẹ bảo chờ cho người ta nhậu xong, về hết đã. Ăn trước mẹ đau xóc. Tôi không hiểu gì.

Mùi thơm của thức ăn cũng xốc vào mũi tôi. Nước miếng tôi trào ra. Tôi còn ngửi thấy mùi của lá mơ, mùi sả... Những lời nói tục tiêu văng tung tóe trên chiếu nhậu. Tôi thì không dám tới gần nhưng con chó sao không mau về để lỡ mất một bữa thịnh soạn.

Có mùi nhang len tới mũi. Mùi nhang kéo tôi trở lại nhà mình. Trên cái bàn thờ nhỏ, rất cao, mẹ đứng trên bàn van vái. Tôi cố ngước... Thấy người nhẹ bẫng, như được nâng khỏi mặt đất. Tôi thấy một phản tư khuôn ảnh trên bàn thờ, quen quen...

Con chó. Nó cắn vào ống quần tôi xuống. Tôi nhìn nó. Nó hắt mồm ra ngoài, sủa, lại chạy vào ngoạm ống quần tôi. Tôi chưa muốn đi. Bởi tôi thấy người đàn ông bước ra, tới cửa kéo mẹ tôi vào phòng kín và đẩy mẹ bỏ nhào xuống giường. Tôi liếc mình đứng ngó qua khe cửa

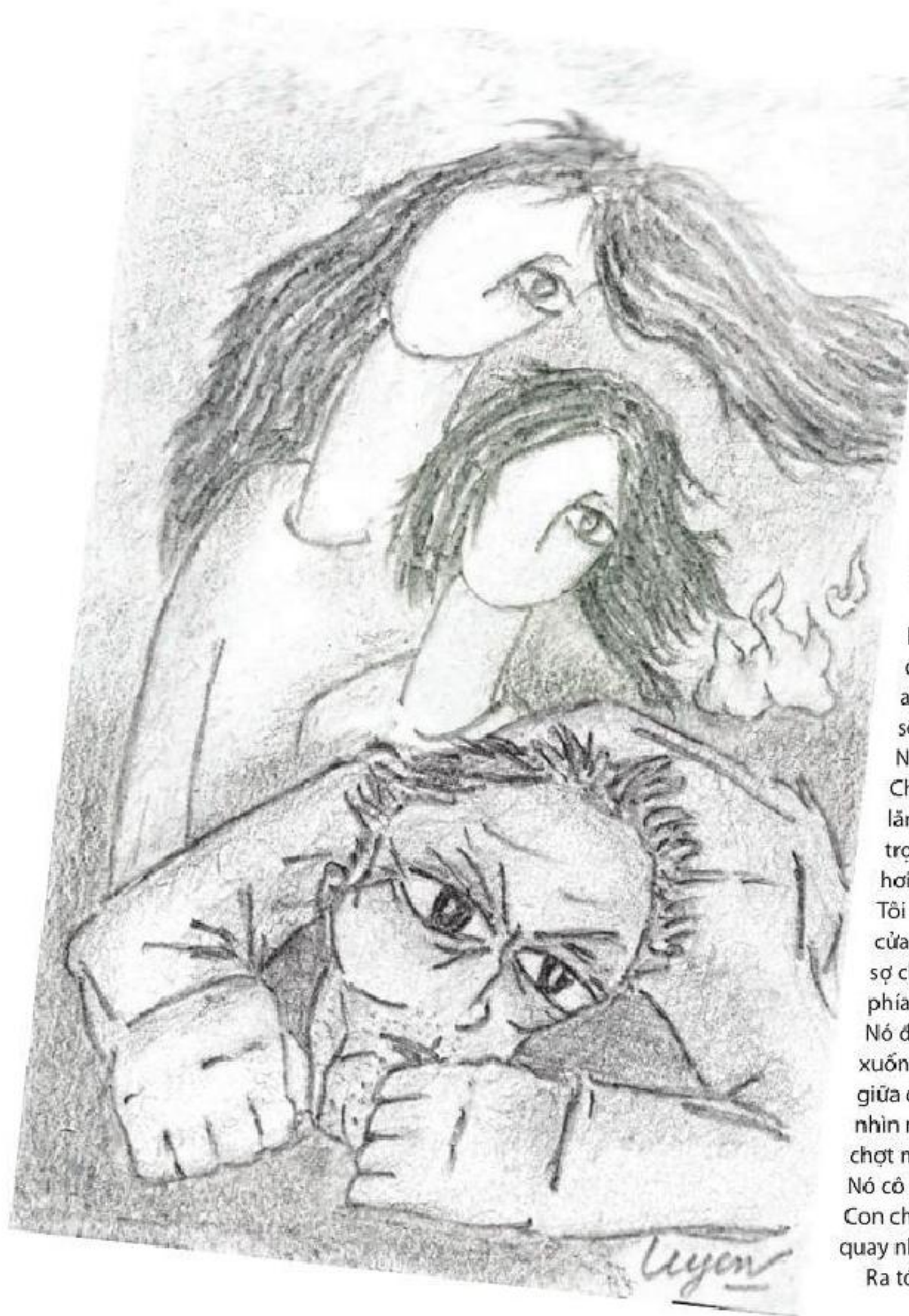
khép chưa thật kín. Người đàn ông độc ác! Tôi toan thét lên khi thấy ông ta không cho mẹ mặc quần áo gì cả. Trời thì lạnh. Tôi run lên vì lạnh. Người đàn ông bật máy. Cánh cửa khép hờ, nhốt âm thanh. Con chó sủa rầm trời. Tại tôi điếc đặc, chỉ biết nó đang xóc nổi toàn bộ ruột gan của mình để sủa. Không nghe, tôi không bực, tôi bước ra xem nó định làm gì. Nó cứ chạy một đoạn thì thụt lùi, sủa. Nó dẫn tôi đi đâu. Trên đường, tôi gặp rất nhiều người. Tôi tránh sát mé đường. Họ xem đó như chuyện lạ, cứ quay nhìn khi tôi đã đi xa.

* * *

Ngôi nhà người đàn ông của mẹ nằm dưới chân núi. Núi toàn mồ mả. Mả ở sau nhà tôi, chỉ chút nơi đất hoang. Tôi chưa bao giờ ra khỏi nhà vào đêm, kể cả những đêm trăng sáng đến đọc được cả tên tuổi trên bia. Tôi chưa bao giờ dám bước vào căn phòng nhốt được âm thanh bên cạnh phòng tôi. Trừ những giờ ngủ, còn lại tôi lang thang khắp nẻo đường bia mộ. Mẹ cũng không muốn tôi có mặt khi mẹ ở nhà mà có người đàn ông. Cũng vì đó mẹ thường đi tìm tôi, gọi tôi khắp ngọn đồi ma những khi người đàn ông vù xe biến mất.

Tôi theo con chó một đoạn thì biết nó sẽ dẫn tôi tới đâu. Nhất định có một ngôi mộ mới, hoặc có ai lên đó thắp nhang ở mộ. Tôi và nó sẽ có những thứ mà chúng tôi thích. Ngôi nhà nó ở vẫn ồn ào và tục tĩu. Chủ nhân của nó là tay chuyên xây lăng mộ, chắc nhờ vậy lão có ma phù trợ. Thoáng nghĩ. Con chó thấy tôi hơi khựng lại thì băng nhặng sủa gằn. Tôi lại theo. Nó không dẫn tôi theo cửa chính; hình như hôm nay nó rất sợ chủ nhân nên đã dẫn tôi đi vòng ra phía sau để tới một con mương nhỏ. Nó đứng trên đó, ngước cổ tru. Tôi ngó xuống, thấy lòng nhùng một đồng lòng, giữa đấy trồi lên mấy cái chân chó... Tôi nhìn nó cảm thông. Bạn của mày hả? Rồi chợt nghĩ. Lâu nay tôi đâu thấy bạn nó. Nó cô đơn với đồng loại ở đối ma này mà! Con chó sủa ằng. Chạy. Một quãng, nó quay nhìn tôi, đợi.

Ra tới vùng đất trống ở phía sau chân



đổi thì chiều đã vội. Thời gian chỉ lạ. Hồi đêm, lúc người đàn ông mò mẫm tới giường... Tôi hơi khó thở... rồi cũng ngủ cho tới lúc... tôi không nhớ. Chỉ thấy mẹ đang nấu cháo trắng, rửa hoa... bây giờ đã chập choạng. Thời gian trôi mau chỉ lạ. Mà, ngày hôm nay, tôi nhớ là mình chưa bỏ gì vào bụng. Cũng không thấy đói. Cũng không thấy mẹ vòng vèo khắp đời mà tìm tôi, gọi tôi về ăn cơm? Con chó trước tôi vài chục thước. Nó đứng lại ở một khoảnh đất, chồm hồm ngồi trên đó mà tru. Tru một hồi, nó bơi bằng hai chân trước. Vừa nhìn tôi vừa bơi. Mắt đục ngầu. Tôi lắc đầu. Không có ngôi mộ mới nào hết. Nghĩa là không có gì dành cho tôi và nó. Tôi quả không thấy đói, song miệng vẫn muốn ăn một cái gì đó.

Bóng người lộ ra. Là người thật chứ không phải bóng. Mẹ tôi. Mẹ xách cái làn như thường khi ra chợ. Con chó thấy trước. Nó lao tới bên tôi, ngồi xuống nhìn về phía mẹ tôi, lè lưỡi thờ. Ban đầu tôi nghĩ mẹ mang cơm ra cho tôi song tôi chợt thấy mình hư. Mẹ mắt nhắm tôi từ sáng, đến bây giờ chiều sắp hết. Gió lạnh đã lồng lên. Chắc hẳn mẹ đã đi tìm, gọi. Tôi chưa bị đánh vì tội bỏ nhà qua bữa đã may. Tôi và chó lùi ra một quãng, đứng im, nhìn mẹ bước tới từ xa, thăm dò cử chỉ trên khuôn mặt mẹ.

Mẹ không đoái hoài đến tôi. Mặt mẹ tím lại. Vì giận tôi. Vì lạnh. Hay vì người đàn ông. Mẹ ngồi bệt xuống chỗ con chó vừa bơi. Tôi để ý mới thấy, mặt đất vẫn y nguyên, thậm chí không một vết cào. Khắc con chó bên tôi, mẹ dùng mười ngón tay vun lên từng nắm đất. Vun lên thành nắm mộ nhỏ. Mẹ bày hột nổ, hoa quả, cháo trắng. Thắp nhang. Mẹ khóc. Nước mắt tuôn ra, tưởng có thể rửa sạch đôi bàn tay lấm lem đất, và cả máu kia nữa. Mẹ khóc ai? Tôi không biết mà. Hay, mẹ khóc cha tôi. Nhưng cha tôi là ai? Tôi đâu biết cha tôi là ai. Tôi nhớ không rõ lắm, hồi còn chưa biết chạy, mẹ có bóng tôi tới thăm một nơi... Mẹ chỉ cho tôi người đàn ông nằm trên chiếc ra trắng. Sau đấy mẹ gửi tôi cho người khác, mở cánh cửa kính căn phòng cách ly, vào với... cha (?) Tôi không nhớ rõ khuôn mặt ấy nữa. Liệu có phải cha tôi.

* * *

Người đã đông dần lên. Trong đêm, mà tôi nhìn rất rõ. Bạt ngàn người quanh lối nhỏ những mả mồ. Người ngồi, người đứng, người nằm, người trò chuyện, và cả người từ đầu rải dọc theo con đường tôi chạy về nhà trong nỗi kinh hoàng khiếp sợ. Tôi không biết hôm nay là ngày gì mà người người kéo về ngọn đồi ma nhiều đến thế. Tôi thọc vào phòng mình đóng kín cửa lại. Con chó, nó luồn vào từ hồi nào đã ngồi dưới chân tôi? Tôi vô cảm với nó, nằm xoài ra. Phải ngủ thôi. Ngủ mau thôi. Quờ tay tìm chiếc gối... không thấy. Tôi vùng dậy... tuôn cửa ra ngoài, định qua căn phòng kín. Căn phòng đã khép. Tôi mờ mờ nhìn thấy người đàn ông đang hít một thứ gì đó vào mũi... Còn mẹ tôi thì bất động như một xác chết, mặt vùi vào gối. Có mùi... không phải nhang. Mùi khét từ cuối vườn. Ở đấy

những hạt lửa chốc chốc lại tóe lên. Tôi bỗng bệnh tới đó. Không tin được: những thứ trên giường tôi nằm đang dần chảy rui: gối, chăn, chiếu... khét lẹt.

Con chó chồm thẳng mồm vào mặt tôi (đang tái dần) mà sủa. Rồi bỏ mặc tôi, nó dẹo dẹo bước về phía ngọn đồi được lợp bằng những mộ.

* * *

Mẹ quàng lấy tôi. Tôi hất mẹ ra. Mẹ càng riết mạnh. Mẹ khóc.

"Mẹ vào với ông ta đi!"

"Không. Con. Mẹ chỉ có con. Không có con, mẹ không sống làm gì".

"Mẹ dối. Cả sáng nay cho tới giờ, mẹ không hỏi con một câu. Mẹ coi như không có con."

"Con ơi... Con không biết sao? Con chết từ đêm qua kia mà. Hân đã bóp cổ con..."

"Sao??"

Tôi vùng đứng dậy.

Mẹ tôi cúi mặt xuống.

"Mẹ cũng chết rồi đây. Lại đây con... Hai mẹ con ta đã chết. Hai mẹ con ta giờ là âm hồn. Con không tin à. Con nhìn vào căn phòng kia đi. Xác mẹ nằm trên đó... Mẹ tính chịu nhục lần cuối để giết hân, nhưng..."

Trong căn phòng kín, người đàn ông kia đang hít thứ thuốc màu trắng. Mắt dại đi. Hơi nóng còn bốc lên từ máu... Tôi vỗ tới. Vô dụng. Tôi không chạm được vào bất cứ vật gì để làm hung khí. Mẹ kéo tôi lại.

"Ta đi thôi con".

"Không! Còn mẹ ở trong kia..."

"Rồi ông ta sẽ vùi vào đất như vùi con, cái nơi mà chiều nay mẹ đã vun thành nắm mộ... Đi nào. Hai mẹ con ta sẽ đi tìm cha con. Ngoài ngọn đồi kia..."

* * *

Người đàn ông, hân đổ sụp xuống người đàn bà. Phút chốc. Nhận ra cái xác. Hân giật nổi. Ở chốn heo hút vùng đồi này, kể cả căn phòng nhốt âm thanh cũng không đảm bảo việc người đời sẽ không ngửi thấy mùi xác thối. Trong đầu hân lóe lên một ý nghĩ, vụt sáng như đốm lửa... Đốm lửa liếm vào tấm chăn. Thuốc phiện đã ngấm, óc hân mụ đi. Hân chỉ nghĩ đốm lửa sẽ phi tang cái xác, phi tang ngôi nhà. Ngoài hân. Nhưng đốm lửa đã lớn thành ngọn lửa, loang ra liếm cả vào sổ thuốc phiện hân giấu dưới đáy tủ. Đôi tay quờ quạng, vươn dài tìm nắm đấm cửa... Phê thuốc, hân dại đi. Lửa bùng trong mắt.

* * *

Hai mẹ con dắt nhau bước vội ra gần tới đồi mộ, chợt có Người đuổi theo sau. Trời đã tối sẫm, họ không nhìn rõ mặt. ■



1. Hồn lau

Chuyến xe Bắc Nam lăm lăm băng đèo trong cái rét căm căm của tháng dẫn vào Chạp. Chiếc đồng hồ gắn trên xe chỉ đã một giờ khuya. Trong xe mọi người đã ngủ say. Tôi cũng đã chợp mắt được một lúc, nhưng cái chòng chành của xe lúc leo đèo đã làm tôi chợt tỉnh. Bên ngoài đêm núi rừng thăm thẳm. Hoành Sơn nhất đại là chốn này đây. Trước đây và trước đây nữa, ai người qua thấy chạnh lòng vì... Đêm trôi bỏ những xác tín của ngày. Chập chờn sắc đêm chạm trắng không chân trời. Đang miên man nghĩ, bỗng giật mình vì một bóng trắng huyền hoặc mơ hồ lướt qua xe. Trong ánh đèn pha, tôi nhận ra sắc trắng mong manh phất phơ trong gió. Chợt thảng thốt: hồn lau...

Đúng là *hồn lau*. Gọi đúng hồn lau thì có lẽ Quang Dũng là người đầu tiên. Cũng như thế, những câu thơ tài hoa nhất trong một bài thơ tài hoa gọi hồn cả một vùng biên giới: *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy - Có thấy hồn lau nẻo bến bờ - Có nhớ dáng người trên độc mộc - Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa...*

Hồn lau ấy, gọi về cả hồn phương Đông xưa.

2. Trôi trên dòng thời gian

Trong thơ cổ phương Đông, hồn lau đi về không đếm hết. Cảm thức Nhật Bản coi *susuki* là một *kigo* (quý ngữ), một tín hiệu mùa. Trong thơ cổ Việt Nam và Trung Hoa, thi liệu dật nên bức tranh thu đẹp buồn ngoài lá đỏ, gió vàng, sương mờ, trăng thu, ắt không thể thiếu lau. Với sắc thu trắng, *dáng thu* gầy, *tiếng thu* xao xác, lau thực sự đã gọi được cả *hồn thu*. *Thu* đậu lên tâm hóa *Sầu*, lòng khách nào.

Vì vậy mà tám bài *Thu hứng* của Đỗ Phủ có bông lau dưới trăng ánh bạc: *Thỉnh khan thạch thượng đằng la nguyệt - Dĩ ánh châu tiền lô dịch hoa*. Làm nền cho bức tranh tiền đưa trên bến Tầm Dương thêm man mác không thể thiếu *dịch hoa* lúc *quạnh hơi thu lau lách đìu hiu* (Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị). Người ta còn nhớ những câu thơ kiệt tác của Tiền Khởi trong bài *Giang hành: Nhiệm quân lô vĩ ngạn - Chung dạ động thu thanh*. Mặc cho lau sậy bên bờ - Suốt đêm rộn tiếng tha hồ tiếng thu... Những câu thơ tuyệt diệu nhất của *Truyện Kiều* khắc họa tâm trạng có lau góp mặt: *Vì lô san sát hơi may - Một trời thu để riêng ai một người...* Thân phận Kiều, sắc trắng trở mình trong cơn tạo

xoay vẩn giữa tài hoa và mệnh bạc như ngọn lau phất phơ trong gió *Thác là thể phách còn là tinh anh*.

Địch, vi, lô... hay cũng là *lau, lách, sậy, cỏ bông bạc...* là những loài cây thuộc họ *Hòa thảo* (Poaceae). Hoa nở miên man từ chớm thu đến cuối đông. Cây sinh sôi bất tận nơi những vùng đất hoang vu, đặc biệt là vùng sông nước. Nền văn hóa nông nghiệp lúa nước như Trung Hoa và Việt Nam vốn gắn với những dòng sông lau sậy bạt ngàn. Người đọc hay gặp trong thơ xưa môtip quen thuộc *dòng sông - khóm lau - con thuyền* là vậy. Như bài *Phiếm chu* của Huyền Quang: *Tiểu đĩnh thừa phong phiếm diêu mang - Sơn thanh thủy lục hựu thu quang - Sở thanh ngư địch lô hoa ngoại - Nguyệt lạc ba tâm giang mãn sương*. Hồn thu tiêu sơ ấy còn nổi sang cả thời Thơ mới đầu thế kỷ XX, thậm chí kéo dài sang thiên niên kỷ mới. Không gian nghệ thuật được nội cảm hóa, mang đậm dấu ấn chủ quan của tác giả với những nỗi niềm không rõ thì vẫn không hề xa lạ trong truyền thống thẩm mỹ *Nghe chừng gió ý qua sông - E bên lau lách thuyền không vắng bờ* (Xuân Diệu), *Đôi bờ lau lách đầu hiu tím - Gom buồn lên ngọn gió heo may* (Ngô Văn Phú)...

Hồn lau buồn. Nguyễn Bính và Đỗ Hữu gọi nỗi buồn ấy bằng một tên chung: *sầu lau lách*. *Chênh chênh bóng ngả sầu lau lách* (Nguyễn Bính). Có một *Việt Bắc* hát hiu lau xám mà đậm đà lòng son của Tố Hữu, lại cũng có một *Chiều Việt Bắc* của Đỗ Hữu hun hút buồn xưa: *Buồn xưa chiều đọng sầu lau lách, với Khói thuốc lên mờ xanh bóng ai - Phương xa chiều xuống ngút sông dài - Đường kia có phải sầu xưa đọng? - Trờ bước, hoa lau trắng ngập đôi...*

Buồn, có lẽ vì dáng lay lắt của lau, cứ ơ hờ theo gió mà lay. Lay từ nghìn xưa: *Ai về giống Dừa qua tròng - Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em* (Ca dao). Dòng nước ơ hờ trôi,

lau soi bóng xuống mặt sông như thấy cả cuộc đời mình. *Đổ bờ sông vắng con thuyền bé - Cạnh khóm lau già gió lắt lay* (Thế Lữ) là nỗi niềm người kỹ nữ *Bên sông* đưa khách. *Đầy thôn Vĩ Dạ* buồn cũng từ dáng lay lắt ấy, mong manh niềm dự cảm, mong manh kiếp người: *Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay* (Hàn Mặc Tử)... Kiếp lau ngắn ngủi chóng tàn, nở trong gió rồi thả hồn theo gió, nên sắc trắng bông lau gợi nhớ sự hữu hạn của kiếp người. Người nghệ sĩ nọ *chiều hôm thức dậy, ngối ôm tóc dài*, chợt thấy tóc mình lau trắng: *Chập chờn lau trắng trong tay...*

Buồn như lau và hiền như lau. Như người con gái. Vì vậy mà đã có *dáng liễu* trong thơ cổ, lại có *dáng lau* trong thơ hiện đại. Một thời *Ngày xưa Hoàng thị* cho ai mãi miết đi tìm *Anh tìm theo Ngõ - Dáng lau lách buồn* (Phạm Thiên Thư). Người con gái nào thoáng hiện như một hư ảnh *Thân mong manh như lau sậy* hiện trong *Niu tay nghìn trùng* của Trịnh Công Sơn?

Lau còn mang bản chất *Thiên* trong sắc trắng hư không. Trong *hiện-hữu - khoảnh-khắc*. Mang *Hương vị của Đất* từ bông sen trắng trong *Trái tim của Bụt* mà *Thả một bè lau* (Nhất Hạnh). Người nghệ sĩ lang thang qua đời thấy mình như con chim nhỏ hót chơi đầu ngọn lau. Nguyên Sa nhìn ra cái có trong cái không, huyền diệu đôi bờ hư - thực: *Anh nhớ sông có nguyệt lạ lung - Có trời lau lách chỗ hư không - Em tìm âu yếm trong đôi mắt - Thấy cả vô cùng dưới đáy sông* (Em gầy như liễu trong thơ cổ).

Có lẽ, lau sống hết kiếp của mình trong chiều dài của một ngọn gió.

3. Hoa lau trắng suốt một thời quá khứ

Trên mảnh đất Việt Nam lắm nắng, nhiều mưa, bạt ngàn



gió, từ nghìn xưa đất và người đã mang hồn lau lách. Lịch sử mang gươm đi mở nước là lịch sử vệt bờ lau lách mà đi. Đến bây giờ tên đất còn âm vang những *Vĩ Dạ - đồng nội lau lách*, *Nha Trang - theo tiếng Chấm là dòng sông lau lách... Luống ngạn vì lò trường đào hải* - hai bờ lau trắng tới miền biển xa. *Hà Tiên thập vịnh* của Nguyễn Cư Trinh ca ngợi mười cảnh đẹp Hà Tiên còn ghi lại thuở người sống giữa ngàn lau: *Ngư gia doanh đội nguyệt tăng tăng - Lậu xuất từng lô kỷ điểm đăng* (Lư Khê ngư bạc). Cùng với bước chân tiến về Nam, văn chương cũng dần mang hồn lau lách mộc mạc, quê mùa mà trở thành "xuyên trạch bổ vi chi văn" (văn chương sông chằm lau lách) khác hẳn loại "văn chương lang miếu đài các" như tuyên ngôn của Nguyễn Thông. Nhà thơ Xuân Quỳnh đã đi đến tận cùng xứ sở, nhận ra hoa lau trắng suốt một thời quá khứ. Nhành lau nào đã theo cậu bé chăn trâu làm cò, sau này cậu bé năm nào trở thành *Vạn Thắng Vương*? Nhành lau nào theo chiến dịch Biên giới để cái tên Đèo Bông Lau còn vang vọng? Dịu dàng mà bất khuất, mong manh mà bền bỉ, gọi hồn lau mà như thể gọi người: *Ai đi biên giới cho lòng ta theo với - Thăm ngàn lau chỉ trắng có một mình - Trắng bạt ngàn đến tận cùng bờ cõi - Suốt một đời cùng với gió giao tranh* (Chế Lan Viên).

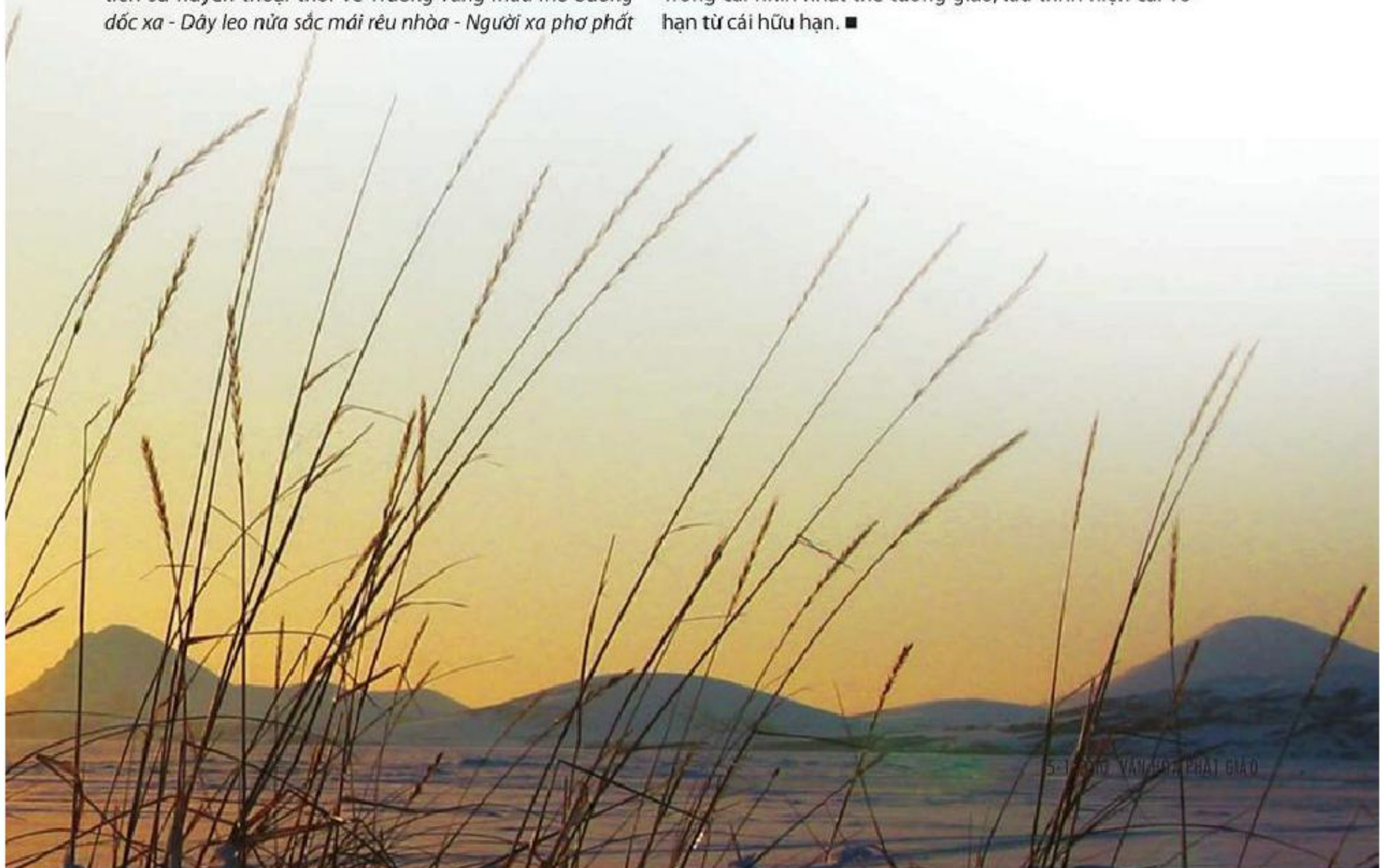
Lý tưởng Rilke một đời theo đuổi là hòa nhập vào bản thân sự vật, coi "sự chân thực của vật cùng tồn tại như tình cảm". Ấy là sự *nhập thần* ở phương Đông. Hồn lau mong manh phơ phất cuối thu kéo dài theo những con nước trắng đông... Dòng sông thơ trắng lách lau. Ấy nơi... thì thoảng nên ta hậu tình. Xác lau mang hồn người không có tuổi. Hồn lau trong gió buồn vắng lặng tờ như từ bờ tiền sử huyền thoại thổi về *Trường vắng mưa mờ buồn đóc xa - Dây leo nửa sắc mái rêu nhà - Người xa phơ phất*

hồn lau gió - Thổi trắng chân đôi như khói pha (*Hoa lau trường cũ* - Hoàng Hữu).

4. Nhỡn nhớ phơ sắc cùng gió thu

Một dải đèo Ngang sừng sững đã lùi lại phía sau. Chuyển xe lăm lăm tiếp tục trong đêm cuộc hành trình trên ngàn cây số. Từ đây vào Nam, còn bao nhiêu đèo nữa? Hải Vân, đèo Cầm... Xa xưa vọng về khúc ngâm của chinh phu *Hình khe thế núi gần xa - Đút thôi lại nổi, thấp đà lại cao*. Chắc cũng hoang sơ trắng bóng lau. Bất chợt ước gì xe ngừng lại để bẻ một nhành lau còn ngậm mang về. Còn nhớ mùa lau năm nào, cậu học trò vượt mấy chục cây số đèo dốc bẻ một bình lau làm quà tết cho thầy, năm ấy mùa xuân thêm hương sắc lạ. Lau biết gì đâu, vẫn cứ trắng hồn nhiên. Ngả nghiêng theo gió mà bền hơn gió. Dải đèo Ngang này, đã từng bao cuộc thịnh suy. *Thành lũy mười triều trơ đá núi - Tinh kỳ muôn đội cỏ cây thôi*. Nguyễn Đức - người anh em của Nguyễn Du - từng đi qua đèo này mà cảm khái vì hoa lau biết đâu nỗi sầu của lòng người, vẫn nhỡn nhớ phơ sắc cùng ngọn gió thu: *Địch hoa bất giải sầu nhân tử - Không hướng kim phong dấu diễm nhan* (Hoàn Sơn). Ngày ấy, hoa lau có trắng như bây giờ?

Lau trắng - ẩn chứa bấy sắc cầu vồng. "Hãy cho ta cảm thụ màu sắc theo cách riêng mình" (Goethe). Lau là nắng, là trắng, là sương... không thuộc về âm, không thuộc về dương, ấy là *thần hồn*. Ngắm lau mà ngộ ra nghĩa hàm tàng - đời người như lau. Hãy lặng im mà nghe lau hát. Hãy nheo mắt cười tia nắng - lau *Đôi bờ là nắng nhuộm vàng - Ở trong nắng có một ngàn cái chuông* (Nguyễn Mỹ). Trong cái nhìn nhất thể tương giao, lau trình hiện cái vô hạn từ cái hữu hạn. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Những ngày giáp Tết, những người khác, cũng sống xa quê hương như con, đều nôn nóng mua vé tàu về xe... để về quê ăn Tết. Nhưng với con, trong lòng con lại có một cảm giác thật khó diễn tả. Được về quê ăn Tết là một niềm vui, nhưng con lại sợ. Thật vậy, 'Tết này con không được ngồi gói bánh chưng, bánh tét cùng với nội nữa rồi. Nội đã đi về cõi Phật', cái cảm giác ấy cứ làm con day dứt.

Học xong bậc trung học phổ thông, con rời xa gia đình vào thành phố, bon chen với cuộc sống đô hội, hy vọng rằng sẽ tốt nghiệp đại học với một thứ hạng khá để có sự nghiệp ổn định cho mình. Điều quan trọng hơn là con cũng muốn mọi người không phải lo lắng cho con nhiều hơn nữa. Điều làm con day dứt là con vẫn nhớ đến những món quà thân thương từ quê nhà cùng với những lời thăm hỏi thiết tha của nội mỗi khi có người vào thành phố nội gửi cho con; những khoản tiền nhỏ nhoi nội để dành từ những khoản bố mẹ con biếu nội mà nội không tiêu đến, nội cũng gửi người mang vào cho con với lời nhắc nhở cố gắng học chăm. Con đã bao giờ nói với nội lời cảm ơn nào đâu?

Mãi đến bây giờ, trong tâm thức của con nội vẫn còn đó. Con cứ tự dối lòng rằng tại mình ở xa nên không được gặp nội, lúc nào về quê mình sẽ được gặp lại ánh mắt, nụ cười tươi tắn của nội "ra đón đứa cháu ở xa về như những năm trước". Nhưng sự thật vẫn là sự thật, hành trình của quy luật sinh lão bệnh tử ai ai cũng đều phải trải qua. Nhiều lúc con vẫn tự nhủ với lòng, phải biết chấp nhận những gì của cuộc sống. Biết thì biết vậy nhưng con vẫn rất sợ ngày Tết về quê không gặp được nội. Có lẽ, Tết này con sẽ không về để cho con có một cảm giác nội vẫn đang ở quê nhà, tại con không về nên con mới không được gặp nội thôi.

Con viết nên lời cảm xúc này để thành kính dâng lên Nội, người mà con yêu thương và kính trọng nhất; và cũng là để nói lên lòng tri ân muộn màng về tất cả những thương yêu mà nội đã dành cho con.

Nguyễn Thị Lệ Huyền, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Khi mới nhập chúng, tất cả quý thầy ở ngôi chùa nơi tôi bắt đầu cuộc đời tu tập đều là những vị lớn tuổi hơn tôi rất nhiều. Họ ít nói chuyện, lại càng không bao giờ cười đùa với một... chú nhóc như tôi, cho nên đối với họ tôi luôn cảm thấy có chút gì sợ sệt. Và mỗi lời nói của họ đối với tôi đều là mệnh lệnh. Nhưng riêng thầy C.Đ. lại tỏ ra thân thiện với tôi, dù thầy ấy cũng không ít tuổi đời tuổi đạo hơn so với những vị thầy khác trong chùa. Phải nói là thầy rất vui tính, hay đùa bỡn với tôi, nhất là những khi thấy tôi buồn. Thầy cũng hay rủ tôi làm việc chung. Thỉnh thoảng, những khi đi đâu gần gần thầy thường gọi tôi, cho phép tôi đi theo để cho tôi "biết đây biết đó", cho tôi "thoải mái tinh thần một chút", vì quanh năm hình như tôi chẳng có việc gì cần phải ra khỏi chùa. Nhưng thời đời mà, được nước là làm tôi. Tôi cũng vậy, thấy thầy dễ tính tôi dám ra khinh lờn, coi thầy ấy như bầy vai phải lứa với mình, nhiều khi còn lẩn lút thầy nữa. Có lần tôi nghe một vị thầy trong chùa nói với thầy C.Đ: "Huỳnh chơi với nó thì sao dạy nó được?" thì thầy ấy trả lời rằng: "Nếu không chơi với tôi thì nó chơi với ai. Ở đây ai nó cũng sợ hết, có buồn vui chuyện gì làm sao dám nói ra. Riết rồi nó bị stress cũng không biết chừng". Lúc đó tôi không hiểu hết những gì hai thầy nói với nhau, tôi chỉ biết có một điều là tôi có quyền... không nghe lời thầy C.Đ.

Thời gian làm cho tôi lớn lên, và cuộc đời dần dắt tôi vào hoàn cảnh tương tự khiến tôi nhớ đến thái độ của thầy C.Đ đối với tôi ngày nào. Nhưng, thật sự mà nói, tôi không thể làm giống hoàn toàn như thầy được. Tôi luôn cảm thấy bị chạm tự ái mỗi khi có một người nhỏ tuổi đời tuổi đạo hơn mình dám khinh lờn mình, lớn tiếng lại với mình. Ngấm ngấm kị, tôi mới thấy rằng thầy C.Đ thực sự là một vị có tư tâm và có tấm lòng hỷ xả nên mới tránh được những tự ái vụn vặt, không giống như tôi bây giờ. Và tôi hiểu rằng sự hỷ sinh của thầy dành cho tôi ngày ấy là quá lớn. Đức Phật dạy không

sai: Sự vô minh của con người làm cho họ như người mù đi trong đêm tối, may mắn thì ít gặp sai lầm; nếu không, khó tránh khỏi chông gai, hãm hố. Càng nghĩ tôi càng thấy thương thầy C.Đ quá. VHPG ơi, xin gửi đến Hữu Huệ lời cảm ơn này đến với thầy C.Đ, Thầy mãi mãi là vị thầy kính yêu nhất, như làn gió mát thổi xanh tuổi thơ tôi...

Hữu Huệ



Nui ống xào

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Nui ống là một loại mì làm từ lúa mạch có xuất xứ từ phương Tây, có tên gọi nguyên thủy là Macaroni từ Ý hoặc Makaria từ Hy Lạp. Nui ống có thể kết hợp với các thành phần thực phẩm khác để chế biến thành những món ăn ngon. Món nui xào với nấm, đậu hũ đặc biệt có thêm ớt chuông đỏ là một món ăn bổ dưỡng.

Nguyên liệu:

- Nui ống: 300gr
- Đậu hũ: 1 bìa
- Ớt chuông đỏ: 1 quả
- Nấm rơm tươi: 50gr
- Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn, ớt trái, chanh.

Cách làm:

- Nui ống: ngâm một lúc cho mềm, luộc chín với một chút muối. Vớt ra cho vào một muống café dầu ăn, xóc đều cho khỏi dính.

- Nấm rơm: ngâm nước muối một lúc, gọt chân cho khỏi cát. Rửa sạch, chẻ đôi.

- Đậu hũ: chiên vàng cắt lát.
- Ớt chuông đỏ: nướng chín, khi còn nóng bỏ vào bao nylon cột kín để một lúc. Lột vỏ lụa, xắt sợi.

Bắc chảo nóng cho vào một muống súp dầu ăn, phi thơm với boa-rô xắt nhỏ. Tiếp cho nấm, đậu hũ, ớt chuông vào nêm gia vị xào thấm với lửa lớn. Sau cùng cho nui vào xào nhanh tay rồi nhắc xuống.

Múc nui xào ra đĩa rắc tiêu, ngò hay boa-rô. Món nui xào dùng nóng với nước tương, chanh và ớt trái.



Ảnh: Vó Lọc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&WA.

96H Võ Thị Sáu - P.Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372





Tự bạch

Trang sức cho tâm linh



Chúng tôi chuyên kinh doanh ngành vật phẩm trang sức bằng đá quý đã gần hai chục năm. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Phật giáo, bản thân tôi là người thích làm từ thiện. Vào năm 2007, nhờ nhân duyên có một Ni sư gửi mua giúp một bộ đĩa *Huyền bí sông Hằng* do Đài Truyền hình phát hành, tôi cũng mua một bộ để xem. Xem xong, tôi suy tư mãi trước những huyền thoại về sông Hằng, về những bí ẩn nhiệm mầu trong cuộc đời Đức Phật. Từ đó, tôi nghĩ rằng mình có trách nhiệm đóng góp cho văn hóa Phật giáo vừa để đến ơn cao dày của Đức Phật, vừa tạo thêm lợi nhuận để mở rộng hoạt động từ thiện.

Như có một động lực thôi thúc, tôi đã đến chùa Hoằng Pháp xin phép thầy trụ trì cho tôi được làm đại lý phát hành bằng đĩa, kinh sách và đã được Thượng tọa Thích Chân Tính chấp thuận và nhận được sự hoan hỷ giúp đỡ nhiệt tình của quý thầy. Đầu năm 2009, Phòng Phát hành Văn hóa phẩm Phật giáo HƯƠNG SEN đã khai trương với hình ảnh của thương hiệu là "Chú Tiểu". Chú Tiểu chính là con trai út của tôi, cháu tên Nguyễn Gia Phúc, có duyên quy y với Ngài Lạt-ma Ven. DHARPA TULKU RINPOCHE, được ban pháp danh là THINLEY DHONDUP. Tuy chưa tròn ba tuổi, cháu Phúc đã biết niệm Phật, ngồi tịnh, thích đến chùa và ngắm nhìn ảnh tượng của Đức Phật.

Nhân đọc bài *Chiếc vòng kỳ diệu* của tác giả Lê Đài đăng trên báo Giác Ngộ và nhìn hình ảnh minh họa chiếc vòng bạc có khắc dòng Tạng ngữ "OM MANI PADME HUM", tôi có cảm giác như chiếc vòng bạc chứa nhiều điều bí ẩn tâm linh. Sau đó, tôi lại được nghe giảng về năng lực của câu thần chú này. Tất cả những điều ấy đã giúp tôi khai mở tâm trí và tự nghĩ mình phải thiết kế dòng sản phẩm đồ trang sức cho tâm linh để phục vụ mọi người.

Trong kinh Đại thừa *Trang Nghiêm Bảo Vương*, Đức Phật dạy rằng, "Sáu chữ Đại minh Đà-la-ni Om Mani Padme Hum (còn đọc là Ân Ma Ni Bát Mê Hồng) này khó được gặp gỡ, nếu người nào được sáu chữ Đại Minh vương đây thì người đó tam độc tham, sân, si không thể nhiễm ô; nếu đeo trì mang giữ nơi thân, người đó cũng không nhiễm trước bệnh ba độc...". Đức Phật còn dạy rằng "... Ta có thể đếm vô số vô lượng hằng hà vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới nhưng Ta không đếm được công đức của người trì

tụng lục tự Đại Minh Chơn Ngôn này...".

Qua nghiên cứu về chất liệu làm sản phẩm, chúng tôi sẽ dùng BẠC NGUYÊN CHẤT làm nguyên liệu chính, vì bạc vốn có tính năng tốt cho sức khỏe con người. Trường hợp khách hàng có nhu cầu làm bằng vàng 18k, cửa hàng sẽ thực hiện theo yêu cầu. Nhờ sản phẩm làm bằng bạc nguyên chất và trên sản phẩm có khắc sáu chữ Đại Minh Đà-la-ni bằng Tạng ngữ, chiếc vòng bạc này sẽ giúp cho người đeo được thân tâm an lạc, cầu được như ý muốn, đồng thời giúp ổn định sức khỏe, tránh gió chướng, khử độc; đặc biệt, khi dùng cho trẻ nhỏ và người lớn tuổi, chiếc vòng sẽ tạo nên sức đề kháng.

Ngoài ra, thuật phong thủy của người châu Âu cho biết mỗi tháng sinh trong 12 tháng của năm sẽ thích hợp với một loại đá quý khác nhau. Do đó, doanh nghiệp còn kết hợp gắn đá thích hợp với tháng sinh của từng người trên mỗi sản phẩm. Khách sẽ tùy ý lựa chọn để kết hợp hài hòa các yếu tố trang sức, tâm linh và phong thủy nhằm mang lại sự may mắn và an lành cho người sử dụng.

Nhờ nguồn nguyên liệu mua tận gốc và sản phẩm do doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, sản phẩm sẽ được phát hành theo giá ưu đãi cho Tăng Ni, Phật tử và đại chúng. Dự kiến mọi sản phẩm hoàn thành sẽ được chư Tăng Ni trì chú trước khi phát hành.

Nhân kỷ niệm tròn một năm tuổi Phòng Phát hành Văn hóa phẩm Phật giáo HƯƠNG SEN, dòng sản phẩm đầu tiên đặc biệt đã được Thượng tọa THÍCH PHẬT ĐẠO, chùa Đại Bi Tâm (Thụy Điển) trực tiếp chú nguyện sẽ được phát hành vào ngày mồng 9 Tết Canh Dần tại địa chỉ **308 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, TP.HCM.**

Mỗi sản phẩm đều có in thương hiệu HƯƠNG SEN phía sau để tránh hàng giả.

Chúng tôi nguyện phát tâm dành một phần nguồn dư lợi từ việc phát hành sản phẩm mới này để sử dụng vào mục đích từ thiện, đặc biệt để giúp đỡ các bệnh nhân nghèo ở Bệnh viện Ung Bướu TP. HCM.



LÊ THỊ THANH THỦY,
pháp danh HẠNH LIỄU
Giám đốc DNTN Vàng Bạc-Đá quý
KIM HƯƠNG THỊNH
A.15 Thương Xá TAX, Nguyễn Huệ,
Quận Nhất
kiêm Chủ nhân Phòng Phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
HƯƠNG SEN
308 Nguyễn Văn Đậu, phường 11,
Quận Bình Thạnh.



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



NGỌC HIỂN
QUA LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐỒ THỜ CÚNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DD: 0983 675 570



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại một hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Cơ sở 1: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa street, district 1

Cơ sở 2: Shop 27 A và 28 A tầng trệt (first floor)

7-9 Tôn Đức Thắng street, district 1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

◊ **Sách đặc biệt hay của tác giả Nguyễn Nhân**

1. Tu theo pháp môn nào của đạo Phật để giác ngộ

Giá bán: 27.000đ/1 quyển

2. Những câu hỏi về Thiên tông

Giá bán: 23.500đ/1 quyển

3. Hành động phương pháp Phật dạy chắc chắn được giác ngộ giải thoát

Giá bán: 30.000đ/1 quyển

◻ Sách chỉ rõ cách ngồi thiền và nhận ra Phật tánh đối với ai thích tìm hiểu.

◻ Có 5 pháp môn: Mật tông, Tịnh Độ tông, Thiền Nguyên thủy, Thiền Phát triển và Thiền tông.

◻ Được xếp vào hàng sách quý, nếu giữ lâu thành gia bảo.

❖ **Liên hệ:** Cô **Nguyễn Thu Thảo** phòng rang Nguyễn Công Nhân

362 Lý Thái Tổ, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 38. 324. 846 (đối diện cây xăng ngã 7)

viet-art

HOA PHẪM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘT HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh City VIETNAM
Tel: 84-38-5511942 • Fax: 84-38-5108212 • E-mail: vietartsupply@gmail.com

PHÒNG PHÁT HÀNH VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Hương Sen

ĐT: 08.38432152 - DD: 0913916036

Email: kimhuongthinhyn@yahoo.com

Địa chỉ: 308 Nguyễn Văn Đậu

P.11, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

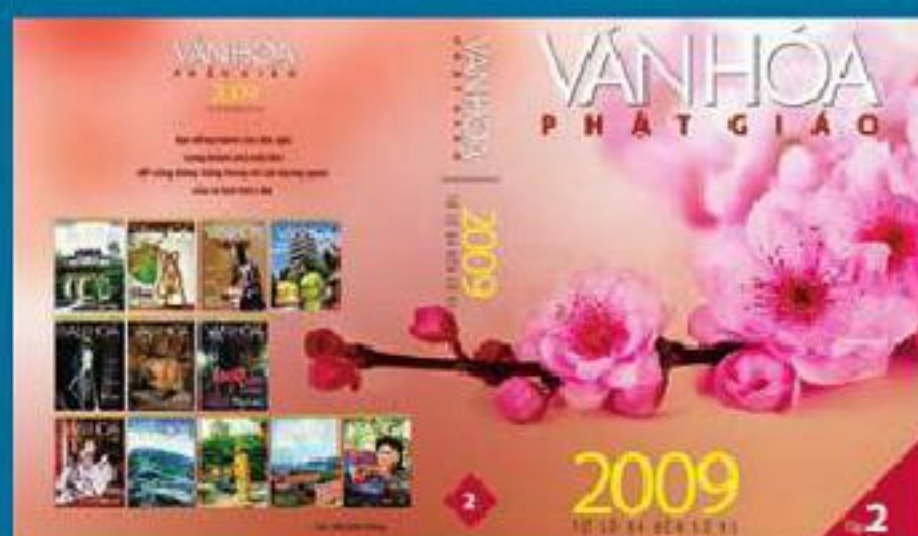
CUNG CẤP SỈ VÀ LẺ

- ◻ Tranh - thiệp thư pháp
- ◻ Tranh tượng Phật bằng đá quý các loại và xi mạ vàng 18k
- ◻ Bông, đĩa, kính và sách Phật giáo
- ◻ Y phục tu sĩ và cư sĩ Phật giáo
- ◻ Chuỗi niệm Phật bằng các loại đá quý và bán quý
- ◻ Các vật dụng thờ cúng Phật

**Sắp phát hành Văn Hóa Phật Giáo
đóng bộ, bìa cứng với 12 số cuối năm 2009
(từ số 84 đến số 95)**

Giá: 180.000/bộ

Quý độc giả có nhu cầu
xin liên lạc với tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38484335 - 38484576



pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579

Mừng Ngày Thành Đạo
đặc biệt: chào mừng tám tháng chạp
từ mừng tám đến mười bốn tháng chạp
(từ 22/1 đến 28/1/2010) GIẢM GIÁ 50%

Mừng Xuân Canh Dần
tặng phiếu thưởng thức các món lẩu
từ rằm tháng chạp đến rằm tháng giêng
(từ 29/1 đến 28/2/2010) GIẢM GIÁ 20%

Xin cầu phần này để thay phiếu
GIẢM GIÁ CÁC MÓN LẨU



NAM MÔ QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT
(Phổ Quang Sơn)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH **KINH SÁCH**

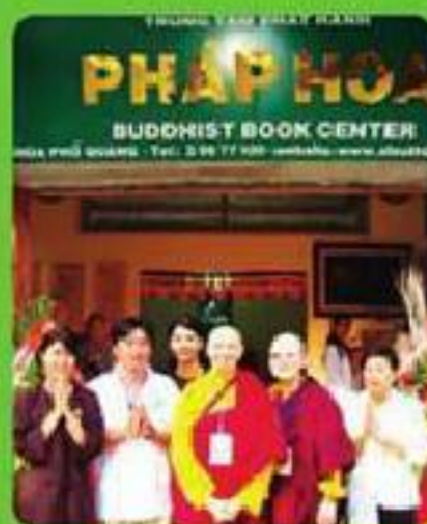
ĐC: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 38 46 97 21 - 0913 808 338
Email: toinanthpg@yahoo.com

TRUNG TÂM

PHÁP HÒA

www.sieuthiphatgiao.vn

Tel: (08) 399 77 100



Kinh sách, Tranh tượng, Chuối hạt,
Pháp khí, Pháp phục, Băng đĩa
Quà lưu niệm, Văn hóa phẩm Phật giáo
Thực phẩm chay, Hoa quả...

TRUNG TÂM

PHÁP HÒA

www.sieuthiphatgiao.vn

Chùa Phổ Quang

64/3 Phổ Quang, P2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 3845 1828 Mobile: 0913 808 338

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 98+99
Xuân Canh Dần 2010

Phát hành ngày 1 - 2 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 - 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG